

# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

ISSN 1145-9557 Số 167 - Năm thứ 16, tháng 02-2003



Mừng  
Xuân  
Quý  
Mùi  
2003

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên,  
Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam và  
ban biên tập Thông Luận xin gửi  
tới các chí hữu, thân hữu và độc giả  
lời chúc một năm Quý Mùi  
an khang và thành đạt.

Xin bày tỏ lòng biết ơn sâu xa tới  
các chiến sĩ dân chủ đang gặp gian  
nan, đặc biệt là hai con chim đầu  
đàn của phong trào dân chủ trong  
nước : Phạm Quế Dương và  
Trần Khuê.

Bằng chính những oan khổ của họ,  
những Nguyễn Văn Lý, Nguyễn  
Khắc Toàn, và biết bao nhiêu người  
khác nữa, đã tố giác bạo quyền  
trước lịch sử, dân tộc và thế giới  
văn minh. Họ góp phần quan trọng  
cho cuộc vận động dân chủ. Xin gửi  
tới họ và gia đình sự liên đới và  
lòng trân trọng.

Xin chúc cuộc vận động dân chủ  
sớm vượt qua cơn thử thách này và  
giành thắng lợi nhanh chóng.



## Những anh hùng của đất nước hôm nay

Điều mà những ai quan tâm tới đất nước lo ngại đã đến. Ngày 28-12-2002 chính quyền cộng sản đã bắt Phạm Quế Dương, ngày hôm sau họ bắt Trần Khuê. Cả Phạm Quế Dương lẫn Trần Khuê đều đã chờ đợi biến cố này từ lâu rồi. Nhưng họ vẫn tiếp tục làm những gì mà lương tâm và lòng yêu nước đòi hỏi, chấp nhận mọi hậu quả.

Phạm Quế Dương và Trần Khuê là hai nhân vật sáng suốt nhất và dũng cảm nhất của Việt Nam từ 1975.

Sáng suốt nhất bởi vì họ đã nhìn thấy rõ nhất là phải đấu tranh có tổ chức mới hy vọng đem lại thắng lợi cho dân chủ và đã thấy phải tổ chức công khai cuộc vận động dân chủ hòa bình. Không phải ai cũng có thể nhận định như họ. Không thiếu những người bế tắc trong quan điểm cho rằng chỉ có bạo lực mới đấu tranh được với cộng sản và cũng không thiếu những người luẩn quẩn suy nghĩ rằng chưa đến lúc có thể có tổ chức trong khi vẫn không trả lời được câu hỏi đến bao giờ mới là đúng lúc.

Can đảm vì họ thừa biết rằng chế độ cộng sản sẽ phản ứng một cách thô bạo, nhưng họ chấp nhận mọi hậu quả để phấn đấu đưa đất nước ra khỏi bế tắc.

Phong trào dân chủ trong nước, đặc biệt là ở miền Bắc, đã phát triển nhiều trong hai năm qua. Sự phát triển không phải chỉ do tình hình đã chín muồi. Nó cũng nhờ rất nhiều khả năng của Phạm Quế Dương và Trần Khuê. Không phải là một sự tình cờ mà Phạm Quế Dương và Trần Khuê đã là hai đồng phát ngôn viên của cả hai tổ chức đối lập công khai duy nhất thuần túy do người Việt Nam tự ý thành lập dưới chế độ cộng sản sau 1975 : Hội Chống Tham Nhũng và Nhóm Dân Chủ.

Phạm Quế Dương ở Hà Nội, Trần Khuê ở Sài Gòn, họ ở xa nhau mà vẫn làm việc được với nhau tay trong tay. Họ cũng chứng tỏ một cách hùng hồn rằng những con người bản chất rất khác nhau vẫn có thể gắn bó chặt chẽ với nhau trong cùng một lý tưởng.

Họ rất khác nhau. Phạm Quế Dương là một con người hành động, hồn nhiên và đầy trực giác, sự hồn nhiên khiến ông không ý thức rằng ông cũng là một người uyên bác. Trần Khuê là một nhà lý luận, điều này khiến chính ông cũng nhiều khi quên rằng ông cũng là một nhà tổ chức đầy

khả năng thu hút. Cả hai đã là những người đi đầu và dẫn đầu cuộc vận động dân chủ ở vào giai đoạn quan trọng nhất của đất nước.

Phạm Quế Dương đã kiên trì xây dựng phong trào dân chủ tại Hà Nội, đẩy nó lan rộng ra các nơi khác và cho nó một sự tự tin ngày càng lớn hơn. Ông đã là trái tim của phong trào dân chủ Việt Nam. Trần Khuê đơn độc và thách thức dương cao ngọn cờ dân chủ trong Nam. Cùng với Nguyễn Đan Quế, ông đã là một trong hai tiếng nói lương tâm của miền Nam từ mấy năm nay.

Nếu suy nghĩ một cách bình tĩnh, chúng ta phải thấy rằng trong suốt dòng lịch sử Việt Nam ít khi có được những con người cao cả như thế. Những con người dũng cảm ta có khá nhiều, những con người có kiến thức cao ta cũng không thiếu, nhưng những người như Phạm Quế Dương và Trần Khuê uyên bác, dũng cảm, có ý thức về tổ chức, có sức thu hút lớn, vừa không có tham vọng nào cho chính mình lại vừa có tham vọng lớn cho đất nước, thì quả là ta rất thiếu. Họ xứng đáng, và rất xứng đáng, được dân tộc và lịch sử tôn vinh.

Họ đã bị bắt và có tất cả mọi triển vọng sẽ bị giải tòa và kết án rất nặng. Nhưng đây không phải là một sự hy sinh liêu lĩnh mà là một sự hy sinh có suy nghĩ. Cả hai, nhất là Phạm Quế Dương, đều là những con người có chức phận trong xã hội cộng sản. Không gì bắt buộc họ phải thách thức bạo quyền trừ trí tuệ và lương tâm. Và, hợp lý với chính họ, họ đã thấy đã tranh đấu thì phải tranh đấu đến nơi đến chốn.

Họ sẽ thắng lợi bởi vì họ đã đặt được cơ sở tiếp nối. Họ đã được sự hưởng ứng của tuổi trẻ.

Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang là những biểu tượng sinh động của cuộc vận động dân chủ, cuộc chuyển hóa trọng đại nhất trong lịch sử đất nước. Họ là những anh hùng dân tộc.

Chúng ta càng phải đặc biệt tôn vinh họ vì họ vẫn còn sống và chỉ có những anh hùng còn sống mới giúp được chúng ta.

**Thông Luận**

## Ai phản bội ai ?

*Nguyễn Gia Kiểng*

Ngày hôm nay không còn ai chối cãi rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam đã vi phạm trắng trợn Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973. Tuy vậy quan điểm chung của mọi người là hiệp định này đã chỉ có tác dụng cho phép Mỹ triệt thoái khỏi Việt Nam trong danh dự và lấy lại các tù binh bị Hà Nội bắt giữ. Càng ngày càng có đồng thuận, của người Việt cũng như người Mỹ, rằng Mỹ đã phản bội Việt Nam Cộng Hòa, đã giao miền Nam cho cộng sản vì đã rút quân Mỹ khỏi Việt Nam trong khi vẫn để cho 150.000 quân Bắc Việt ở lại miền Nam, tệ hơn nữa đã cắt dần viện trợ cho miền Nam sau đó.

Ba mươi năm đã trôi qua kể từ ngày Hiệp Định Paris được ký kết. Có lẽ đã đến lúc nên nhận định lại một cách bình tĩnh.

Hiệp Định Paris không hề bức tử Việt Nam Cộng Hòa. Nó chỉ xác nhận một nguy ngập vốn đã có từ trước. Đáng lẽ nó phải là một báo động tạo ra cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa một phản xạ tự vệ lành mạnh để tồn tại, nhưng ê-kíp của ông Nguyễn Văn Thiệu đã chỉ phản ứng hốt hoảng và vụng về. Đó mới là thiệt hại lớn nhất. Dĩ nhiên ai cũng muốn phần tối đa. Chế độ cộng sản Bắc Việt muốn giải thể chế độ Việt Nam Cộng Hòa, thay thế bằng một chính phủ liên hiệp mở đường cho họ thôn tính miền Nam. Ngược lại, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu muốn Bắc Việt nhìn nhận thất bại, rút hết quân về miền Bắc đem theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Nhưng so sánh lực lượng, về quân sự cũng như về chính trị, lại khác và Hiệp Định Paris phải phản ánh thực tại này.

Vả lại, Hiệp Định Paris cũng đã phản ánh tương quan lực lượng một cách khá thuận lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Chính quyền được duy trì và được nhìn nhận trên toàn lãnh thổ, chỉ trừ có hai huyện và một vài xã. Mỹ cũng lấy lại được 500 tù binh một cách không tốn kém, được tiếp tục viện trợ không giới hạn cho miền Nam. Hơn nữa, Hiệp Định Paris còn có nhiều qui định lúc nào cũng có thể tạo lý do cho Hoa Kỳ can thiệp trở lại nếu muốn, và nếu như vậy thì Hiệp Định Paris sẽ chỉ có tác dụng duy nhất là làm cho Bắc Việt phớt lờ không bồi hoàn tù binh Mỹ. Bình thường ra phải coi Hiệp Định Paris như một thất bại lớn cho Bắc Việt. Họ đã chịu những tổn thất kinh khủng và sau cùng phải phóng thích tù binh Mỹ mà không được bồi hoàn gì cả. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thì hầu như bị hy sinh.

Người ta hay viện dẫn Hiệp Định Paris buộc Hoa Kỳ phải triệt thoái quân đội khỏi miền Nam. Nhưng đây là điều mà Hoa Kỳ đã tự ý làm từ năm 1969 và càng ngày càng phải làm với vận tốc nhanh hơn dưới áp lực của chính dư luận Mỹ, dù có hay không có Hiệp Định Paris.

Người ta cũng thường nói tới việc hiệp định không bắt buộc Bắc Việt phải rút quân. Nhưng nếu chế độ Việt Nam Cộng Hòa thực sự có sức sống thì tại sao lại sợ 150.000 quân, xa hậu phương và khó tiếp liệu này, trong khi mình có hơn một triệu quân ? Điều bi đát là trên thực tế ông Thiệu và các tướng lãnh miền Nam không những chỉ sợ số quân Bắc Việt này mà còn tin chắc, và bằng thái độ và những lời tuyên bố của họ làm cho quân và dân miền Nam cũng tin chắc, là Việt Nam Cộng Hòa sẽ thất bại sau khi quân Mỹ đã triệt thoái hết. Chỉ một tâm lý chủ bại này thôi cũng đủ để đưa đến cái chết của chế độ Việt Nam Cộng Hòa vì một đạo quân dù hùng mạnh tới đâu cũng thất bại nếu đã mang sẵn sự thất bại ở trong lòng.

Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã chết không phải vì Hiệp Định Paris mà vì những lý do khác.

Lý do căn bản nhất là Việt Nam Cộng Hòa chưa bao giờ là một quốc gia. Nó được chính thức tuyên bố thành lập trên một chiến hạm Pháp đậu ngoài khơi vịnh Hạ Long. Ngay sự kiện này cũng đủ chứng tỏ nó được khai sinh một cách vô ý thức. Những người kế tiếp nhau cầm đầu phe quốc gia, từ "Quốc Gia Việt Nam" đến "Việt Nam Cộng Hòa", từ ông Bảo Đại đến ông Nguyễn Văn Thiệu, đều chỉ có một quan hệ rất mong manh, có khi còn xung đột, với văn hóa và lịch sử Việt Nam. Ngay chính cái quốc hiệu "Việt Nam Cộng Hòa" (thay vì Cộng Hòa Việt Nam) cũng là vi phạm ngữ pháp Việt Nam không chấp nhận được ở thời điểm 1955. Họ hoàn toàn không có một kiến thức hay một quan tâm chính trị đúng đắn nào cả. Trong suốt cuộc xung đột sống còn của "Quốc gia Việt Nam", ông Bảo Đại sống ở nước ngoài và dành trọn thời giờ cho các sông bài. Ông Dương Văn Minh và ông Nguyễn Cao Kỳ đã nhiều lần hãnh diện khoe khoang không biết gì về chính trị. Ông Nguyễn Văn Thiệu và bộ tham mưu thì phá tất cả mọi kỷ lục về sự thiển cận và vô ý thức.

Qua 27 năm tồn tại, chế độ Việt Nam Cộng Hòa, vẫn chưa đưa ra được một ý niệm về quốc gia đủ sáng sủa để người dân Việt Nam thấy có lý do để gắn bó với nó và hy sinh cho nó. Nhưng quốc gia không thể không có vì quốc gia chính là người chủ của nhà nước. Không có quốc gia cho nên bộ máy nhà nước của miền Nam không có chủ. Chính quyền quốc gia giống như một xí nghiệp không thuộc về ai mà chỉ có những người làm công ăn lương cố được quyền lợi thật nhiều và thật lâu. Điều này giải thích tại sao tất cả những người kế tiếp nhau cầm đầu các chính quyền quốc gia đều không bao giờ dám nghĩ rằng họ có một nửa bản lĩnh của ông Hồ Chí Minh, hay ngay cả những công sự viên thân tín của ông, nhưng họ vẫn muốn cầm quyền, và hơn thế nữa còn muốn cầm quyền thật lâu bởi vì chính

quyền chỉ là danh lợi mà số tử vi của họ dành cho họ chứ không phải là một nghĩa vụ mà họ đảm nhận vì hậu thuẫn, lực lượng và tài năng.

Vấn đề thực sự là sự yếu kém của trí tuệ Việt Nam. Trong suốt thế kỷ 20, dù đã có phương tiện để tiếp thu cả kho tàng tư tưởng của thế giới, Việt Nam chưa có được một nhà tư tưởng chính trị nào. Vấn đề là muốn tránh ách cộng sản và có dân chủ Việt Nam cần một vượt thoát bất thường về tư tưởng, nhưng sự vượt thoát bất thường này đã không có.

Cuộc đấu tranh chống cộng sản đã có thể có ý nghĩa và có sức động viên nếu nó được quan niệm như một cuộc chiến đấu chống độc tài và xây dựng một tương lai chung cho Việt Nam trong tự do và dân chủ. Nhưng tất cả những người đã cầm đầu Việt Nam Cộng Hòa đều tỏ ra ngưỡng mộ độc tài và không ngừng gièm pha dân chủ. Đối với họ chỉ có vấn đề chống cộng. Ông Nguyễn Cao Kỳ còn công khai ca tụng Hitler.

Nguyên nhân gần và trực tiếp đưa đến thất bại của Việt Nam Cộng Hòa là các chính quyền hoàn toàn không có ý thức nào về chính trị và chiến lược. Tôi có mặt tại Việt Nam trong hai năm cuối của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và ngỡ ngàng vì sự vô ý thức khó tưởng tượng của chế độ này. Việt Nam Cộng Hòa có một kẻ thù đang cố sức tiêu diệt nó là chế độ cộng sản miền Bắc và một người bảo vệ nó là Hoa Kỳ, nhưng lại không có một cơ quan nghiên cứu về chế độ cộng sản miền Bắc để xem chế độ này có những điểm yếu và điểm mạnh nào và những gì có thể làm Hà Nội bối rối. Nó cũng không có một cơ quan nghiên cứu về Hoa Kỳ để xem nước Mỹ sinh hoạt như thế nào, những gì có thể bắt buộc hoặc cho phép chính phủ Hoa Kỳ gia tăng sự ủng hộ đối với Việt Nam Cộng Hòa và những gì có thể khiến họ không thể bảo vệ nó nữa. Chính sách của Hoa Kỳ do quốc hội Hoa Kỳ quyết định nhưng Việt Nam Cộng Hòa, mà sự sống còn tùy thuộc ở Hoa Kỳ, hoàn toàn không có một kế hoạch nào để tranh thủ sự ủng hộ của các dân biểu, nghị sĩ Hoa Kỳ cả.

Những người kế tiếp nhau lãnh đạo miền Nam còn "quốc tế" hơn cả ban lãnh đạo cộng sản. Họ tự nghĩ không có một trách nhiệm nào đối với Hoa Kỳ cả, trái lại Hoa Kỳ có nhiệm vụ phải bảo vệ miền Nam vì bảo vệ miền Nam là để ngăn chặn cộng sản thôn tính cả thế giới tự do, trong đó có cả Mỹ. Họ nghĩ rằng nếu miền Nam sụp đổ thì cả thế giới tự do cũng có thể sụp đổ theo. Họ không hiểu rằng các nước phương Tây, Hoa Kỳ và Tây Âu, chẳng bao giờ lo sợ bị cộng sản thôn tính cả, trái lại lúc nào cũng tin là sẽ đánh gục được phe cộng sản. Họ vẫn tin rằng dù họ có làm gì đi nữa thế giới tự do và Hoa Kỳ vẫn phải bảo vệ miền Nam và họ không cảm thấy cần giúp chính phủ Mỹ giúp mình.

Nhận định này thể hiện rõ rệt ngay trong thời gian hội nghị Paris diễn ra. Lúc đó con mắt của cả thế giới dồn vào Việt Nam nhưng Sài Gòn không thấy cần làm gì để tranh thủ sự ủng hộ của dư luận cả. Ông Thiệu cử làm trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa ông Phạm Đăng Lâm, một công chức hoàn toàn không có một khả năng chính trị nào.

Ông Lâm đưa cô tình nhân là ca sĩ Thanh Nga sang Paris cả mấy tháng lấy cớ là làm dân vận nhưng sự thực là để ông được ở bên cạnh cô. Sau đó ông Nguyễn Cao Kỳ được cử sang để giám sát phái đoàn, nhưng lý do thực sự là ông Thiệu muốn trục xuất ông Kỳ khỏi Việt Nam để khỏi bị vướng cẳng. Khi Hiệp Định Paris đã ký kết xong và hội nghị song phương giữa "hai bên miền Nam Việt Nam", nghĩa là Việt Nam Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, mở ra thì ông Thiệu cử bác sĩ Nguyễn Lưu Viên làm trưởng phái đoàn. Ông Nguyễn Lưu Viên là một người khả kính nhưng ông biết rất ít về chính trị và lại nói cà lăm. Tôi có hỏi tại sao có sự chỉ định bất thường này và được giải thích rằng ông Thiệu chọn ông Viên chính vì ông Viên nói cà lăm và do đó ít nói. Tại Sài Gòn, bên cạnh một Trần Văn Trà tươi cười và hoạt bát, ông Thiệu cử tướng Ngô Du, một người phì nộn với mặt mũi tằm tối, làm đại diện Việt Nam Cộng Hòa trong ủy ban quân sự bốn bên. Trong buổi họp đầu tiên ông Ngô Du ngồi thộn ra đó, không nói năng gì cả. Tôi cũng tìm hiểu và được giải thích rằng mục đích của ông Thiệu là để cách chức ông Ngô Du khỏi Quân Đoàn II vì ông này bị tai tiếng là tham nhũng và buôn lậu bạch phiến. Lúc đó đang có một tài liệu của trung ương tình báo Mỹ buộc tội ông Ngô Du đứng đầu một đường dây buôn bạch phiến được phổ biến và gây sôi nổi trên báo chí thế giới. Cũng trong thời gian hội nghị Paris, các cơ quan truyền thông truyền đi hình ảnh tướng Nguyễn Ngọc Loan tự tay hành quyết giữa đường phố một tù binh cộng sản mà không thấy ông Loan bị ra tòa hoặc bị kỷ luật. Nhưng hành động tai hại nhất là cuộc độc diễn của ông Thiệu trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1971, biến danh nghĩa dân chủ của Việt Nam Cộng Hòa thành một trò hề và làm tan nát niềm tin còn lại của cả dân lẫn quân miền Nam. Nếu muốn tuyên truyền để bôi nhọ và lố bịch hóa Việt Nam Cộng Hòa thì cũng ít ai có thể làm đắc lực hơn ông Thiệu.

Sau cùng, ai đã phản bội và ai đã bị phản bội ?

Phải chăng nhân dân Mỹ đã phản bội ? Không. Họ chưa bao giờ chấp nhận cuộc chiến này cả. Họ đã chỉ bị chính quyền họ lôi kéo vào cuộc chiến này. Phải hiểu cho các bà mẹ Mỹ. Liệu có bà mẹ Việt Nam nào chấp nhận để con mình chết cho một chế độ bê bối ở châu Phi không ? Và 60.000 thanh niên Mỹ đã bỏ mình tại Việt Nam. Họ chống chiến tranh cũng đúng thôi. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã không làm bất cứ gì để tranh thủ quần chúng Mỹ, mà chỉ làm những điều ngược lại.

Phải chăng chính phủ Mỹ đã phản bội ? Cũng không. Mỹ là một nước dân chủ và chính quyền không thể bất chấp dư luận. Không thể trách chính phủ Mỹ. Hoa Kỳ chưa bao giờ giúp đỡ một quốc gia nào nhiều bằng họ đã giúp Việt Nam Cộng Hòa. Cũng chưa bao giờ một quốc gia đã giúp một quốc gia khác như Mỹ đã giúp Việt Nam Cộng Hòa.

Phải chăng nhân dân miền Nam đã bị phản bội ? Cũng không luôn. Đa số nhân dân miền Nam lúc đó muốn chấm dứt chiến tranh bằng mọi giá, những người chống cộng quyết tâm chỉ còn là một thiểu số, không được ngay cả

chính quyền Sài Gòn trọng dụng. Việc nhân dân miền Nam, cũng như cả nước, thất vọng và phẫn nộ với chế độ cộng sản sau đó là một chuyện khác.

Nhưng có những người đã bị phản bội.

Đó là những người quốc gia chân chính, lương thiện, có ý thức, có trí tuệ, có dũng cảm và quyết tâm đã muốn đưa vào chế độ Việt Nam Cộng Hòa để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và để xây dựng một Việt Nam dân chủ. Họ đã chỉ đi từ thất vọng này đến thất vọng khác. Họ đã hy sinh nhiều, họ cũng khá đông đảo, nhưng họ chưa bao giờ có được vai trò quyết định. Kẻ đã phản bội họ chính là những người đã kế tiếp nhau lãnh đạo phe «quốc gia».

Đó cũng là những người trong hàng ngũ cộng sản cũng đã hy sinh rất nhiều để rồi nhận ra một cách chua chát là mình đã chỉ đóng góp cho một chế độ bạo ngược đập phá đất nước.

Bài này được viết ra với lòng trân trọng dành cho cả hai tập thể bị phản bội này. Với niềm hy vọng là họ và các thế hệ đàn em của họ sẽ nhận nhau là anh em, sẽ bắt tay nhau đòi lại đất nước và làm lại một nước Việt Nam tự do, dân chủ mà các thế hệ mai sau có thể tự hào.

*Nguyễn Gia Kiểng*

## **Thành công Thế kỷ 21**

**Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001**

của

**Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên**

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi.

Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà trên thêm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

*"Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn.*

*Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện.*

*Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lệ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát".*

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu.

Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại Châu Âu :  
8 EUR, Mỹ : 7 USD, Úc : 13AUD.

Chi phiếu xin đề : **Vietnam Fraternité** và gửi về  
tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau,  
77600 Bussy-Saint-Georges -France.

Thư viết cho một người bạn tên Quang

## **Anh không hề cô đơn, và sẽ không bao giờ cô đơn**

Anh Lê Chí Quang thân mến,

Thời gian đi thật mau. Đã một tháng trôi qua kể từ ngày anh ra tòa, nhận lãnh bản án bốn năm tù và ba năm quản chế. Hôm ấy, ngày 8 tháng 11 năm 2002, đứng giữa Tòa Án Nhân Dân Hà Nội, anh đã có những suy nghĩ gì ? Anh cảm thấy cô đơn, anh tự hỏi những gì đang chờ đợi anh, hay anh tiếp tục lo lắng cho số phận đất nước thương yêu của chúng ta ? Hay anh mệt mỏi, chỉ còn đủ sức tự kiềm chế để không phải sơ hở trong lời nói, cử chỉ ? Trước khi ra tòa, chắc hẳn anh đã được những người giam cầm "chuẩn bị" đầy đủ, và bệnh tình không được chăm sóc cũng không nương tha thể xác, trí não của anh.

Anh biết không, ngày hôm ấy, Mẹ anh đã có mặt tại phiên tòa. Không nói được lời nào với anh, bà đã giơ cao nắm tay, ủng hộ anh và khuyên anh giữ vững quyết tâm. Bố của anh cũng có mặt, và ông đã đưa hai ngón tay hình chữ V lên, nhắc cho anh niềm tin chiến thắng. Ngoài cổng tòa, gần một trăm người đã đến ủng hộ anh, bất chấp nguy hiểm, bất chấp đe dọa của công an. Từ khắp nơi trên thế giới, đồng bào của anh, những tổ chức phi chính phủ bảo vệ nhân quyền, nhiều đại diện chính phủ dân chủ từ Úc, Âu đến Mỹ châu đã không ngừng theo dõi tin tức của Lê Chí Quang, hết lòng yểm trợ lý tưởng dân chủ mà anh theo đuổi, và cực lực phản đối bản án mà anh phải gánh chịu.

Không, anh không hề cô đơn, và sẽ không bao giờ cô đơn.

Từ Bắc chí Nam, từ Âu sang Mỹ, người người đã chứng kiến, kính phục lòng yêu nước nồng nàn, nhận thức sáng suốt cũng như sự can đảm phi thường của Lê Chí Quang, qua các bài viết của anh được phổ biến rộng rãi trên hệ thống liên mạng. Các bài nổi tiếng như "Hiệp Định Thương Mại và Quan Hệ Việt Nam-Hoa Kỳ", "Hãy Cảnh Giác với Bắc Triều" đã đánh thức và thuyết phục hàng nghìn, hàng vạn trái tim cùng tha thiết với tương lai dân tộc, những trái tim thuộc nhiều thế hệ khác nhau, chính kiến khác nhau. Anh đã khơi dậy lòng yêu nước ở những người mà anh không từng biết. Để rồi hàng nghìn, hàng vạn người bạn cương quyết cùng bước với anh trên con đường chông gai, hiểm trở dẫn đến hạnh phúc, vinh quang của dân tộc.

Đối với riêng tôi, bài viết của anh tạo nhiều ấn tượng nhất vẫn là bài tường thuật "Vì Sao Tôi Bị Công An mời lên gặp...", viết ngày 26 tháng 6 năm 2001. Bài này có lẽ ít người biết đến, và tôi đã may mắn được đọc trong báo *Đàn Chim Việt*, xuất bản tại Ba Lan, số 20 (tháng 8, năm 2001). Trong bài, anh kể lại những trao đổi giữa anh và các viên chức thuộc Phòng Tìm Hiểu Dự Luận Xã Hội của Bộ Công An, ba ngày sau khi anh phổ biến bài viết về hiệp định thương mại và được mời đến trụ sở công an để "tìm hiểu nhau". Ai ngờ, kẻ được công an mời đến "tìm hiểu" lại trở thành người đi "tìm hiểu" công an. Bằng một thái độ bình tĩnh, cách ứng đáp khôn ngoan và kiến thức vững

chắc, anh đã khiến cho các sĩ quan công an Hạnh và Cư lúng túng, phát biểu đầy những mâu thuẫn khôi hài và lắm khi phải lặng im hay vội vã chuyển đổi đề tài vì đuối lý. Họ đã không buộc tội được anh vì anh không hề có tội, anh chỉ thực thi những điều mà hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cho phép và bảo đảm. Họ không che chở được cho Đảng, không bào chữa được cho nghị định 31/CP. Và trước lời buộc tội của luật sư Lê Chí Quang về việc nhà nước ký các bản hiệp định nhường đất và biển cho Trung Quốc, họ đã phải thú thật : "Chúng ta ở vào thế yếu, không ký không được".

Ở một đoạn trong bài, anh tự hỏi như sau : *"Phải chăng Việt Nam có hai bản Hiến pháp. Một bản để trình ra thế giới, nhưng không được thi hành. Còn một bản thì nhà nước thực thi ngấm trong dân chúng. Trong bản Hiến pháp thứ hai này, công dân chẳng có quyền tự do nào cả"*. Lòng yêu nước và nhận thức sắc bén của anh không đánh mất đi cái nhìn nhân bản, bao dung của anh đối với các viên chức công an : *"Trên đường về nhà, tôi miên man suy nghĩ. Tôi cảm thấy thương cho các anh. Các anh cũng là người có học, có nhận thức, chỉ tiếc vì miếng cơm manh áo, vì chế độ quái gở này mà các anh và chúng tôi bị đẩy về hai phía của cuộc chơi bất đắc dĩ"*. Cái nhìn bao dung đáng quý này đặt anh lên trên hẳn những kẻ áp bức anh, nó chứng minh ý chí cao cả của anh. Có khác nào nhà văn Bùi Ngọc Tấn khi "đâm thương" các ông Lan, ông Trần (hai viên chức công an của *Chuyện Kể Năm 2000*), hay giáo sư Đoàn Viết Hoạt với tư tưởng đại đoàn kết bao gồm cả những thành phần quân cán của chế độ biết thật lòng trở về với dân tộc, ngay từ những ngày giáo sư còn nơi chốn lao tù.

Và rồi anh kết thúc bài viết bằng những dòng chữ khẳng định lòng cương quyết không gì lay chuyển được, tương tự như tinh thần Sát Đát của quân dân ta ngày nào: *"Tôi dám làm thì cũng dám đương đầu. Tôi chột nhớ một câu nói của Mạnh Tử, "Dũng Sĩ bất vong tằng kỳ nguyên", có nghĩa là dũng sĩ không quên có ngày mình sẽ mất đầu. Từ đấy lòng tôi càng thấy can đảm hơn"*.

Anh Quang thân mến, tôi cho rằng những kẻ bắt giam anh, đày đọa anh trong khi bệnh trạng của anh ngày một nặng, xử và kết án anh một cách hấp tấp và máy móc, những kẻ đó sợ anh lắm. Vì cả guồng máy cai trị khắc nghiệt, với hậu quả là một xã hội băng hoại, suy đồi, vẫn không cướp đi được khối óc và con tim của Lê Chí Quang. Vì họ dư biết rằng có hành hạ thân xác Lê Chí Quang bao nhiêu đi nữa, cũng không bao giờ giết được tinh thần Lê Chí Quang. Trên các diễn đàn liên mạng của thanh niên trong nước, và một số diễn đàn của du sinh Việt Nam tại Đông Âu, tên của anh, bài viết của anh và suy nghĩ của anh đang được phổ biến nhanh chóng. Tôi có người bạn cũng ở lứa tuổi ba mươi của chúng ta, gần đây bắt hẳn các hoạt động dân chủ cho đất nước vì bạn chuyện gia đình, vừa hăng hái quay lại với anh em ở Ba Lan để chất vấn tòa lãnh sự Việt Nam bên ấy về vụ Lê Chí Quang bị kết án. Và tại phiên họp của quốc hội Canada, mười ngày sau khi anh bị kết án, tên của anh cũng như vấn đề không có tự do tư tưởng, tự do ngôn luận tại Việt Nam đã được nêu ra để

## **Trả tự do tức khắc cho Trần Khuê và Phạm Quế Dương**

Hôm nay, ngày 5 tháng 1 năm 2003, tức là năm sáu ngày sau khi ông Trần Khuê và ông Phạm Quế Dương đã bị bắt giam mà Nhà nước chưa trả tự do cho họ.

Ngày 29-12-2002, lúc 14 giờ, công an đã đến khám xét nhà của ông Trần Khuê, tịch thu một máy vi tính, hai máy in và tài liệu. Qua ngày 30-12-2002, họ đưa ông về nhà và đọc lệnh bắt tại nhà số 296 Nguyễn Trãi (Quận 5, Sài Gòn) với tội danh "Tán phát tài liệu chống Đảng và Nhà Nước". Hiện nay, ông đang bị giam giữ ở số 4 Phan Đăng Lưu, Sài Gòn (một cơ quan an ninh đặc biệt).

Trước đó mấy ngày, ông Phạm Quế Dương, từ Hà Nội vào, ghé thăm ông Trần Khuê nhưng bị công an ngăn cản. Ông Dương và ông Khuê vẫn tiếp tục gặp nhau liền mấy ngày, sau đó khi ông Dương lên đường trở về Hà Nội thì đã bị chặn bắt tại ga Sài Gòn vào lúc 15g30 ngày 28-12-2002. Sau đó một ngày, chính quyền đã phối hợp các cấp ban ngành đến khám xét nhà ông Khuê và bắt ông đưa đi như đã nói trên.

Với một tội danh vu vơ, nhà nước cộng sản Việt Nam đã bắt giam hai người yêu nước, dựa vào luật rừng.

Do đó, tôi cực lực phản đối và lên án cuộc bắt bớ này, cũng như những cuộc bắt giam và lên án luật sư trẻ Lê Chí Quang, và ba người cháu của linh mục Nguyễn Văn Lý trước đó.

Tôi yêu cầu nhà nước trả tự do tức khắc cho ông Trần Khuê, ông Phạm Quế Dương, luật sư Lê Chí Quang, linh mục Nguyễn Văn Lý và ba người cháu, đồng thời giải tỏa quản chế cho thượng tọa Huyền Quang, thượng tọa Quảng Độ, cụ Lê Quang Liêm và bác sĩ Nguyễn Đan Quế.

Đảng cộng sản và chính quyền cộng sản Việt Nam càng tăng cường bắt bớ, đàn áp, bịt miệng trí thức và tuổi trẻ, thì chỉ càng làm cho lòng dân phẫn uất, khinh bỉ một chế độ độc tài toàn trị, càng thấy rõ bản chất coi thường trí thức của đảng cộng sản, chỉ sách lược giả dối khi cần thiết. Chẳng còn gì tốt đẹp để chinh phục lòng người ngoài việc sử dụng quyền lực!

*Linh mục Chân Tín*  
(38 Kỳ Đồng, Sài Gòn)

nghiên cứu ; đây là một kết quả cụ thể của nỗ lực vận động dư luận quốc tế mà khắp nơi các tổ chức dân chủ của người Việt đã và đang tiến hành.

Thế hệ con cháu của chúng ta sẽ nghĩ sao về giai đoạn đen tối nhất của lịch sử mà chúng ta đang sống ? Con cháu của chúng ta sẽ đặt nhiều câu hỏi, chỉ trích nhiều vấn đề, nhưng chắc chắn sẽ phải hãnh diện với những tấm gương sáng ngời mang tên Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn, và bao nhiêu người khác kiên cường tranh đấu cho dân chủ nước nhà, từ trong nước và ngoài nước.

Trong khi viết những hàng này, tôi tự hỏi, có bao giờ thư đến tay anh không. Giờ này, anh đang ở đâu và đang

## Giới thiệu sách mới

### **From Enemy To Friend, A North Vietnamese Perspective On The War**

("Từ Thù Đến Bạn, Nhận Định Của Một Người Miền Bắc Việt Nam Về Cuộc Chiến"), tác giả Bùi Tín, nhà xuất bản Naval Institute Press phát hành tháng 11-2002. ISBN : 1-55750-881-X.

Sách dày 240 trang và 22 hình ảnh, bìa màu, trình bày trang nhã, có bản tóm lược lịch trình thời gian và bản hướng dẫn tìm chủ đề. Giá bán : 24.95 USD (chưa kể cước phí).

**Đặt mua :** Susan Artigiani (Publicity Manager, Naval Institute Press, 291 Wood Road, Annapolis, MD 21402-5034, USA, [www.NavalInstitute.org](http://www.NavalInstitute.org)).

Điện thoại : (410) 295-1081, fax : (410) 295-1084

hay bằng email : [sartigiani@usni.org](mailto:sartigiani@usni.org).

*"Từ Thù Đến Bạn của Bùi Tín cống hiến một nhận định khác thường của một người trong cuộc về lý do tại sao miền Bắc Việt Nam - với một vài tài năng, với hậu thuẫn không mấy quảng đại của các đồng minh cộng sản, và một chút nâng đỡ thường do sự bối rối của đối thủ - đã thắng cuộc chiến nhưng sau đó lại thất bại vì không đáp ứng nổi thử thách của hòa giải và phát triển một khi ngưng tiếng súng. Tác giả, một đại tá được rèn luyện trên chiến trường của Hà Nội hiện đang sinh sống tại Pháp, đã trở thành tiếng nói có trọng lượng của lực lượng bất đồng chính kiến và là người cổ xúy nhiệt thành cho đối thoại và hòa giải với những đối thủ ngày trước. Cuốn sách này cũng phản ánh thảm trạng cuộc sống ly hương của tác giả... Một cuốn sách không thể thiếu cho những nhà nghiên cứu chiến tranh Việt Nam và thời hậu chiến" - Charles-Antoine de Merciat (thông tấn xã AFP).*

*"Trong tác phẩm mới và đặc sắc này, đại tá Bùi Tín tiếp tục khai thác đề tài đáng kính về hòa giải với những địch thủ cũ ở Việt Nam. Một cách vô tình, qua lăng kính của một người trong cuộc, Bùi Tín cống hiến cách nhìn về cuộc chiến và thời hậu chiến, cùng những diễn giải sai lạc những biến cố của Hà Nội về bản chất đích thực của những binh sĩ Hoa Kỳ tại Việt Nam. Cách giải thích sai lạc này là sự thật của Bùi Tín, và như thế có giá trị thông tin và đáng được trân trọng" - James R. Reckner (The Vietnam Center, Texas Tech University).*

làm gì ? Nếu anh còn sống và đang nằm giữa bốn bức tường của một nhà tù, thì chắc hẳn đối với anh, thời gian trôi qua chậm lắm, chứ không mau như tôi nhận xét ở đầu thư.

Tôi kính chúc anh sức khỏe, nghị lực và thành công trọn vẹn trong một tương lai thật gần. Hẹn với anh, ngày đất nước tươi đẹp trong nắng ấm tự do, trong gió mát dân chủ, tôi sẽ đến tìm anh tại Hà Nội. Chúng ta sẽ cùng anh Bình, anh Sơn, anh Toàn đi thăm lại quê hương từ Bắc chí Nam. Anh đồng ý chứ ?

Thân kính,

*Trương Minh Dũng (Montréal, Canada)*

## **Nguồn gốc của đa nguyên và những hình thái của xã hội đa nguyên**

*Nguyễn Gia Thường*

Cùng với dân chủ và nhân quyền, đa nguyên là một trong ba giá trị soi sáng của xã hội tiến bộ hiện đại. Đa nguyên được nói đến nhiều sau này là khi bức tường Bá Linh sụp đổ (1989), Liên Bang Xô Viết tan vỡ và tất cả các nước Đông Âu từ bỏ chế độ gọi là xã hội chủ nghĩa. Đa nguyên được xem như là giải pháp thay thế cho những chế độ chuyên chế, độc tài, nhất nguyên, coi nhẹ giá trị của con người, của cá nhân. Đa nguyên kết tinh những khát vọng đi tìm một cơ sở tư tưởng mới.

Tuy nhiên đa nguyên không phải là một hiện tượng xuất hiện mới đây, đa nguyên càng không phải là một kết hợp những truyền thống, những hệ thống giá trị, những nếp sống, những nếp suy nghĩ khác biệt. Đa nguyên không phải là tổng hợp của các hệ thống trên. Khởi sự, đa nguyên là một cố gắng thích nghi để sinh tồn của các xã hội "lương" trong lòng của xã hội ki-tô-giáo đang thời kỳ thịnh phát vào giữa thế kỉ thứ tư. Sự việc các vị sáng lập Giáo Hội Công Giáo chấp nhận thỏa hiệp sống chung với nếp văn hóa lương (tương phản với văn hóa ki-tô-giáo) là khởi điểm phát sinh các xã hội đa nguyên, và trải qua hàng thế kỉ, nguyên lý "đồng nhất trong sự khác biệt" đã thấm nhập các xã hội Âu châu. Như triết gia Pierre Abélard (1079-1142) đã nhấn mạnh nguyên lý này : "*diversa non adversa*" (khác biệt nhưng không là địch thủ), Âu châu của nhất nguyên ki-tô-giáo trở thành đa nguyên.

Danh từ "đa nguyên" chỉ xuất hiện mới đây thôi. Triết gia Đức Christian Wolff là người đầu tiên sử dụng danh từ này vào năm 1720. Ý niệm đa nguyên đã được các nhà chính trị và văn hào như Benjamin Constant và Alexis de Tocqueville đề cao như một phương thức khả dĩ đem lại thái hoà cho xã hội.

Triết gia và toán học gia Anaxagore de Clazomène (500-428 trước công nguyên) được coi là cha tinh thần của đa nguyên. Trong một vài bài ông để lại cho hậu thế, ông mô phỏng thế giới như một kết hợp của những phần tử rời rạc trong một tổng thể. Ông thấy nơi mọi sự vật chỉ là "qui tụ và tán phát", khởi đầu của sự vật là qui tụ và kết thúc của sự vật là tán phát.

Theo Nietzsche, đa nguyên bắt nguồn từ tôn giáo đa thần. Việc tạo dựng các vị thần linh, các đấng anh hùng cũng như đủ loại vật kì dị phản ảnh bản năng phóng khoáng và hình thái đa dạng của tư tưởng con người, nó cũng bày tỏ những khát vọng của bản ngã, của cá nhân.

Theo William James, đa thần là biểu hiệu tính chất đa nguyên của vũ trụ, là tổng hợp của những hình thái và những nguyên lý bao trùm vũ trụ.

Theo Friedrich von Wieser, con người không bao giờ trực diện với xã hội, nhưng trực diện với những tập hợp, những hiệp hội, hoặc những định chế do xã hội lập nên.

Như vậy đa nguyên là gì ? Thể hiện tinh thần đa nguyên ra sao ?

Thể hiện tinh thần đa nguyên là tìm cách giải thích cái tổng thể dựa trên căn bản các phần tử phân tán, rời rạc, bất túc, bất phân giải. Các phần tử không những là khởi điểm của tư tưởng mà cũng là kết quả của tư tưởng. Người có tư tưởng "nhất nguyên" giải thích sự vật theo một khuôn mẫu nhất định, đã vạch định sẵn. Họ gạt bỏ ra ngoài những phần tử dị biệt. Trái lại, con người đa nguyên không dám khẳng định mình đã đạt được cái nhìn rõ rệt của tổng thể.

Đa nguyên là chú ý đến những mối tương quan giữa những phần tử và khi hành động, tạo nên những sợi dây liên kết mềm dẻo không ngoài mục đích tôn trọng hoặc bảo tồn tối đa tinh thần tự trị của các phần tử.

Đa nguyên là không bao giờ quên những khác biệt giữa sự vật và sự việc và không gian cách chung, đồng thời phải thấu hiểu những cơ cấu trung gian của chúng.

Đa nguyên là luôn cảnh giác với con số 1 (quyền lực của một ông chủ độc nhất), là tìm cách thông hiệp bằng những danh từ "một vài" hoặc "số nhiều" nhưng không đi đến một con số quá to lớn. Đa nguyên là từ chối mọi chủ thuyết triết học và xã hội học có tính cách đặt để nhân danh lịch sử. Đa nguyên chủ trương tinh thần cởi mở bằng cách thay thế động từ "phải" (mà các đệ tử của Hegel thích dùng) bằng động từ "có thể". Và theo William James, đằng sau mỗi một liệt kê nên thêm chữ "vân vân" vì "luôn luôn có một cái gì đó nó thoát ra khỏi sự chú ý của chúng ta".

Đa nguyên là gắn bó tha thiết với sự sống và thiên nhiên (vì bản chất của thiên nhiên là đa dạng), là học hỏi bài học vô tận của những dữ kiện. Về mặt khoa học, đa nguyên đồng nghĩa với tinh thần thực tiễn, với phương pháp luận thực nghiệm (pragmatisme)

Đa nguyên là chấp nhận đối thoại, chấp nhận những liên hệ cá nhân - liên tôn, liên tộc, liên quốc - trong tinh thần tương kính và tinh thần bao dung.

Con người đa nguyên nhận định thời kì thống nhất các thể chế là một hiện tượng chậm trễ trong tiến trình xây dựng những nền văn hóa. Nguyên tắc này được chấp nhận với một thái độ dè dặt (ví dụ việc kết hợp các nước Âu châu vào một thể chế chung).

Con người đa nguyên lo lắng khi thấy xuất hiện những lề luật, những tập quán có khuynh hướng đồng nhất vì khuynh hướng đồng nhất xóa bỏ những yếu tố dị thường, khác biệt và con người đa nguyên có cảm quan đã mất đi một cái gì không thể lấy lại được.

Dựa trên những nhận xét trên, ta có thể quyết đoán mô hình xã hội đa nguyên là một mô hình xã hội cởi mở trái ngược với mô hình xã hội khép kín đã được Platon, Hegel và Marx đề cao. Theo Karl R. Popper, mô hình xã hội cởi mở là một hình thức tổ chức xã hội mới xuất hiện sau này, phát xuất từ sự tan rã của những xã hội khép kín hoặc xã hội có tính cách bộ lạc.

Chúng ta thử tìm hiểu các hình thái của những xã hội đa nguyên. Một cách tổng quát, chúng ta có thể nhận diện những xã hội đa nguyên qua những đặc điểm sau :

1. Tính cách thẩm thấu biên giới của các xã hội này cho

phép những trao đổi về mọi mặt như di chuyển tự do, giao lưu tư tưởng và hàng hóa. Đó là nguồn gốc của sự giàu có, sự phong phú, sự thái hòa của các xã hội. Điều này đã được kiểm nghiệm với thời gian. Thương mại là nền tảng không thể thiếu vắng của tự do cá nhân và tự do cộng đồng.

2. Biết thích nghi với nguyên lý "biến dịch", sự biến đổi bất tận của mọi sự vật không mâu thuẫn với ý niệm liên tục, ý niệm tiếp nối vốn sẵn có trong xã hội đa nguyên. Việc cải tiến xã hội là công trình của những cá nhân tự do, năng động và có tinh thần trách nhiệm. Trái ngược với các chế độ thần quyền và chế độ chuyên chế, xã hội tự do tiến hóa theo những hằng số, trong đó "con người của muôn thú" là một hằng số biểu tượng nhất.

3. Cá nhân là mục tiêu, là đối tượng phục vụ của Nhà Nước. Cá nhân tích lũy những truyền thống, những tín ngưỡng và những giá trị "bất diệt" hoặc "vĩnh cửu" do cha ông truyền lại. Cá nhân cũng là nguồn gốc phát huy sáng kiến. Cá nhân là trung tâm của một hệ thống, một mạng lưới liên hệ xã hội, một phần do được thừa hưởng, một phần do y gây dựng. Mỗi một con người tự tạo cho mình một số dây liên lạc trong đó bao gồm gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, những thành viên hội đoàn và câu lạc bộ. Mọi xã hội đều được cấu tạo bởi toàn thể những hệ thống như vậy.

4. Đa nguyên được thể hiện qua vai trò sáng tạo của cá nhân, qua tương quan hỗ tương giữa sáng kiến cá nhân và ý muốn bảo tồn giá trị của tập thể, trái ngược với xã hội tập quyền trong đó cá nhân là một chướng ngại vật cần phải đè bẹp để xây dựng một xã hội thuần nhất, rập khuôn xã hội của loài ong, loài kiến, loài mối.

5. Trong xã hội đa nguyên, cá nhân tự tạo cho mình một khoảng không gian riêng biệt, tự trị, không ràng buộc.

6. Cá nhân và tự do : những ý niệm này không phải là kết quả của một chuỗi dài suy tư và học hỏi, nó sẵn tiềm ẩn trong lòng xã hội đa nguyên. Một xã hội tìm cách giới hạn những tự do bằng cách viện dẫn những trường hợp lịch sử "khách quan", thường cuối cùng xóa bỏ hoàn toàn những tự do này. Con người không tìm đến tự do, con người sinh ra trong tự do.

7. Quyền sở hữu. Theo Aristote, con người có hai động cơ chính : quyền sở hữu và cảm tình ; hai yếu tố này không có chỗ đứng trong xã hội khép kín của Platon. Xã hội mở, trái ngược với xã hội khép kín, coi quyền sở hữu như một định chế cho phép cá nhân đương đầu với quyền lực của chính quyền.

8. Một chính quyền không mạnh quá mà cũng không yếu quá. Theo Joseph de Maistre (1821), đó là lý tưởng trung hòa mà người Âu châu luôn mong ước và ông khẳng định tất cả những suy tư, những đòi hỏi của người Âu châu đối với chính quyền là : "Làm thế nào để giới hạn quyền lực tối thượng mà không phá hủy nó ?".

9. Chính quyền pháp trị. Những tương quan giữa công dân và chính quyền đặt trên căn bản pháp luật. Người dân sống theo pháp luật chứ không theo võ lực.

Jacob Burckhardt (1818-1897) là người đầu tiên ghi nhận phương thức sinh hoạt của một xã hội có cơ cấu đa



nguyên. Ông phân biệt ba yếu tố lớn : chính quyền, tôn giáo và văn hóa. Yếu tố văn hóa rất linh động, khác hẳn hai yếu tố chính quyền và tôn giáo và được dùng làm kim chỉ nam cho hai yếu tố kia. Cả ba yếu tố này không có cùng một động năng. Trong một trường hợp nào đó, một trong ba yếu tố này trội hơn hai yếu tố khác. Có khi trong giai đoạn khủng hoảng, ta thấy có trường hợp thoán đoạt, chẳng hạn như trường hợp Giáo Hội Công Giáo tiếp thu quyền lực của đế quốc La Mã khi đế quốc La Mã tan vỡ. Khi chính quyền hoặc tôn giáo khống chế các yếu tố khác, xã hội mất đi tính cách đa nguyên (trường hợp xã hội Đức thời quốc xã Hitler, xã hội Nga thời Liên Bang Xô Viết, xã hội Iran và xã hội Việt Nam hiện nay, vân vân...).

Ông Burckhardt nhận định có 6 định hướng xã hội : Văn hóa do Chính quyền định hướng ; Chính quyền do Văn hóa định hướng ; Văn hóa do Tôn giáo định hướng ; Tôn giáo do Văn hóa định hướng ; Chính quyền do Tôn giáo định hướng ; Tôn giáo do Chính quyền định hướng.

Chúng ta chú ý đến ba định hướng đầu :

- Văn hóa do chính quyền định hướng. Đây là trường hợp của văn hóa Ai Cập thời Trung Cổ, của văn hóa Pháp thời Louis XIV đồng thời cũng là trường hợp của văn hóa Nga thời Liên bang Xôviết, văn hóa các nước Đông Âu vào những năm 1948 và 1989, văn hóa Việt Nam hiện nay, v.v.

- Chính quyền do Văn hóa định hướng . Đây là thời kỳ "cách mạng văn hóa" của thời buổi Ánh Sáng, do công trình của Voltaire, của Jean Jacques Rousseau và giới trí thức Paris ở Pháp.

- Văn hóa do Tôn giáo định hướng. Đây là trường hợp của Islam (Hồi Giáo), của đế quốc Byzance (330-1453) và của một số cộng hòa thần quyền thời Phục Hưng (Renaissance) và thời Cải cách (Réforme).

Sau đây là nhận định tổng quát về tinh thần chỉ đạo xã hội đa nguyên. Một xã hội trong đó sự hợp nhất được thực hiện qua những định hướng vừa có tính cách bổ túc, vừa có tính cách mâu thuẫn gồm những đặc điểm chung :

1. Luôn có những xung khắc hay xung đột có tính cách nội tại hoặc cơ cấu vì những ước vọng muốn chế ngự phạm vi ảnh hưởng của các phần tử cấu tạo nên xã hội đa nguyên.

2. Sự hiện hữu của những tổ chức hoặc những thủ tục hoà giải để giải quyết những mâu thuẫn. Nói chung, sức thuyết phục thay thế cho sức bạo động. Con người đa nguyên là con người của thương thảo.

3. Những giải pháp đề nghị luôn có tính cách tạm thời, có thể thay thế bằng những phương thức mới để kịp thích ứng với trạng huống mới. Chính vì vậy nó đòi hỏi chữ "khiêm" nơi những vị xây dựng luật pháp, những nhà thương thuyết.

4. Ý niệm thỏa hiệp, trong bối cảnh này, mang một sắc thái tích cực, nơi đây không có kẻ thắng người bại. Những giải pháp chấp nhận không làm tổn thương danh dự của cả hai bên.

5. Tinh thần chấp nhận khác biệt và tinh thần tương kính giữa các phần tử trong xã hội

6. Trong các xã hội đa nguyên , thường phát sinh những

cảm giác xa lạ và ngăn cách vì những cảm quan dị biệt, và có những câu hỏi thường được đặt ra như : "Có phải chúng ta cùng trong một xã hội không ?", "Chúng ta có những điểm tương đồng nào với những người kia ?".

7. Lý tưởng "trung dung" hay "trung hòa" là nền tảng cơ sở của xã hội đa nguyên.

8. Tinh thần bao dung cũng đóng giữ một vai trò quan trọng. Không có tinh thần này thì mọi cơ cấu, mọi guồng máy chính trị, xã hội, v.v. mặc dù đã được xây dựng với bao nhiêu kiên nhẫn, có thể bị hao mòn, khựng đứng và gãy đổ.

9. Tinh thần thực nghiệm (pragmatisme) thẩm nhập vào luật pháp. Nó yêu cầu các nhà soạn thảo luật pháp tránh mọi quan điểm có tính cách chủ nghĩa hay giáo điều. Những giải pháp "có giá trị đối với mọi người và ở mọi nơi" không phù hợp với kiểm nghiệm lịch sử của thể chế đa nguyên. Tinh thần thực tiễn, óc quan sát thực tế, những sự thật hiển nhiên, những sự vật hiển hiện và nhất là "thân phận con người", tất cả những yếu tố này không thể thiếu vắng trong xã hội đa nguyên.

Thêm vào cơ cấu định chế của những xã hội đa nguyên đã được trình bày, còn có một vài điểm khác cần nêu lên:

- Việc hình thành những quyền lực trung gian, làm trái độn giữa "trên" và "dưới", giữa cấp lãnh đạo và người dân. Những trạm quyền lực trung gian chính là cơ cấu quyết định, dựa vào đó các hiệp hội nảy nở và bao trùm xã hội dân sự (ngược lại trong xã hội khép kín, các cơ quan hành chánh chỉ là những "sợi dây chuyển tiếp" mệnh lệnh của chính quyền trung ương).

- Thay vào khuynh hướng "Nhà Nước/Quốc gia" là khuynh hướng tản quyền. Hiện nay ở Âu châu đang xuất hiện những phong trào "tự trị vùng".

- Chen vào các hệ thống liên lạc hàng dọc là các hệ thống liên lạc hàng ngang. Các cấp lãnh đạo vùng và địa phương có thể liên lạc trực tiếp với nhau.

- Trong mô hình xã hội khép kín, quyền phát kiến (phát huy sáng kiến) tùy thuộc triệt để vào cấp lãnh đạo nằm trên đỉnh cao của kim-tự-tháp. Trái lại trong mô hình xã hội mở ( xã hội đa nguyên), mỗi thành phần của xã hội đều có quyền ảnh hưởng lên Nhà Nước, lên những khu vực hoạt động của xã hội.

- Nhà nước và xã hội dân sự nằm trong trạng thái năng động thường trực. Cá nhân đối với sinh hoạt cộng đồng có thái độ tích cực, trái ngược với chế độ độc tài, chuyên chế, Nhà nước kềm kẹp xã hội trong một tình trạng bất động thường trực và đòi hỏi sự tham dự của cá nhân trong những cuộc biểu diễn lực lượng không đòi hỏi trách nhiệm nơi họ.

- Các thành phần gọi là "sống bên lề xã hội" không bị gạt ra ngoài. Họ cũng được chú trọng như mọi thành phần xã hội khác.

- Những buổi lễ ăn mừng không nằm trong khuôn khổ định chế nhà nước cho phép con người thoát ra khỏi những gò bó của cuộc sống hàng ngày.

Đa nguyên chính trị và xã hội thường được xem như một hiện tượng chậm trễ và có tính cách chuyển tiếp. Vì đa nguyên dựa trên những giá trị nhân bản như lòng bao

## **Thức tỉnh những thanh niên trong Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh**

Trong quá trình tranh đấu lâu dài và hỗ trợ cho công cuộc tự do và dân chủ ở Việt Nam, chúng ta không thể lơ là hay bỏ quên một thành phần thanh niên quan trọng gồm bốn triệu người trong Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, một lực lượng tiếp sức của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong việc lãnh đạo và duy trì quyền thống trị lâu dài trên đất nước Việt Nam.

Chúng ta có trách nhiệm suy nghĩ tìm cho ra phương cách hay nhất để tỉnh thức lương tâm của các đoàn viên này, hỗ trợ và khuyến khích họ tham gia vào cộng cuộc tranh đấu cho tự do và dân chủ như các thanh niên anh dũng khác là Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn, Vũ Ngọc Bình đã dấn thân. Nếu được tỉnh thức đúng mức để có lý tưởng dân chủ hóa đất nước, các đoàn viên này có thể sẽ vươn vai, đứng dậy bay theo những con chim đầu đàn. Nếu được sự hỗ trợ tích cực của trong lẫn ngoài nước, những thanh niên này sẽ dứt khoát rũ bỏ quá khứ độc tài của các bậc cha anh đang ở trong hàng ngũ đảng và nhà nước để gia nhập vào lực lượng đấu tranh cho tự do và dân chủ, đất nước Việt Nam chắc chắn sẽ có dân chủ mau chóng hơn.

Bằng cách nào ? Chúng ta giúp những đoàn viên này nhận thức thế nào là tự do, dân chủ, đa nguyên đúng nghĩa. Chúng ta hỗ trợ những thanh niên có khả năng để lãnh đạo những bạn đồng lứa khác trong công cuộc dân chủ hóa đất nước. Muốn được như vậy, chúng ta cần có một chiến lược hữu hiệu và lâu dài.

Trước hết, hãy tìm hiểu, khuyến khích và hỗ trợ các du học sinh Việt Nam hiện đang theo học tại các đại học trên thế giới để họ biết rõ về các thực trạng đang bị bưng bít ở quê nhà, các giá trị dân chủ tự do mà các du học sinh đang chiêm nghiệm thấy ở nước sở tại, cũng như mối liên kết

giữa các du học sinh và các cộng đồng hải ngoại khi trở về nước phục vụ và làm trung gian giữa trong và ngoài nước sau này.

Các đoàn thể thanh niên sinh viên Việt Nam ở hải ngoại nên nhắm vào thành phần đoàn viên Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh bằng cách cung cấp các thông tin trung thực, chính xác về các nỗ lực tranh đấu đòi dân chủ tự do trong tinh thần tương kính, hỗ trợ và kiên nhẫn.


Các tổ chức ở hải ngoại khuyến khích tuổi trẻ Việt Nam lớn lên ở hải ngoại về thăm quê hương, trao đổi quan điểm một cách bộc trực với các tầng lớp tuổi trẻ Việt Nam, nhất là các đối tượng đoàn hay các đoàn viên đang sinh hoạt trong hàng ngũ của đoàn và đảng.

Hãy đón nhận những đoàn viên hay đảng viên đã thức tỉnh và khuyến khích/hỗ trợ các đoàn viên này trong công cuộc tranh đấu đòi tự do dân chủ đa nguyên một cách ôn hòa cho Việt Nam.

Hãy tiếp tục hỗ trợ tinh thần cũng như vật chất cho các bạn trẻ và gia đình của những người hiện đang bị giam cầm vì bất đồng quan điểm với nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay.

Trong công cuộc đấu tranh lâu dài này, chúng ta cần tỉnh thức một lực lượng đầy tiềm năng nhưng còn đang ngái ngủ này đứng về phía dân chủ. Lúc đó, Việt Nam sẽ có thêm hàng ngàn Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn trong số bốn triệu đoàn viên đó. Tôi tin chắc rằng, trong hàng ngũ đoàn viên đông, mạnh đó, sẽ có hàng ngàn thanh niên tài giỏi, có đủ quyết tâm và ý chí để lôi kéo những bạn cùng trang lứa khác thay đổi vận mạng của cả một dân tộc và dẫn đưa đất nước vào quỹ đạo tiến bộ chung của thế giới.

*Phượng Trinh (Vancouver, Canada)*

 dung, tính ôn hòa, tinh thần trung chính, óc thỏa thuận, nên dễ bị hiểu lầm là một thể chế chuyển tiếp giữa hai thời kỳ chuyên chế. Nhiều người lầm tưởng rằng những đối thủ truyền kiếp của đa nguyên - độc tài chuyên chế và chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi - có những vũ khí mạnh gấp bội để giới hạn đa nguyên trong thời gian. Nhưng thực tế không phải như vậy.

Hiện tượng đa nguyên mang rất nhiều hình thái. Đó là một trạng thái của tinh thần, đó là một quan điểm triết học, đó là một cảm quan của cá nhân đối với thế giới và trên hết là một mô hình tổ chức xã hội bắt nguồn từ thời Thượng Cổ. Đa nguyên còn tồn tại cho đến ngày nay là nhờ nó bắt rễ ăn sâu vào bản thể con người.

Về mặt tư tưởng, đa nguyên nổi bật trong văn hóa chính trị ngày nay cùng với những giá trị : con người, tự do, đời sống cộng đồng, quyền sở hữu, Nhà nước pháp trị, v.v.

Về mô hình tổ chức xã hội, xã hội đa nguyên vượt trội

hơn những mô hình xã hội khép kín. Xã hội Đức vào thời Hitler trong một thời gian ngắn nhưng đẫm máu đã khước từ mô hình đa nguyên. Trong vòng 40 năm, đa nguyên tiềm ẩn trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa tại các nước Đông Âu để rồi vào những thập niên 1970 và 1980 trở lại mạnh mẽ hơn bao giờ. Năm 1989 khai mào một kỷ nguyên mới mang hình thái đa nguyên cho cả Đông Âu.

Tại Việt Nam, chế độ xã hội chủ nghĩa sẽ chỉ là một dấu ngoặc nhỏ trong quá trình xây dựng đất nước. Mặc dù Việt Nam đã trải qua rất nhiều chế độ quân chủ, có một điều chắc chắn mô hình xã hội đa nguyên đã được thực thi, vì trong pháp chế sử Việt Nam có câu : "Phép vua thua lệ làng". Việc khảo cứu mô hình xã hội đa nguyên trong lịch sử Việt Nam thuộc phạm vi của một chương trình nghiên cứu khác.

*Nguyễn Gia Thường  
(Brussels, Belgium)*

Đầu Xuân Quý Mùi (2003)

## Một phương án đổi mới trình đồng bào cả nước

Bài Tin



Nhân đầu Xuân Quý Mùi, tôi xin chúc Tết đồng bào bằng bài viết tâm huyết này. Đây là tổng hợp ý kiến của nhiều chiến sĩ dân chủ trong và ngoài nước, từ các lão chiến sĩ cộng sản kỳ cựu đến các trí thức trẻ giàu trí tuệ, từ các cựu chiến binh đồng đội của tôi đến các nhà báo trung thực đồng nghiệp.

Hơn 12 năm sống xa quê hương, không ngày đêm nào tôi không canh cánh nhớ đến đồng bào thân yêu, đến nay vẫn chưa được hưởng quyền tự do của công dân mà hầu hết nhân dân thế giới đã được hưởng như khí trời. Trung tướng Trần Độ trước khi qua đời dặn lại tôi rằng, ông mang theo nỗi nhục của một đất nước có độc lập mà đồng bào chưa có tự do !

Tôi tha thiết cầu mong bạn nào nhận được bài này hãy truyền tay cho các bạn khác đọc, nhân bản thêm (photocopy) cho người thân quen, gây nên những cuộc bàn luận, nhận xét và thêm bớt, đối thoại sôi nổi, ở các câu lạc bộ, trường học, trong gia đình... Mọi sự nghiệp lớn đều bắt nguồn từ vô vàn việc làm nhỏ, bình thường, quý báu như thế. Tôi xin cảm ơn các bạn.

### 1. Khó khăn và bế tắc của chính quyền hiện tại

Sau Đại hội 9, bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam tỏ ra yếu kém rõ rệt so với những người tiền nhiệm của họ về trình độ lý luận, kinh nghiệm lãnh đạo, và quyền uy xã hội. Có người trong nước gọi họ là những người "lùn chính trị".

Sự yếu kém nói trên gần đây thể hiện rất rõ trong những lúng túng trước hàng loạt sự kiện : đàn áp dân Rađê, Bana, Gia Rai, phá các nhà thờ Tin lành ở Tây nguyên ; đối phó thấp hèn, đại dốt trong tang lễ trung tướng Trần Độ ; đui lý trong vụ kiện "cá basa" (kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là sự thú nhận hiển nhiên về sự can thiệp thô bạo của nhà nước vào mọi lĩnh vực kinh tế !); gây sự thô lỗ với nhà văn gan góc Dương Thu Hương, với nghệ sĩ đang được mến mộ Đơn Dương ; các vụ xử án theo kiểu phường chèo luật sư Lê Chí Quang, cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn, giữa lúc quốc hội cam kết xây dựng một nền tư pháp công bình, theo thủ tục xét xử hiện đại ; đặc biệt là việc bắt giữ phi lý ông bà Phạm Quế Dương và ông Trần Khuê ; rồi việc thậm thụt, úp úp mở mở về các hiệp ước Việt-Trung, một cục xương bị hóc, khạc chẳng ra, nuốt chẳng vào ; đến việc hoãn đi hoãn lại việc xét xử bọn Năm Cam từ tháng 7, rồi tháng 9, rồi nhất định vào đầu tháng 11, sau đó ấn định vào giữa tháng 12, nay lại hẹn đến tháng 2 năm 2003 - mà còn có thể hoãn nữa - cứ như trò đùa với xã hội !

Về nhân sự, ủy viên bộ chính trị Lê Minh Hương, bộ trưởng công an bị loại bỏ trên thực tế, nhưng lại "dựng" lên cho ông ta một chức vụ "ảo" chưa từng có : trưởng ban an ninh của bộ chính trị (!), coi thường cơ sở đảng và công luận, để dư luận phỏng đoán là ngài bộ trưởng bị dính khá sâu vào vụ Năm Cam. Gần đây ủy viên bộ chính trị Trương Tấn Sang lại bị loại.

Thật ra những lúng túng mang tính bi hài của nhóm lãnh đạo đảng cộng sản đâu phải là ngẫu nhiên. Nó bắt nguồn từ bi kịch gốc : tuy thấy sự phá sản rõ ràng của chủ nghĩa Mác-Lênin, của chủ nghĩa xã hội hiện thực, qua sự sụp đổ tan tành của Đảng Cộng Sản Liên Xô, của Liên Bang Xô Viết mà họ từng coi là mẫu mực, là trụ cột, qua sự rã đám của phe xã hội chủ nghĩa một thời được họ coi là tất thắng, là vô địch, họ vẫn một mực "giữ vững lập trường", "kiên định" chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội để tiếp tục cầm quyền và thủ lợi, bắt buộc nhân dân è cổ chịu cái "cùm" Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội, được biểu hiện bằng duy trì nền chuyên chính của đảng cộng sản độc quyền, tiếp tục tịch thu mọi quyền tự do của công dân, bịt mồm mọi nhà báo, nhà văn, nghệ sĩ đòi quyền tự do sáng tạo.

Bước vào năm 2003, các vị lãnh đạo ở Hà Nội chia nhau đi các địa phương chúc mừng năm mới. Họ tô đậm các thành tích : phát triển kinh tế đạt hơn 7% ; sản xuất lúa, cà phê, thủy sản, dầu và khí đốt tăng khá, nhưng khó khăn yếu kém còn nhiều : tham nhũng lộng hành, ngành xây dựng thất thoát cực lớn, hành chính còn quan liêu nặng, đầu tư từ ngoài giảm đến 40% ! Họ động viên nhân dân cố đạt mức phát triển 7, 5% ; phát huy mạnh mẽ nội lực; kiên quyết chống tham nhũng ; nâng cao năng suất và chất lượng để đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế ; cải cách hành chính và ngân hàng ; tranh thủ đầu tư quốc tế ; xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, thực thi nhà nước pháp quyền... Nghe rất hay, nhưng...

Làm sao thi hành luật pháp nghiêm, khi nền tư pháp vẫn là công cụ của đảng, bộ chính trị vẫn cầm cân nảy mực chứ không phải là hội đồng xét xử ? Làm sao người sản xuất và kinh doanh có thể yên lòng khi quyền tư hữu vẫn chưa được công nhận đầy đủ, khi các doanh nghiệp tư chỉ được coi là con ghê bên cạnh con đẽ là doanh nghiệp nhà nước ? Chống tham nhũng sao nổi, khi báo chí là tiếng nói của công luận xã hội vẫn bị bịt mồm chặt mỗi khi động đến các vị "kềnh", mà các vị này và cận thần với gia đình họ mới ăn bằm, ăn bằm, "ăn tàn bọ" theo cách nói của bà con trong nước ? Đầu tư từ nước ngoài giảm lớn, giảm đến hơn 40% năm 2002 so với năm trước, chỉ vì khi xảy ra tranh tụng thì chưa bao giờ tòa án kinh tế do đảng cầm trịch tỏ

ra vô tư ; nó luôn bênh vực cho cơ sở quốc doanh "người nhà ta cả", nhiều khi lên cơn tham, tiện thể dựng cơ tịch thu luôn tiền của, cơ sở kinh doanh của "bọn tư bản nước ngoài" hoặc "tư bản Việt kiều" (luôn luôn bị coi là kẻ thù giai cấp) !

Với năm 2003, việc gia nhập AFTA, thực thi thương ước Việt-Mỹ bắt buộc Việt Nam phải ghép mình vào các hiệp ước quốc tế, phải tôn trọng đầy đủ các điều đã cam kết, phải am hiểu và thi hành nghiêm các luật lệ quốc tế, từ đó phải xây dựng chế độ pháp quyền chặt chẽ ; không còn có thể giả ngô giả ngọng, ú ớ, tôi không hiểu, xin thông cảm, rồi cười trừ coi như xong chuyện. Thật khó qua nổi những vụ kiện tụng sẽ luôn xảy ra, như vụ án cá basa, khi khái niệm "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" tự nó thú nhận rằng đây là một thị trường không tự do, có sự can thiệp trắng trợn của nhà nước !

Với năm 2003, Việt Nam còn phải thực hiện những cam kết về công khai hóa, minh bạch hóa (transparence) toàn diện, từ thống kê, dân số, sản xuất, tiêu dùng, thị trường, giá cả, ngân sách, chi phí quốc gia, đầu tư, vay nợ... cũng như những con số chính xác về xã hội, giáo dục, y tế, môi trường... Đối với một chế độ khép kín, chuyện đẹp đẽ phô ra, xấu xa đậy lại, sợ dư luận, khinh nhân dân, việc thi hành minh bạch, công khai không dễ chút nào. Do công khai hóa, ta được biết năm qua riêng về xây dựng cơ bản trong cả nước số vốn đầu tư bị ăn cắp, thất thoát lên đến 40%, một tỷ lệ cực kỳ khủng khiếp ; riêng về Bộ Xây Dựng, đã thất thoát hơn 500 triệu đô la trên 2, 6 tỷ đô la! Báo chí quốc tế cho rằng đến mức ấy không còn có thể gọi là tham nhũng. Đó là cướp, ăn cướp tài sản xã hội (brigandage) ! Bọn quan chức cộng sản cậy quyền thế ăn cướp của toàn dân và được bọn quan chức cộng sản khác đồng lõa, làm ngơ ! Ở một nước dân chủ, chỉ cần thất thoát đến 10% vốn đầu tư là lập tức công luận phần nộ đòi truy tìm, trừng trị tội phạm, là người phụ trách xây dựng cơ bản bị bãi miễn, truy tố, là bộ trưởng xây dựng, bộ trưởng tài chính bị chất vấn, bãi miễn, là ngay cả thủ tướng cũng bị mất chức như chơi ! Vì đó là tội ác, tội ác lớn ! Nó sẽ dẫn đến nhà đổ, trường sập, cầu gãy, đường lún... người chết, bị thương, tổn tiền của để sửa, phá đi xây lại... Vậy mà dư luận nước ta vẫn êm ru, chỉ vài lời nhận khuyết điểm nhẹ nhàng trước quốc hội !

Có những con số ở nước ta ít ai để tâm nhưng ở nước khác thì người ta giật mình, kinh hoàng, đòi giải thích, đòi giải quyết. Như một năm có hơn 200 vụ xử án oan, phải xử lại ! Như có hơn 7.000 kẻ tội phạm đã bị tuyên án vẫn nhớn nhớn ngoài xã hội ; hoặc số bằng đại học giả, bằng phó tiến sĩ giả và dõm lên đến hàng chục nghìn ! Con số hàng trăm nghìn thương vong do tai nạn giao thông, số nghiện ma túy, số mắc và chết vì sida... cũng lên đến hàng mấy trăm nghìn... Toàn là "thành tích" của đảng cầm quyền, của đảng độc quyền, không chia sẻ cho ai được ! Đáng lẽ phải được nêu bật trong dịp đầu năm. Người cầm quyền chống chế : nước nào chả có tham nhũng ! Thực ra mức tham nhũng, quan liêu, hối lộ, đưa phong bì, chia hoa hồng... tức là làm thụt ngân sách quốc gia ở nước ta gấp

hàng chục lần, vài chục lần nước khác, đến mức có thể giật những giải cao nhất (!) của thế giới.

## 2. Thời cơ mới và hành động phối hợp của các chiến sĩ dân chủ

- Khủng hoảng ngấm ngấm của đảng cộng sản đã có từ lâu, bắt nguồn từ bản chất độc đoán phi nhân tính của nó. Chế độ độc đoán tồn tại, có lúc phát triển do che giấu bản chất ấy, do lừa dối nhân dân dưới chiêu bài "dân chủ nhân dân" (démocratie populaire) từ hồi 1945, một phát minh của Staline và Jdanov. Thật ra dân chủ nhân dân đã bị một số nhà lý luận chính trị Pháp, Anh vạch trần từ hồi 1950 vì nó không có một lý dân chủ nào, càng chẳng có một lý nhân dân nào ! Nhân dân Hungari bác bỏ nó từ năm 1956, sau đó là dân Tiệp Khắc, rồi Ba Lan với phong trào Công đoàn Đoàn kết... Bức tường Berlin sụp đổ cuối 1989 thúc đẩy cuộc khủng hoảng của phong trào cộng sản lan nhanh, sâu sắc hơn. Phe xã hội chủ nghĩa suy sụp không có cách nào cứu vãn.

- Liên Bang Xô Viết và Đảng Cộng Sản Liên Xô đổ vỡ tan tành cuối năm 1991 là mốc khủng hoảng trầm trọng nhất cho những đảng cộng sản còn tạm giữ chính quyền, như ở Trung Quốc, Cuba, Bắc Triều Tiên, Việt Nam, Lào. Từ sau cơn động đất chính trị kinh hoàng đó, tất cả các chế độ trên đều trong tình trạng bấp bênh, chông chênh, chờ đợi sự phán xét tất yếu sẽ đến của nhân dân, của lịch sử.

- Đảng Cộng Sản Việt Nam còn tồn tại với độc quyền cai trị đất nước không phải do tài giỏi gì đặc biệt, mà chỉ vì thế lực dân chủ trong nước chưa đủ mạnh, do đó nhân dân chưa đứng dậy làm chủ vận mệnh mình.

Hiện nay, bước vào năm 2003 và năm Quý Mùi, lực lượng dân chủ Việt Nam đang đứng trước thời cơ mới, thuận lợi mới, đó là :

1. Nhóm lãnh đạo đảng cộng sản yếu kém, lúng túng, các chính sách chông chéo nhau, triệt tiêu nhau, được mặt này thì mất mặt khác. Họ bị tình thế trói buộc, cầm tù. Kinh tế duy trì được, có phát triển được chủ yếu là do các nước tư bản phương Tây tài trợ và đầu tư, thế nhưng chính quyền và công luận phương Tây luôn lên án chính sách vi phạm nhân quyền, chà đạp tự do tôn giáo, đàn áp các nhà dân chủ, thậm chí còn coi việc thực thi nhân quyền là điều kiện để có quan hệ bình thường, để tiếp tục viện trợ và đầu tư. Muốn chống tham nhũng có hiệu quả thì phải thực hiện chế độ pháp quyền, nền tư pháp phải độc lập, có nghĩa là đảng không được can thiệp vào việc xét xử của tòa án, điều mà đảng cộng sản chưa chịu từ bỏ. Việt Nam mong hòa nhập với thế giới, coi mọi nước là bạn, nhưng lại lộ liễu tỏ thiện cảm quá mức bình thường với các chế độ độc đoán và cả với những thế lực khủng bố (như Bắc Triều Tiên, Cuba, Ukraina, Myanmar, Libya, Iran, Iraq, Taliban ở Afganistan...). Kinh tế đối ngoại và chính trị đối ngoại treo cẳng ngỗng với nhau : nhận viện trợ, vay vốn, đầu tư lớn nhất ở các nước tư bản Âu, Mỹ, Nhật và các tổ chức tài chính quốc tế, nhưng lại luôn bị họ lườm nguýt, thổi còi, ra điều kiện... về vi phạm luật pháp, hành chính quan liêu,

tính toán thiên cận, tham ô quá xá, vi phạm nhân quyền và dân quyền, đàn áp tôn giáo, các nhà dân chủ và báo chí... ; cứ phải thanh minh, trơ tráo. Còn vài nước chỉ thiết về chính trị, mà các nhà lãnh đạo được báo *Nhân Dân* trân trọng gọi là "đồng chí" như Trung Quốc, Cuba, Lào, Bắc Triều Tiên thì lại ở hàng cuối cùng trong quan hệ kinh tế, buôn bán và đầu tư, chưa nói đến sự liên minh đại đột với ông láng giềng phương Bắc tệ hại ra sao khi hàng lậu ngang nhiên tràn vào như nước lũ, khi hiệp định về biên giới trên bộ đã hiến cho họ khu vực Ải Nam Quan, vùng thác Bản Giốc..., khi hiệp định về vịnh Bắc bộ đã nhượng cho họ hơn 10.000 km vuông, khi hiệp định đã ký về đánh cá chung sẽ dâng nốt cho thiên triều những tài nguyên phong phú giữa trung tâm vịnh Bắc bộ.

2. Sau 16 năm đổi mới (từ 1986), nhất là từ khi bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, ký thương ước Việt-Mỹ, gia nhập hội Đông Nam Á, mở rộng quan hệ quốc tế về buôn bán, du lịch, thông tin, giáo dục, văn hóa, thể thao..., nhân thức chính trị của xã hội Việt Nam đã có một bước phát triển sâu rộng chưa từng có. Từ một chế độ khép kín, đóng cửa cài then chặt, người dân như bị ngồi lâu dưới đáy giếng sâu, bỗng bừng tỉnh, khám phá ra thế giới bên ngoài mới lạ. Như để bù cho thời gian u tối, mọi người hối hả tiếp thu nền văn hóa và cuộc sống hiện đại, văn minh - đôi khi bất cập, đôi khi quá trớn - nhưng mạnh dạn từ bỏ những gì là lạc hậu, là hủ lậu dù cho chính quyền bảo thủ cố định hướng một cách thô bạo. Người tiêu thụ tha hồ lựa chọn, gạo chiêm, gạo tám thơm, gạo Thái Lan, gạo Ấn ; mặc đủ kiểu : váy dài, ngắn, lửng, nhiều tầng, lụa, vải thô, jean, len, dạ ; ăn đủ thứ : pizza Ý, cà ri Ấn, lẩu Thái, vịt Bắc Kinh, sushi Nhật, cá hồi hun khói Phần Lan... Nổi lên cái khoái, cái thú vị trong quyền được lựa chọn theo quy luật đa nguyên của vạn vật. Tác động về chính trị tiếp theo ngay. Người công dân hỏi : sao không như ở Thái Lan, ở Đại Hàn, ở Philipin, ở Nhật... (chẳng cần nói đến phương Tây xa xôi) trong bầu cử tự do có 3, 4 hay 5, 7 đảng phái ra tranh cử, với chương trình khác nhau, nhân vật khác nhau, mọi công dân có quyền xem xét, chất vấn, lựa chọn. Thế nào là hơn, là có ích cho toàn xã hội ? Hay là vẫn một đảng, một chương trình, không có quyền lựa chọn, như một thứ gạo, một thứ vải, một kiểu quần dài đen, một thứ phổ quốc doanh không người lái thuở nào ?

Chính vì cái quyền, cái khoái được lựa chọn mà thanh niên, sinh viên trong nước khoái đọc Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Tạ Duy Anh, Trần Huy Quang... vì các cây bút này dám khai phá, nháy ra khỏi đáy giếng, vươn mình vào thế giới hiện đại, chào vĩnh biệt những thần tượng rơm, chế nhạo những lưỡi gỗ, xô toẹt văn chương cung đình, văn chương minh họa, văn chương khẩu hiệu (loại văn chương hạ thấp cả văn chương, người viết và người đọc thành một đám văn nô đáng thương). Khắp nơi xuất hiện những trí tuệ trẻ tự tin, dám nghĩ theo tư duy của chính mình, không theo sách vở, không theo đường mòn, tự mình tìm ra chân lý, sự thật. Đã có sinh viên khoa văn, khoa luật, khoa sử trường đại học Hà Nội và đại học nhân văn Sài Gòn nêu lên công khai đòi hỏi định nghĩa chính xác

về : tự do báo chí, tự do bầu cử ở nước ta, về báo chí là công cụ của đảng hay của toàn xã hội. Đảng cộng sản làm to khi coi thanh niên ta như một đàn cừ non ngu ngơ, dễ thuần phục !

Qua việc công khai lập Hội Chống Tham Nhũng, công khai lập Nhóm Dân Chủ, công khai đòi lập đảng tự do dân chủ, những người dân chủ trong và ngoài nước cùng nhau công khai ký Tuyên bố về các hiệp định Việt-Trung, trào lưu dân chủ bước vào thời kỳ "sau Trần Độ" với niềm tự tin mới, giải tỏa nỗi sợ bạo quyền, thậm chí còn thách thức chính quyền mở phiên tòa công khai, có nhân dân và phóng viên nước ngoài dự. Họ không dám nhận, vậy ai sợ ai ?

Chính những trí tuệ trẻ đang bừng tỉnh như thế đang đi tiên phong cứu nhân dân ta, dân tộc ta thoát khỏi một thời "mù quáng-anh hùng, trì trệ-vinh quang" hơn nửa thế kỷ qua. Đó là sự thức tỉnh tất yếu, rộng lớn của thế hệ sau chiến tranh, khi tiếp xúc với thế giới dân chủ văn minh. Chính vì vậy mà tôi cúi đầu chào những nhân vật kể tên ở trên, cùng với những Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, những Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình và trăm ngàn bạn trẻ khác. Họ mang tinh thần của Galilée và Copernic, của Newton và Einstein, của Nguyễn Trường Tộ và Chu Văn An, của Solzenitsin và Havel, dám suy luận bằng cái đầu tỉnh táo của mình, hoài nghi một số định lý, chân lý, tín điều cũ, dám nói to điều mình cho là đúng, khi cần thì dám cương lại số đông, không sợ cường quyền u muội, dù có bị tù đầy, đưa lên dàn thiêu cũng không từ bỏ điều mình cho là đúng. Sinh viên văn, sử đều biết câu nói tuyệt hay của Nguyễn Trãi :

*Ung dung ta nói điều ta nghĩ*

*Uốn lưỡi theo người quyết chẳng theo !*

Viết đến đây, tôi được tin từ Hà Nội gửi sang cho biết linh mục Nguyễn Văn Lý, nhân được gặp bà chị ruột Nguyễn Thị Hiểu ra thăm tại trại giam Ba Sao, đã nói với bà chị trước mặt thiếu tá Nam của trại : đổi mới cần có ánh sáng dẫn đường ; muốn cảm nhận ánh sáng, nhà nước này phải khiêm tốn và chân thành ; trước hết nhà nước cần bỏ đi ba chữ "Độc lập, Tự do, Hạnh phúc" nơi đầu đề mọi đơn từ đi đã, đừng ép dân viết những chữ đối trá đó. Linh mục Lý từng thẳng tay gạch bỏ ba chữ kếp ấy trên lệnh quản chế dành cho linh mục, trước mặt chính quyền ; linh mục còn viết trên tờ tố cáo của mình về những vi phạm nhân quyền và tự do tôn giáo của chế độ : "Thiếu độc lập, Mất tự do, Không hạnh phúc" ; thật lý thú, một người tù mang ánh sáng dạy lẽ đời cho cả một chế độ tù mù, u tối.

3. Bước vào năm 2003, khi cam kết về AFTA được áp dụng, thương ước Việt-Mỹ đi vào chiều sâu, các chính sách giáo điều, quan liêu, đảng trị gắn liền với chế độ độc đảng ngày càng kiểm chế, ngăn cản, gây trực trặc lớn cho quá trình hòa nhập ; bế tắc về kinh tế, tài chính, đầu tư, xây dựng, quan hệ quốc tế... sẽ hiện ra rộng khắp và nặng nề. Trước tình hình ấy, nếu không có quyết định đổi mới mạnh dạn về cả chính trị và kinh tế thì bế tắc sẽ nặng nề, phát triển sẽ đình trệ, các thành tích đổi mới chưa vững chắc sẽ có nguy cơ bị thủ tiêu, hỗn loạn xã hội sẽ nghiêm trọng.

Đã vậy, sắp đến bọn độc tài, độc đảng Saddam Hussein thống trị Iraq bằng bạo lực sẽ bị lật đổ để xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên ; chế độ độc đoán đảng trị ở Cuba, Bắc Triều Tiên sẽ bị cô lập thêm ; tất cả các chế độ độc đoán khác, trong đó có Việt Nam, sẽ bị các nước dân chủ toàn thế giới và tuyệt đại đa số các nước thành viên Liên Hợp Quốc tập trung chiếu tướng và "chiếu cố" tận tình, vì các nước ấy là cái đuôi nòng nọc của thế giới cũ, của thế kỷ trước còn sót lại, vì nhân dân các nước ấy vẫn còn bị đặt ngoài nền văn minh chính trị của thời đại, chưa được hưởng tự do mà họ có quyền tự nhiên được hưởng thụ.

Không có tự do chính trị thì không thể có xã hội công bằng, ổn định, không thể có phát triển hài hòa có tốc độ cao, không thể có quan hệ quốc tế lành mạnh ; cũng không thể có phát triển văn hóa đúng nghĩa vì không gì kém văn hóa, thiếu văn minh hơn là dùng chính quyền để ngự trị trên đầu nhân dân mình, bóp nẹt quyền tự do suy nghĩ, phát biểu, sáng tạo của nhân dân mình, của đồng bào mình. Các chế độ độc đoán còn lại là một mảng đen, một vết nhơ trên hành tinh tuyệt đẹp này, một tàn tích của mông muội, của cả những lầm lẫn khổng lồ, những ảo tưởng điên rồ của quá khứ mà tất cả lực lượng lành mạnh của thế giới sẽ cùng nhân dân ra tay xóa bỏ.

Kẻ cầm quyền độc đoán sẽ nấp sau cái gọi là "chủ quyền quốc gia" để ngăn chặn sự "can thiệp" của thế giới, thế nhưng một nguyên tắc mới đang được thế giới văn minh đề xướng, đó là nguyên tắc của "quyền can thiệp", "nghĩa vụ can thiệp" (droit d'ingérence, devoir d'ingérence) nhằm cấp cứu những cá nhân, tập thể, dân tộc bị hà hiếp, bị tước đoạt tự do, những "nô lệ thời hiện đại" ; tất nhiên không phải là bằng bạo lực, mà là bằng nhiều biện pháp, nhiều đòn bẩy khác nhau, phong phú, có hiệu quả.

Ngược lại, nếu Việt Nam ta chuyển từ độc đoán sang dân chủ, từ độc đảng sang đa nguyên, từ đó gắn bó mật thiết với thế giới dân chủ thì các nước dân chủ châu Âu, Hoa Kỳ và Canada, Úc và Nhật Bản... sẽ hợp sức chi viện lập tức cho nước ta với quy mô cực lớn, không kèm theo một điều kiện nào ; các nhà chính trị, ngoại giao, kinh tế, tài chính, ngân hàng quý mến nhân dân Việt Nam thuộc các nước ấy dự tính sơ bộ - rất sơ bộ như họ nhấn mạnh - cùng với chúng tôi rằng sự chi viện ấy, chỉ của riêng Hoa Kỳ, có thể lên đến 50, 60 tỷ đôla trong năm năm ; chưa nói đến cộng đồng châu Âu, Úc, Canada, Nhật... ; chưa nói cộng đồng người Việt sẽ náo nức đưa tiền của, công sức, tài năng, kinh nghiệm về, bao nhiêu thì chưa thể dự đoán nổi ! Lúc ấy Việt Nam có thể phát triển với tốc độ từ 15% đến 18% (năm qua là 7%), cao hơn hẳn Trung Quốc, thu hẹp nhanh khoảng cách với các nước láng giềng, xây dựng hẳn lại hạ tầng cơ sở, phát triển y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật vượt bậc, vững chắc. Giấc mơ này đang ở trong tầm tay. Chỉ cần dân ta muốn.

### **3. Phương án đổi mới - đề nghị của lực lượng dân chủ trong và ngoài nước**

Lúc này là thời cơ cho các lực lượng dân chủ trong và

ngoài nước cùng phối hợp đưa ra một phương án đổi mới làm cơ sở cho cuộc vận động chính trị rộng lớn trong nhân dân, những người chủ của đất nước.

Chúng ta đề nghị với đồng bào ta yêu cầu đảng cộng sản cầm quyền :

- mạnh dạn đổi mới cả về kinh tế và chính trị, theo hướng dân chủ hóa, tự do hóa ;

- từ bỏ Điều 4 của hiến pháp hiện hành quy định độc quyền chính trị của đảng cộng sản, thực hiện dân chủ đa nguyên, chuẩn bị bầu cử tự do theo tiêu chuẩn chung của các nước dân chủ, có quan sát của quốc tế và Liên Hợp Quốc ;

- thực hiện tự do tôn giáo, nhà nước không can thiệp vào công việc nội bộ của giáo hội, trả lại cho giáo hội Phật Giáo, Công Giáo, Tin Lành, Hòa Hảo, Cao Đài... mọi tài sản, cơ sở bị cưỡng chiếm ;

- trả lại tự do cho tất cả người tù chính trị, đang bị giam giữ, quản chế vì lý do chính trị, tôn giáo, sắc tộc ;

- thực hiện tự do ngôn luận, tự do báo chí, tư nhân có quyền ra báo trên cơ sở luật báo chí mới, chấm dứt độc quyền báo chí, ngôn luận của một đảng ; mọi công dân có quyền tự do phát biểu chính kiến, nghiêm cấm cổ động bạo lực, chiến tranh, chia rẽ dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, cấm vu khống, xuyên tạc, bịa đặt...

- công nhận quyền tư hữu ruộng đất và các tài sản khác (từ bỏ khái niệm mơ hồ : ruộng đất thuộc toàn thể nhân dân) ; quyền tự do kinh doanh của tư nhân phải được tôn trọng thật sự, cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp quốc doanh ;

- xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, nền tư pháp lấy tôn trọng luật làm tiêu chí, việc xét xử chỉ chiếu theo luật, mọi chính đảng, tổ chức xã hội đều đặt dưới luật pháp ;

- thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, hữu nghị với mọi nước, gắn bó chặt chẽ với các nước dân chủ, quan hệ láng giềng tốt với các nước xung quanh ;

- công bố công khai, đầy đủ về các hiệp định Việt-Trung đã ký trước quốc hội phiên gần nhất để quốc hội thảo luận, biểu quyết ; nếu cần thì quốc hội đưa ra trưng cầu ý kiến của toàn dân.

Nội dung trên đây chẳng có gì là cao xa ; mọi xã hội dân chủ bình thường đều đã có.

### **4. Kết luận**

Các lực lượng dân chủ trong và ngoài nước khẩn thiết kêu gọi đảng cộng sản cầm quyền hãy đặt quyền lợi của quốc gia, dân tộc, của nhân dân lên trên hết, nghiêm chỉnh đối thoại về phương án đổi mới này, chủ động tham gia quá trình dân chủ hóa, tự do hóa, cùng toàn dân đưa đất nước thân yêu vào kỷ nguyên mới : kỷ nguyên dân chủ, tự do, kỷ nguyên hội nhập sâu sắc vào thế giới dân chủ văn minh, mở ra quá trình phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và hài hòa của Tổ Quốc Việt Nam ta. Đây chính là con đường mà nhiều đảng viên cộng sản kỳ cựu nghĩ đến ; mà khá nhiều đảng viên cộng sản có trí tuệ, có lương tâm, thật lòng yêu nước thương dân đề xuất ; mà không ít cựu chiến binh, có

cả sĩ quan trung cấp, cao cấp, cấp tướng kiến nghị ; mà rất nhiều thanh niên cộng sản thông minh, có tâm huyết mong chờ, chắc chắn được đông đảo đồng bào yêu quý trong cả nước hân hoan đón nhận, khi biết và hiểu rõ.

Đầu xuân Quý Mùi, chúng tôi mong rằng Hồn thiêng sông núi, Phúc âm của Tiên Tổ dân tộc ta soi sáng cho nhóm lãnh đạo đảng cộng sản để họ dừng bỏ qua dịp này, để họ dừng ngăn cản đông đảo đảng viên trung thực, đông đảo thanh niên tuấn tú, đông đảo đồng bào cả nước tiếp nhận chương trình dân chủ hóa đất nước rất hợp tình hợp lý, sớm mở ra tương lai thật sự vẻ vang và tươi sáng cho đất nước.

Nếu như chính Bộ chính trị và Ban chấp hành trung ương đảng cộng sản chấp nhận phương án này thì thật là đại hồng phúc cho dân tộc, cho cả đảng cộng sản ; họ sẽ được đất nước ghi công là đã cùng nhân dân đi vào kỷ nguyên dân chủ, một kỷ nguyên cách mạng sâu sắc, triệt để, một kỷ nguyên đoàn tụ toàn dân, hòa giải, hòa hợp dân tộc rộng lớn, mở ra lối thoát danh dự, cuộc lột xác của Đảng Cộng Sản Việt Nam ; nó tránh cho đất nước kết thúc chế độ độc đoán một cách bi thảm, như từng diễn ra ở Nam Tư, Rumani hay Đông Đức, Ba Lan...

Chúng tôi hiểu sâu sắc rằng xét cho cùng vận mệnh dân tộc ta nằm trong tay đông đảo nhân dân, đông đảo công dân mà tuổi trẻ chiếm đa số áp đảo, đông đảo đảng viên và đoàn viên thanh niên bình thường không gắn liền với đặc quyền đặc lợi. Chúng tôi tin rằng chính các bạn là lực lượng đi đầu trong phổ biến, cổ động, giải thích, truyền bá không mệt mỏi phương án dân chủ hóa này, và phấn đấu kiên cường cho thắng lợi của sự nghiệp dân chủ hóa. Lòng dân là Ý Trời, không gì cưỡng nổi !

Theo ý nghĩa ấy, chính các bạn là Mùa Xuân vĩnh cửu của dân tộc.

*Bùi Tín (Paris)*

## **Tái bút :**

Tôi xin được gửi riêng bài viết này đến một số vị và bè bạn quen biết sau đây :

- Cụ Nguyễn Lân (Từ Ngọc), giáo viên nhân dân, thầy giáo Văn Sử của tôi, tuổi sắp tròn 100, với lòng biết ơn Thầy đã giảng kỹ về Voltaire và J-J. Rousseau, đặc biệt nữa về Chu Văn An và Nguyễn Trường Tộ ; trò tôi rất cảm kích được biết Thầy đã cùng cụ Nguyễn Xiển kiến nghị với lãnh đạo thực hiện nền "đức trị" trước cảnh suy đồi của xã hội, dột từ nóc !

- Đại tướng Võ Nguyên Giáp, khi thượng thọ (90 tuổi) đã "được" nhà nước, các vị lãnh đạo và cả bộ quốc phòng quên mất ! Cuối năm qua, ông đến dự đại hội cựu chiến binh và phát biểu rằng : dù cho phát triển kinh tế đạt 7, 5% mỗi năm (mà các nhà lãnh đạo tỏ ra hý hửng !) thì đến năm 2020 ta vẫn còn thua Thái Lan 30 năm ! Xin thưa : có thể phát triển nhanh, đạt gấp đôi mức 7, 5% (đạt đến 18% nếu thực hiện dân chủ hóa thứ thiệt). Vậy xin được hỏi đại tướng có tán thành sáng kiến này, hay có biện pháp nào khác để đạt phát triển cao, xóa nỗi nhục quá ư lệt đệt so với các nước láng giềng ?

- Thượng tướng Hoàng Minh Thảo, nguyên tư lệnh Sư Đoàn 304, thủ trưởng cũ của tôi, một vị chỉ huy trí thức ; ông chuyên vạch ra thật nhiều phương án "khả dĩ", để rồi dùng phương pháp loại suy dần mà tìm ra phương án tối ưu. Xin được hỏi ông phương án độc đoán, độc đảng hay phương án dân chủ hóa là tối ưu cho đất nước hiện nay ?

- Tất cả anh chị em cựu chiến binh của Quân Đội Nhân Dân, đồng đội của tôi, với lời thề luôn là chiến sĩ của nhân dân ! Xin nhớ lời anh Trần Độ : nỗi nhục mất tự do không kém gì nỗi nhục mất nước ;

- Các anh chị em cựu chiến binh, thương binh của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa cũ hiện ở trong và ngoài nước, trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc thật lòng ; nhân đây tôi tuyên bố từ bỏ 9 huân chương Kháng chiến, Quân công, Chiến công, Chiến sĩ vẻ vang mà tôi được thưởng, khi chưa xót cay đắng nhìn ra sự thật qua tổng kết, thống kê : 30 năm chiến tranh, số người Việt Nam chết và bị thương lớn nhất không phải do quân lính nước ngoài mà do chính người Việt ta hăng say bắn giết nhau, bởi những học thuyết xa lạ.

- Tất cả các bạn đồng nghiệp của tôi ở báo *Quân Đội Nhân Dân* và báo *Nhân Dân*, cũng như các nhà báo khác từng cùng trong Hội Nhà Báo Việt Nam, những người từng được vỡ lòng nghiệp vụ báo chí rằng : những bài báo chân thật, có hồn, thức tỉnh lương tâm quân chúng có thể có sức mạnh như của nhiều binh đoàn thiện chiến công phá cường quyền hung bạo.

- Các bạn thanh niên, sinh viên, học sinh trong cả nước, tôi đã đề tặng các bạn cuốn sách đầu tiên tôi viết từ nước ngoài *Hoa Xuyên Tuyết* ; sau đó cuốn *Mặt Thật* cũng đề : "tặng các bạn trẻ trong và ngoài nước, với niềm ân hận của thế hệ đi trước thành tích ít, lỗi lầm nhiều" ; chúng tôi đặt niềm tin vững chắc ở các bạn trẻ đang đi tiền phong mở ra sự nghiệp dân chủ hoá đất nước ;

- Các bác, chú cô, anh chị em, các cháu, có cả vài chất trong họ Bùi luôn gắn bó trên tình cảm gia tộc bền vững; vợ tôi, con gái, con rể, con trai, con dâu, hai cháu ngoại, hai cháu nội của tôi, như một lời tâm sự và xin lỗi chân thành vì đã không săn sóc gì được đến gia tộc, gia đình trong 12 năm qua ;

- Các bạn cũ và mới của tôi ở trong và ngoài nước, thay cho thiệp chúc Tết Quý Mùi, với lời mong các bạn phổ biến bài viết này, tham gia sự nghiệp dân chủ hóa quê hương thân yêu bằng cả trí tuệ và trái tim mình .Tôi không có một tham vọng chính trị nào ; chỉ có tâm huyết ở phương án chung này !

Tôi trông mong nhận được hồi âm của các vị và các bạn, ở địa chỉ : Bùi Tín, 1 ter rue des Francs-Tireurs, 93120 La Courneuve, France (Pháp) ; hoặc qua email : lienbat@aol.com

Xin cảm ơn các vị và các bạn./.

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết mục  
khác trên internet :  
<http://www.thongluan.org>

## Trí Thức Việt Nam : Người Là Ai ?

Bửu Sao

Bàn về người trí thức Việt Nam, nhà văn Phạm Thị Hoài xin mọi người chấp nhận một quy ước : "nói đến người trí thức Việt Nam ở đây là nói tới những người mà do học thức, trình độ, môi trường sống, thói quen, hoặc thậm chí do ngẫu nhiên cũng được, mà hoạt động trí thức và tinh thần là thường trực, hoặc chủ yếu, hoặc đóng một vai trò đáng kể". Đúng thế : nhà thơ thì làm thơ, nhà văn thì viết văn, và người trí thức thì hoạt động trí thức : với một định nghĩa vô thưởng vô phạt như thế, mọi người đều đồng ý. Nhưng khi nói đến tư cách chính thống của người trí thức Việt Nam, đấy mới là "miếng trầu đầu câu chuyện".

Theo bà Phạm Thị Hoài, người trí thức Việt Nam qua mọi diễn biến của thời cuộc vẫn còn là những cậu, những cô học trò quanh năm đèn sách nhằm đạt được vị thế của nho nhân, kẻ sĩ ; họ chưa dẹp bỏ được cái nếp học trò của mình. Cố nhiên, một định nghĩa hoàn hảo về người trí thức không thể có được, song lấy hai vế trên đây, vế quy ước và vế tóm lược nhập lại chúng ta có thể hình dung được một phần nào cái diện mạo của người trí thức Việt Nam cổ điển.

Nay thử nhìn vào lịch sử chính trị và văn hóa Việt Nam: ba loại người trí thức sẽ hiện rõ nét với những bản chất cá biệt mà cấu trúc xã hội đã tác thành trong tiến trình diễn biến qua các thời đại :

Vào thời phong kiến, từ nhà Lý đến cuối thời Tự Đức nhà Nguyễn, giới trí thức Việt Nam mang rõ bản chất "phò chính thống với tư cách quan văn". Dưới hai thời thực dân : thực dân Pháp và thực dân bản địa cộng sản, từ 1986 đến bây giờ, lộ diện giới trí thức "quan võ, võ sĩ, hay đạo sĩ, khi mà sự vật dường như không thể giải quyết nổi theo các tiêu chí của nho sĩ..."

Từ 1954 đến 1975, và sau 1989, với sự thế đổi đời, "cặp bài trùng trí thức và quyền lực được tách rời nhau ra" để tác thành những người trí thức dấn thân và đối lập. Tuy con số còn ít ỏi, nhưng loại trí thức này đang bành trướng mạnh. Với sự tiếp sức từ nước ngoài nó sẽ gây một đối lực chuyển hóa mãnh liệt trên chính trường quốc nội, phác họa một đường hướng sáng sủa hơn cho tiền đồ dân tộc.

Trước khi bàn về tư cách "quan văn" của giới trí thức Việt Nam thời phong kiến, một sự kiện lịch sử cần được đính chính ngay tại đây. Phạm Thị Hoài nói : "... sau ít nhất là 2000 năm... chúng ta vẫn là một nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới và chưa bao giờ chúng ta không như thế". Nếu đọc kỹ các tài liệu sơ tầm lịch sử tức sẽ nhận thấy rằng dưới các thời Trần, Lê, Nguyễn, và gần đây hơn, dưới thời kỳ Nam Bắc phân tranh, nghĩa là trong ít nhất là một ngàn năm lịch sử, dân Việt đã có ít nữa là một lần không như thế, theo tôi nghĩ thì rất có thể là nhiều lần không như thế. Các sử gia thời trước chưa dựa được vào các dữ kiện thống kê để phán quyết về tỷ số dân nghèo và lạc hậu, nhưng qua các tài liệu Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Trịnh Hoài Đức,

và qua các tập viển du ký của người Âu thì vào các thời đó, tỷ số dân nghèo là bao nhiêu trong xã hội ? khó mà quyết đoán được, nhưng điều chắc chắn là không đạt đến mức 80% dân số khiến nước Việt Nam phải "đội sổ" như hiện nay. Vậy không phải vào thời nào Việt Nam cũng đội sổ trong số phận một quốc gia nghèo đói nhất thế giới được.

Bây giờ bàn về tư cách "quan văn" của giới trí thức Việt Nam. Từ đầu thế kỷ XVII, do sự hội nhập nhanh chóng và tự do của người dân vào thị trường quốc tế, ngoài bọn "trí thức tác phong quan văn" của chế độ phong kiến, giới trí thức sinh ra từ giới nhà nông hạng trung lưu thời đó đã phát triển mạnh nơi chốn thôn dã là đất dụng võ của họ. Ngay từ thời nhà Lý giới trí thức bình dân này đã lập ra hương ước, cũng được gọi là lệ làng mà dân chúng còn trọng hơn cả luật vua nữa ! Sở dĩ nước Việt Nam còn tồn tại sau gần một ngàn năm Bắc thuộc là vì tinh thần hào hùng bất khuất của nòi giống Lạc Việt còn tồn tại trong đám trí thức nhà nông, đối lập với triều thần các vua chúa.

Cuốn sách nhan đề *Rêves, Souvenirs, Commentaires* (Mơ Ước, Kỷ Niệm và Chú Giải) của Nguyễn Khắc Viện tuy không đồng quan điểm với Phạm Thị Hoài về tình trạng tụt hậu và yếu kém của dân Việt, nhưng cũng mang cái dấu ấn mặc cảm tự ti của những người đã từng chịu sự chi phối của học thuyết duy vật sử quan. Trong khi lịch sử Việt Nam chứng minh bao nhiêu cuộc đấu tranh chống bạo quyền là do giới trí thức nông thôn thuộc giai cấp trung lưu lãnh đạo ; trong khi giới trẻ Việt Nam thời nay tự hào nhắc nhở phải "làm sao cho ngang thời xưa", thì những người đã một thời chịu ảnh hưởng của ý thức hệ mác-xít vẫn xem lịch sử Việt Nam như là một lịch sử tranh đấu trường kỳ và hầu như vô vọng của giới bản cổ nông chống cường quyền dưới một thời phong kiến chưa dứt, phải chờ đến cuộc cách mạng vô sản Mác-Lê mới mong giải quyết được.

Đến khi bà Phạm Thị Hoài mô tả tư cách chính thống, học trò, của trí thức Việt Nam dưới chế độ cộng sản, với bản tính yêu địa vị, duy ý chí, chuyên bạo lực, trong một chính quyền dở phong kiến dở thực dân, ở đây bà đã cung cấp một lời chứng trung thực và bi đát về tình trạng Việt Nam đương đại này. Trong khi quan thầy Mao Trạch Đông gọi bọn trí thức không hơn cục phân thì tìm đâu ra một người trí thức chính hiệu ngoài giới quan thầy "xénh xáng"? Trong khi những người trí thức chính hiệu Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo v.v. vì đã trót hơn cục phân nên đã bị trù dập, phải ăn cóc ăn nhái để còn được sống thì các nhà trí thức "chính thống" u mê trong giới lãnh đạo học thuộc lòng cuốn sách đỏ để theo đường lối quan thầy Mác-Lê bản cùng hóa nhân dân Việt Nam ngõ hầu có cơ may toàn trị.

Nhà trí thức mác-xít Nguyễn Khắc Viện, trong chức vụ lãnh đạo chính trị nhóm "Việt kiều yêu nước" tại Pháp và



các năm 1952-1963, và cố vấn chính trị của chính quyền Hà Nội từ 1963 đến 1984 đã đề cập đến Khổng Nho như một đường lối rất chính thống trong công cuộc lãnh đạo nhân dân. Nguyễn Khắc Viện đã dùng hơn một nửa cuốn sách của ông để trình bày về vai trò của học thuyết Khổng giáo trong công cuộc gọi là "giải phóng" quê hương Việt Nam. Ông nói : "Học thuyết mác-xít đã thừa kế khổng học để củng cố hiến một căn bản cho học thuyết chính trị, xã hội Việt Nam, giúp giải quyết những vấn đề thực dụng... Hai học thuyết này có liên hệ trong quá trình diễn biến lịch sử ngoài mọi cuộc đối chọi hàn lâm" (sđd. trang 96 : *Le marxisme a succédé au confucianisme pour donner au pays une doctrine politique et sociale, pour lui permettre de résoudre des problèmes pratiques ; il se heurtera au confucianisme, il le rencontrera sur le terrain de l'évolution historique, et non au cours de joutes académiques*).

Cuốn sách viết bằng tiếng Pháp này dưới nhan đề Mơ Ước, Kỷ Niệm và Chú Giải (*Rêves, Souvenirs, Commentaires*) của ông đã phác họa một chính sách Mác-Lê-Khổng hòa hợp trong niềm mơ ước ảo tưởng của chế độ. Chỉ khi thân chết gần kề, người trí thức Nguyễn Khắc Viện mới sáng mắt ra nhìn rõ sự thật vô cùng bi đát rồi nấc lên một tiếng than khóc rùng rợn trong hơi thở cuối cùng. Thật ra, từ đầu, nhà trí thức Nguyễn Khắc Viện đã là khán giả cùng là cố vấn của màn bi kịch Việt Nam để phải gánh chịu một phần trách nhiệm : cuộc đấu tố trong vụ cải cách điền địa 1952-1956, cuộc sát hại và trù dập giới trí thức nhân vụ Trăm Hoa Đua Nở, và gần đây hơn, vụ dâng đất quê hương cho quan thầy Trung Quốc : tất cả đều xuất phát từ sự vâng lời chấp nhất bề trên "xénh xáng" của đám học trò u mê trong guồng máy lãnh đạo trung ương Hà Nội. Cũng như mọi trí thức chính thống khác, ông đã "há miệng mắc quai", nên không ú ớ được một lời nào.

Tại đây làm sao nói ngược lại bài nói chuyện của nhà văn Phạm Thị Hoài được, ngoại trừ những câu chuyện đang nằm trong các trang sử như câu chuyện Nguyễn Trãi, câu chuyện Nguyễn Du, và gần đây, câu chuyện Phạm Quỳnh, câu chuyện Ngô Đình Diệm. Nhà sử học Pháp Fustel de Coulanges đem ví môn sử học với Quốc Hội lập pháp : cũng có ba bên : trái, phải, trung. Mỗi bên trình bày thoải mái quan điểm của mình "do trình độ học thức, hoặc do môi trường sống của mình", vậy không nên mất thời giờ để bàn cãi làm chi.

Phần quan trọng đáng nói nhiều là từ đầu thế kỷ 20 trong cả nước, từ năm 1954 đến năm 1975 tại miền Nam, và từ 1975 đến bây giờ tại hải ngoại, đã có nhiều "cơ hội" để cập bài trùng trí thức và quyền lực có thể tách nhau ra được". Vào giai đoạn này một phần giới trí thức Việt Nam khi được cơ may thoát ra được khỏi xã hội đồng chí thì chỉ để bước vào xã hội đồng sàng, rồi đồng sàng dị mộng, bất đồng quan điểm. Họ bất đồng quan điểm vì được toàn quyền hành sử tự do, đúng mức có bữa bãi có, tùy trình độ học thức của mình, và cũng tùy môi trường sinh hoạt. Hệ quả là gây sự phân hóa, xích mích trong các cộng đồng người Việt địa phương.

Nói về chuyện bất đồng quan điểm ở nơi đây nên làm

bàn một đôi chút cho thoải mái. Vào thời nước Việt bị chia thành hai xứ : xứ Đàng Ngoài và xứ Đàng Trong. Khi dân xứ Đàng Trong thấy cùng một lúc đến 3.000 người phương Bắc, nói tiếng lạ, đi tàu buồm năm lá khơi khơi cập bến, xin chúa Nguyễn cho tá túc, họ gọi nhau ơi ơi : nè ! nè ! bà con ơi, mấy người tàu ! Thì ra người Việt từ Bắc vào Nam quen đi đường bộ, có mấy ai đi tàu ? Từ đấy người Trung Hoa được quen gọi là người Tàu. Đấy chỉ là một sự kiện xin được phối kiểm, không phải là một quan điểm để bàn cãi. Nói đến những người Việt vào năm 1954 đi tàu từ miền Bắc vào Nam, rồi vào năm 1975 từ miền Nam cũng đi tàu lan tràn khắp năm châu bốn bể, để rồi nay lại cũng đã mang cái tên là "người tàu", boat people.

Từ chuyện này lại đặt ra vấn đề quan điểm. Sau gần 30 năm, số "người tàu" này đã đạt đến con số gần hai triệu rưỡi, trong đám này cũng tính đến trên dưới 400.000 người trí thức chuyên gia, tuy không chính thống, nhưng không còn bị chê là "cục phân" nữa. Thời thế đã đảo ngược quan điểm và Mao "xénh xáng" lên tiếng sửa sai : *các nị không phải cục phân mà đúng là cục vàng của trời tại*. Rồi đám "người tàu" boat people này cũng đặt câu hỏi : chúng ta phải làm gì cho quê hương ? Giới trí thức chính thống bên kia bờ tức tốc đáp lại : xin mời bà con, cô bác, khúc ruột ngàn dặm, trở về với quê hương thân yêu !

Đối với giới cầm quyền Hà Nội, mà nhà báo gọi là giới cầm tiền, nay choáng váng thấy lộ lộ trước mắt toàn là những cục vàng chính hiệu, những cục vàng có thể tạo ra vàng. Song xem ra thì những cục vàng này chỉ biến thành báu vật thơm tho khi nào nằm gọn trong lòng bàn tay ta để ta xài chơi ! Rơi vào lòng bàn tay của giới cầm tiền, giới trí thức cục phân nay đột biến thành những con bò vắt sữa, phương tiện để thăng tiến cho mình và thăng hoa cho cán bộ. Rồi từ đó hóa thân thành "cái hèn, cái nhu nhược, cái cầu an" !

Ở đây, nếu nói thêm nữa thì chỉ lặp lại lời văn của Phạm Thị Hoài mà thôi. Tôi chỉ xin ghi thêm một câu, ghi bằng chữ vàng, là đủ : *"khi tự đồng nhất mình ở mức độ cao như vậy với giai cấp thống trị, bất kể là giai cấp nào, thì cái bộ phận ưu tú nhất của dân tộc Việt Nam là trí thức Việt Nam mặc nhiên đã đánh mất cái thôi thúc cải thiện, thay đổi, và cải cách xã hội"*.

Người ơi ! Tại các quê hương thứ hai này, trong cảnh thanh bình an lạc, thay vì đi tìm sự đồng nhất để dồn nỗ lực vào công cuộc quang phục quê hương Việt Nam, người - tất cả chúng ta - đang bày ra cảnh đồng sàng dị mộng, cũng vì mấy chữ tự do tư tưởng. Tại đây có lắm vấn đề từ chủ trương, đến kế hoạch thực hiện, toàn là những vấn đề quan điểm và quan trọng cả, nhưng chỉ để quanh năm bàn đi tính lại. Và đây tôi xin ghi thêm một câu cuối cùng : *"tại các chế độ dân chủ tự do, hoàn toàn không phải dính líu đến hệ lý luận mác-xít, hệ kiểm duyệt cộng sản... nhưng cái văn học ấy (của các người) cũng không khá gì hơn ở trong nước, cũng trì trệ, lạc hậu, bảo thủ và tẻ nhạt... vậy lời đáp nằm ở đâu ?"* (Nguyễn Hưng Quốc).

*Bưu Sao* (Orlando, Florida)

(\*) Buổi nói chuyện ngày 28-10-2000 tại Berlin, Đức.

# Cuối năm nghe chơi một băng nhạc Tết

*Tường Năng Tiến*

*Xuân vữa về trên bãi cỏ non  
Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn  
Hoa cười cùng tia nắng vàng son  
Lũ ong lên đường cánh tung tròn...*

Nếu thực sự có một mùa xuân êm  
đềm và tươi thắm quá cỡ như vậy mà  
bạn vẫn chưa hài lòng thì xin nghe  
thêm vài câu nhạc nữa :

*Có một chàng thi sĩ miền quê  
Hái bông hoa trao người xuân thì  
Có một bầy em bé ngoài đê  
Hát câu i tờ đón xuân về...*

Tôi dám cá là suốt thời Trung Cổ,  
không nơi nào trên trái đất này có  
được một mùa xuân tươi thắm và êm  
đềm hơn là mùa xuân mà Phạm Duy  
vừa mô tả - qua bản nhạc *Hoa Xuân*,  
như vừa dẫn. Nhưng Phạm Duy không  
phải là người thuộc thời Trung Cổ.  
Ông cùng thời với tôi và bạn mà. Vậy  
chớ ông ta viết về mùa xuân nào (vào  
thời đại chúng ta) mà thái hòa và an  
lạc dữ vậy kia ?

Thiệt nó đẹp như mơ vậy đó nha !  
Và sao tui nghi là ông đã nằm mơ quá  
hà. Chớ giữa chúng ta, nhất là những  
kẻ sinh trưởng ở miền Nam Việt Nam,  
có mấy ai đã từng nhìn thấy một bờ  
đê. Cái đê trần trụi vắng hoe cũng  
khỏi có luôn, nói chi đến "một bầy em  
bé... hát câu i tờ đón xuân về", vào  
một buổi chiều xuân nào đó, đã xa lắc  
xa lơ, trên bờ đê lộng gió.

Còn chuyện "có một chàng thi sĩ  
miền quê, ngắt bông hoa trao người  
xuân thì" (thì... ôi thôi) nhắc làm gì  
cho nó thêm buồn. Tui nói vậy bạn  
dám cãi lăm à nha, dám bạn sẽ đưa  
Nguyễn Bính ra làm bia đỡ đạn, với lý  
do "ông là thi sĩ miền quê cuối cùng"  
của thời đại chúng ta. Tệ hơn nữa,  
bạn còn dám mang Nguyễn Duy ra để  
hù tui, bằng những bài thơ lục bát làm  
"phóng ảnh treo tường" (để bán) của  
ông.

Xin lỗi bạn chớ, cỡ Tú Xương đây  
mà cũng đã có lúc phải ứa lệ - rấm rứt  
khóc thắm (dám bằng tiếng Pháp) vì  
nạn đô thị hóa, đây nè :

*Sông kia giờ đã nên đồng  
Chỗ làm nhà cửa, chỗ giồng ngô khoai  
Đêm nghe tiếng ếch bên tai*

*Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò...*

Xá gì cỡ Nguyễn Bính, nói chi  
đến thứ Nguyễn Duy. Nói gọn lại, tui  
tin rằng chỉ có Nguyễn Khuyến mới  
là nhà thơ miền quê cuối cùng của  
dân tộc Việt Nam :

*Tháng Giêng hai mươi mốt chợ Đồng  
Năm nay chợ họp có đông không  
Giờ giờ mưa bụi còn hơi rét...*

Chớ còn mấy trụ thi sĩ lóc nhóc  
sau này đều đã bị đô thị hóa, và đã  
"phong sương mấy độ qua đường  
phố" hết trơn rồi - theo như cách nói  
của Sơn Nam.

Và tôi ngại nhất là cái lối bụi đời  
ướt át của ông Thế Lữ :

*Rũ áo phong sương trên gác trọ  
Ngắm nhìn thiên hạ đón xuân sang*

Cái gác trọ này - tôi bảo đảm -  
nằm ở Hà Thành, vào cuối thập niên  
ba mươi hay đầu bốn mươi gì đó.  
Thêm cái kiểu cách "rũ áo phong  
sương" đủ khiến chúng ta hình dung  
ra được cả đám Vũ Hoàng Chương,  
Đình Hùng, Xuân Diệu, Huy Cận...  
đã sống cái lương chết mẹ đi rồi. Đâu  
còn "thi sĩ miền quê" nào nữa.

Đô thị hóa, tất nhiên, không phải  
là chuyện chỉ xảy ra ở Hà Nội Ba  
Mươi Sáu Phố Phường. Không tin, cứ  
đọc tiếp Nguyễn Bính mà xem :

*Đôi ta lưu lạc phương Nam này  
Đã mấy mùa xuân én nhạn bay  
Xuân đến khắp trời hoa phượng nở  
Riêng ta với người buồn lắm thay*

Bạn thấy chưa : lại thêm hai ông  
nhô con bỏ nhà "dzô" Nam, thuê gác  
trọ, sống giữa Sài Thành Hoa Lệ. Mà  
đi giang hồ chút đỉnh như vậy là phải  
chớ. Chính quê hương của Nguyễn  
Bính cũng đã nhiễm bụi thị thành từ  
lâu rồi, còn nấn ná ở đó làm chi cho  
nó... mù người ra :

*Hoa chanh mọc ở vườn chanh  
Thầy u mình với chúng mình chân quê  
Hôm qua em đi tỉnh về*

*Hoa đồng cỏ nội bay đi ít nhiều*  
Coi : nàng mới ra tỉnh có chút xíu hà  
mà hoa đồng cỏ nội đã bay đi mất liền  
một mớ. Lỡ mà "êm" ghé chơi Hà Nội  
hay Hải Phòng (chậm lăm) ba đêm là  
kể như rồi, còn gì là "người xuân thì"

theo tiêu chuẩn "chân quê" nữa ?

Bạn hết cãi chưa ? Dù bạn đã tắt  
đài, tôi biết bạn vẫn còn ầm ức vì cái  
giọng điệu hoài cổ cực đoan và quá  
khích của tui từ khi đặt bút xuống cho tới  
bây giờ - đúng không ?

Đừng có nghĩ bậy bạ như vậy, mang  
tội chết (mẹ) à nha. Coi : cuộc tình dấm  
dớ của một anh thi sĩ miền quê với một  
người con gái xuân thì, hay hình ảnh  
một bờ đê lộng gió - và một bầy em bé  
tung tăng, hát câu i tờ, vào một chiều  
xuân nắng vàng và lộng gió... - hoàn  
toàn và tuyệt đối có liên quan, dính  
dáng gì tới tui đâu. Cớ sao tôi lại phải  
hoài cổ chớ ? Đây là chuyện riêng  
của... Bà Huyện Thanh Quan hay (cùng  
lắm) là của ông nội hay ông già tôi thôi  
à .

Mà hoài cổ, theo tôi, là thứ tình cảm  
hơi khó hiểu. Làm sao chúng ta có thể  
yêu mến hay ngưỡng mộ một thời đại  
mà mình tuyệt đối không có dính dáng  
gì tới nó ? Hoài vọng hay hoài cảm, có  
lẽ, dễ hiểu và phổ biến hơn. Mọi người,  
khi bắt đầu luống tuổi, hẳn đều thấy  
tiếc nuối ít nhiều khoảng ấu thơ hay  
niên thiếu của mình - dù chúng ta sinh  
ra và trưởng thành ở bất cứ đâu.

Dù vậy, tôi vẫn lạy Trời cho bạn  
đừng xui tới cỡ là sinh ra ở miền Bắc -  
vào khoảng thập niên 1940, 1950 hay  
1960... - và cứ phải sống mãi ở nơi đó  
cho đến bây giờ. Tuổi thơ và tuổi trẻ  
của bạn - tất nhiên - cũng đẹp, cũng thơ  
mộng vậy ; tuy nhiên, tôi tin là nó sẽ  
đẹp hơn, mộng mơ hơn chút đỉnh nếu  
Bác và Đảng đừng xía vô cuộc đời bạn  
quá nhiều - như họ đã và vẫn làm đều  
đều như vậy, từ nửa thế kỷ qua.

Còn nếu bạn sinh trưởng ở miền  
Nam thì đỡ mệt biết chừng nào. Sẽ  
không ai bắt bạn phải đeo khăn quàng  
đỏ và đi nhật rác để hoàn thành kế  
hoạch nhỏ. Bạn cũng được miễn cái vụ  
"thay trời làm mưa" hay "nghe đồng  
cho nước chảy ra ngoài", và bạn được  
tự do đi biểu tình "đả đảo" bất cứ thằng  
cha hay con mẹ nào mà mình không  
thích.

Trong một hoàn cảnh sống tương  
đối dễ thở như thế (và nếu bạn lại sinh

trường ở một thành phố cao nguyên) thì nhìn thấy mùa "xuân về trên bãi cỏ non" là chuyện... nhỏ thôi. Điều đáng tiếc là những ngày tháng an lành, phẳng lặng đó không kéo dài lâu. Đến khoảng cuối thập niên năm mươi, theo trí nhớ non nớt của tôi, trong không khí an bình của miền Nam thoang thoang đã có mùi vị chiến tranh - qua những bản nhạc tâm lý chiến (thường được hát ở phòng trà và nghe hơi có nhiều kịch tính), của những ông nhạc sĩ quân đội, như bản "*Phiên Gác Đêm Xuân*" của Nguyễn Văn Đông :

*Đón giao thừa một phiên gác đêm  
Chờ xuân đến sừng xa vang rền  
Xác hoa tàn rơi trên bóng sừng  
Ngỡ rằng pháo tung bay  
Nào ngờ đâu hoa lá rơi...*

Trời đất, đơn vị bạn đùng địch, "sừng xa vang rền" mà đại tá Nguyễn Văn Đông vẫn đang mơ ngủ. Không hề nghe ông ban lệnh ứng chiến hay có kế hoạch cứu viện gì hết trơn hết troy ; đã vậy, sau khi tỉnh giấc, ông bắt đầu... mơ mộng :

*Ngồi ngắm mấy nóc chòi canh  
Mơ rằng đây mái nhà tranh  
Và ước chiếc bánh ngày xuân...*

Thiệt tình, ông làm đảo ngược binh pháp hết trơn. Người ta thì *cư an tư nguy* còn ông thì *cư nguy tạn*. Những sĩ quan cao cấp trong quân đội miền Nam, như đại tá Nguyễn Văn Đông, chắc có hơi nhiều ; bởi vậy - chỉ chừng mười năm sau - năm 1968 thì súng AK của Trung Cộng và Tiệp Khắc nổ thiệt, và nổ khắp bốn mươi bốn tỉnh lỵ và thành phố của miền Nam (kể luôn thủ đô Sài Gòn).

Cũng từ đây, chiến tranh lan vô thành phố. Nay, "plastic" đặt nổ chỗ này ; mai, hỏa tiễn 122 ly rơi "lộn" vô chỗ khác. Và dù vậy, xã hội miền Nam vẫn cứ vui như tết - khi Tết đến. Nếu so với miền Bắc - nơi mà vì "hoàn cảnh đất nước khó khăn" nên chỉ có quý vị ủy viên trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam uống rượu mừng xuân thay cho cả nước - người dân miền Nam hoàn toàn bình đẳng trong chuyện đón xuân. Cứ nghe bản *Ly Rượu Mừng* của Phạm Đình Chương là đủ biết :

*Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi  
Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi  
Người thương gia lợi tức*

*Người công nhân ấm no  
Thoát ly đời gian lao nghèo khó  
Á... a... a... a  
Nhấp chén đầy với chúc người người vui  
Á... a... a... a  
Muôn lòng xao xuyến duyên đời  
Rót thêm tràn đầy chén quan san  
Chúc người binh sĩ lên đường  
Chiến đấu công thành  
Sống cuộc đời lành  
Mừng người vì nước quên thân mình  
Kìa nơi xa xa có người mẹ già  
Từ lâu mong con mắt vương lệ nhòa  
Chúc bà một sớm quê hương  
Bước con về hòa nổi yêu thương  
Á... a... a... a...*

*Hát khúc hoan ca thắm tươi đời lính  
...*

*Rượu hân hoan mừng đôi uyên ương  
Nào cạn ly mừng người nghệ sĩ  
Tiếng thi ca nét chấm phá tô nên đời mới  
Bạn ơi, vang lên lời hứa thiêng liêng  
Chúc non sông hòa bình hòa bình  
Ngày máu xương thôi tuôn rơi  
Ngày ấy quê hương yên vui  
Đợi anh về trong chén tình đầy với  
Nhắc cao ly này  
Hãy chúc ngày mai sáng trời tự do  
Nước non thanh bình  
Muôn người hạnh phúc chan hòa  
Ước mơ hạnh phúc nơi nơi  
Hương thanh bình dâng phơi phơi*

Coi, nãy giờ đâu mới chừng mười phút mà mỗi người đã uống đầu cỡ chục ly : ly tặng anh nông phu, ly chào anh công nhân, ly mừng ông thương gia, ly mừng người nghệ sĩ... Chưa đã, còn thêm vài "chén quan san" để "chúc người binh sĩ lên đường" nữa. Vui còn hơn Tết và cả nước, chắc chắn, "xỉn" thấy mẹ luôn !

Cũng có những chiến sĩ, say mê chiến đấu (hay đăng trí) đến độ quên luôn cả nhậu :

*Đồn anh đóng ven rừng mai  
Nếu mai không nở*

*Anh đâu biết xuân về hay chưa*

Nghe thiệt khó tin. Lính miền Nam tháng tháng được lãnh lương đàng hoàng mà, nhìn sổ lương là biết năm cùng tháng tận chớ cần gì tới hoa mai với hoa đào - như ông nhạc sĩ lính kiểng Trần Thiện Thanh, qua bản *Đồn Vắng Chiều Xuân*.

Lâu lâu mới thấy những người lính nhất định *Xuân Nay Con Không Về* :

*Con biết không về mẹ chờ em trông  
Nhưng nếu con về bạn bè thương mong  
Bao lớp trai hùng chào xuân chiến trường*

*Không lẽ riêng mình em ấm  
Mẹ ơi con xuân này không về...*

Những chàng trai hùng cỡ này, tiếc thay, thường không giữ những chức vụ cao trong quân đội. Điều đáng tiếc hơn nữa, trong cuộc chiến tự vệ vừa qua, quân dân miền Nam đã áp dụng một chiến lược sai lầm. Thay vì "vui nhiệm vụ không quên xuân" thì họ đã làm ngược lại là "vui xuân nhưng không quên nhiệm vụ". Nói cách khác "vui xuân" mới là chuyện chính, còn "nhiệm vụ" chỉ là chuyện phụ (và là chuyện nhỏ thôi) !

Cùng lúc - ở miền Bắc Việt Nam, nghĩa là ở bên kia chiến tuyến - khi Tết đến (sau khi nghe bác Hồ, chủ tịch nước, tổng bí thư, chủ tịch quốc hội, thủ trưởng các ban ngành, đơn vị... chúc tết xong) là mọi người lại đâm bỏ đi "tranh thủ làm việc gấp hai" để "thi đua lập chiến công (mừng xuân) dâng đảng". (Đ...mẹ, chơi vậy ai chơi cho lại!)

Cuộc chiến Bắc Nam chấm dứt ra sao, vào mùa Xuân năm 1975, mọi người đều biết (và đều tiên đoán được). Từ đó, nhân dân hai miền đều chỉ còn được nghe một bản nhạc xuân duy nhất: *Mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh quang vinh, ôi đẹp biết bao, biết mấy tự hào. Sài Gòn ơi cả nước vẫy chào...*

Cũng như bạn, tôi chịu không nổi cái loại nhạc thổ tả này nên đã vẫy chào "thành phố Hồ Chí Minh quang vinh" để... ra đi - và đi hơi sớm. Từ đó đến nay đã gần một phần tư thế kỷ. Hai mươi năm qua, ôi biết bao nhiêu là nước sông, nước suối, nước mương, nước rãnh... đã ào ào chảy qua cầu (và qua cống) ?

Chiều nay, chiều cuối năm, ở một góc trời xa, tôi ngồi ghi lại những ý nghĩ lan man vụn vặt để gửi bạn đọc chơi - sau khi nghe hết một băng nhạc trong quán vắng, bắt đầu từ bản *Hoa Xuân* của Phạm Duy, đến bản cuối cùng (*Xuân Nay Con Không Về*) của Trịnh Lâm Ngân.

Nhạc xuân gì mà nghe buồn quá, má ơi !

*Tưởng Năng Tiến  
(San Jose, California)*



Tùy bút

## “Tết, tiếng pháo và chuyện Tháp Rùa”

Phạm Việt Vinh



### Tết và tiếng pháo

Cuối tháng 12 năm kia, tôi có một vị khách từ Mỹ sang chơi. Đang ngồi uống nước, chợt vị khách trợn mắt nhớn nhác : "Ói, có chuyện gì thế ?". Tôi ngẩn mặt, hỏi lại : "Sao? Có chuyện gì ạ ?". Khách tay run run chỉ ra cửa sổ : "Có tiếng nổ !". Hóa ra là tiếng pháo cuối năm ! Theo quy định của Đức thì chỉ từ tối giao thừa, người ta mới được phép đốt pháo, kể cả pháo hoa, nhưng thực tế thì ngay từ trước lễ Giáng Sinh, nhiều người - chủ yếu là thanh thiếu niên, đã đi ùng lể tể, và đâu đây, thỉnh thoảng trên bầu trời lại lấp lánh một nụ pháo hoa. Tôi nghi ngờ cho vị khách Mỹ - ông vẫn chưa hoàn hồn sau vụ 11 tháng 9. Mà thực ra, tiếng pháo Tết đâu phải chỉ có ở những chốn thanh bình.

Tôi nhớ, hồi còn ở Hà Nội, kể cả thời còn bom đạn chiến tranh, tiếng pháo vui vẫn rộn ràng hàng chục ngày dịp Tết. Một hai tuần trước giao thừa, cậu em tôi đã phóng xe vào nhà người quen trong làng Bình Đà mua về ba băng pháo dài thông : một cho lúc giao thừa, hai còn lại cho sáng mồng một và sáng mồng hai. Sau khi bọc kín pháo trong túi nylon cất vào một nơi khô ráo, bao giờ cũng có vài chục quả pháo tép rời, anh em chia nhau đốt trong túi quần, chờ dịp là mang ra đi đẹt. Đôi khi, sự đi đẹt bất ngờ ấy cũng làm thót tim mấy bà, mấy cô, vì ở Hà Nội, "chiến trường" nổ pháo duy nhất của tụi trẻ chúng tôi chỉ là đường phố. Khi đó, kèm theo sau tiếng pháo là tiếng : "Ranh con !" của mấy bà già, và tiếng : "Ói giời !" của mấy cô thanh nữ. Tuy vậy, câu rủa "Ranh con" chẳng có nhiều giận dữ, mà kèm theo tiếng "Ói giời" là những chuỗi cười lạnh lót và những đôi má chợt mang sắc hoa đào. Ai cũng biết rằng, bây giờ là Tết, và Mùa Xuân đang tới. Cứ như thế, cả đất trời, cả thành phố cứ râm ran. Tiếng pháo trước Tết điểm như nhịp đồng hồ. Càng gần ngày 30, càng gần lúc giao thừa, tiếng pháo càng to, nhịp pháo càng gấp gáp.

Khoảng 28, 29 tháng Chạp, tôi được trao nhiệm vụ mua hoa. Nhà nhỏ, người không đông, nên lượng hoa năm nào cũng vậy : một cành đào càng nhiều nụ càng tốt để trồng vào chậu sứ góc nhà, và một bó hoa màu thật tươi để cắm lọ trên bàn phòng khách.

Hà Nội mấy ngày giáp Tết dân bán hoa tứ xứ đổ đầy về mấy phố cổ : Chả Cá, Hàng Mã, Lãn Ông... Người mua, người bán và kẻ ngắm hoa đứng đi đông nghẹt phố, nên ngay cả xe đạp cũng phải gửi từ mấy phố ngoài. Bao giờ tôi cũng đến khu phố chợ hoa này để kiếm một cành đào, và bao giờ cũng tan mình vào nơi không gian hầu như chẳng còn gì là "phàm tục" đó. Tuy vốn chữ chẳng có là bao, nhưng tôi cứ nghĩ rằng : phải chăng, vì có nơi đây nên người ta mới coi Hà Nội là chốn "Phồn hoa, Đô hội" ? Bao quanh ta là mọi sắc hương, có chỗ rực rỡ cúc, đào, có chỗ e ấp, kiêu sang layơn, violet... Nhưng trùm lên tất cả là tiếng chào mời, tiếng bình hoa, và những nụ cười. Mọi âm thanh thô lỗ, tục tằn, thậm chí đanh ác, đã biến đi đâu hết



cả. Nhìn những cô gái dáng vẻ như thôn nữ, tay cầm vài nhánh hoa hay một hai cành hoa đào, mắt chớp chớp, đứng lặng thắm mời gọi, tôi có cảm giác như người ta đến đây không phải để bán hay mua, mà là để trao nhận cho nhau những "báu vật của đời".

Còn Ngọc Hà - một làng trồng hoa ngay trong thành phố, là nơi tôi tìm mua hoa về cắm lọ. Trong làng, mấy đứa chúng tôi lững thững dạo bước trên những con đường gạch nhỏ quanh co, vài bước lại đứng ngẩn ngơ, đăm đăm trước một vườn hoa bao quanh một căn nhà nhỏ. Kia là một vùng thược dược tươi rực rỡ. Bọn tôi vào vườn, nhẩn nha bên từng luống hoa, ngắm nhìn mê mải, mà nhiều khi chỉ chọn lấy một vài bông. Gõ cửa căn nhà nhỏ, cô con gái ông chủ vườn hoa, bím tóc đuôi gà, tay cầm quyển sách, mở rộng cánh cửa con : "Các anh có chọn được bông nào không ?". Cậu bạn tôi tùm tùm : "Có chứ, đẹp lắm, nhưng còn kém xa bông hoa biết nói em vừa cất trong nhà". Một nụ cười cùng hai tia sáng long lanh được giấu vội đi về hướng khác. Cứ như thế, vườn này một bông thược dược, vườn bên cạnh hai ba bông cúc, vườn bên kia vài nhánh violet, với tôi, mua cho đủ một bình hoa Ngọc Hà, bao giờ cũng mất ít nhất nửa ngày. Lòng nhẹ tênh, những bông hoa lấp lánh bụi mưa xuân rung nhẹ trên tay, chợt nghe từ một đám con gái gần bên : "Mua hoa ở vườn nào mà đẹp thế ?". "Thật không ? Nếu thích thì bọn này dẫn đường cho". "Hay là đổi hoa nào". "Đổi hoa lấy người được không ?". "Sao lại phải đổi, nếu đồng ý, bọn này tặng nhé ?". Và những tiếng cười rúc rích. Ngọc Hà mấy ngày đó trở thành "đất thánh" để "trao thanh, gái lịch" dập đầu. "Đất thánh", hay đích thực là cảnh "Bồng lai" ?

Tối 30, em trai tôi mang pháo ra kiểm tra. Có những năm trời quá nồm, pháo có vẻ bị ẩm, em tôi phải mang pháo vào bếp hong khô - một công việc bao giờ cũng ít nhiều đe dọa. Hong xong, pháo được gói vào giấy báo, nằm chờ. Sau bữa cỗ tất niên, cả nhà tôi ngồi quây quần nghe nhạc xuân, chơi tam cúc ăn tiền, đón chờ năm mới. Trời Hà Nội thoảng mùi hương ngan ngát, và tiếng pháo vẫn lác đác cầm canh. Mười lăm phút trước giao thừa, em trai tôi mang một chiếc sào ngắn, ở đâu đã được buộc một băng pháo cỡ chừng hai mét, treo ra trước cửa. Mấy đứa em gái tôi miệng cười hớn hỡ mà sắc mặt đã có phần nhớn nhác, chuẩn bị lấy tay bịt tai.

Đúng lúc giao thừa, cùng với lúc anh em tôi châm lửa vào ngòi pháo, cả Hà Nội như giật mình, như rung chuyển, như chao đảo trong một vũ điệu chiến trận thần tiên. Không gian đầy ắp tiếng pháo mà không hề hỗn loạn. Người ta vẫn có thể cảm nhận được tiếng nổ đanh, dài, giòn giã của những tràng pháo tép, được điểm xuyết, được giữ nhịp bằng những tiếng ù ùng đĩnh đạc của pháo cối, pháo đùng. Trong đất trời mù khói pháo, mùi thơm thuốc pháo đặc sệt đến mức khó thở, tôi thấy mình như đang nghe

một bản giao hưởng hùng tráng mang tải đầy niềm vui. Có lẽ, hoảng hồn nhất về tiếng pháo Tết là mấy con chó nhà bên. Giật mình vì cơn trời đất chuyển lay, bọn chó này nháo nhác chạy quanh và âm ỹ sủa. Dĩ nhiên, ít ai thèm để ý đến tiếng chó lúc giao thừa. Ngược lại, dù không mấy tin vào truyền thuyết Trung Hoa, tôi vẫn cứ cho rằng, sau cơn long trời lở đất đó, những gì hắc ám, tai ương đã bị xé nát, bị đuổi xua, và cùng với làn khói pháo, đang biến dần vào nơi cùng trời cuối đất. Mà đúng thế, sáng mồng một, từ trong nhà ra đường phố, ở đâu tôi cũng chỉ thấy những gương mặt rạng rỡ, tươi cười. Mọi vất vả, đổ kỵ, đăm chiêu như đã được gửi lại hết lúc giao thừa ; người nhìn người như chỉ thấy người thân ; và lòng người tràn đầy những hy vọng tốt đẹp. Mùa Xuân đã về !

Trong *Thương Nhớ Mười Hai*, Vũ Bằng viết : "Sách Thích Danh giải nghĩa Xuân tức là xuân, nghĩa là cửa động", và nói theo ý Từ Nguyên : Xuân có nghĩa là "trao gái vừa lòng nhau", xuân là cửa động, băng giá tan hết, muôn vật đến mùa xuân đều cửa động mà sống lại. Phải chăng, tiếng pháo Tết chính là âm, là hình của sự "cửa động" đó ?

Ngày nay ở Việt Nam, pháo Tết đã bị cấm. Nhiều người già mừng lắm : "Bỏ pháo là đúng, con ạ ! Ngày Tết bây giờ thật là yên ả ; chúng ta không còn phải thỉnh thoảng giật thót tim nữa. Mà lại tránh được tai nạn, hỏa hoạn. Ngày trước, có pháo Tết là có cháy nhà, có cụt chân cụt tay bởi nhiều người vô ý và mấy đứa ranh con mất dạy". Đêm giao thừa, pháo Tết lặng câm, "trao thanh gái lịch" Hà Nội hoặc hôn hờ nhìn ngắm 15 phút pháo hoa nhà nước, hoặc nhộn nhịp âm ỹ trong những vũ trường đầy ắp tiếng nhạc Disco Mỹ, Tàu, để lại sự yên bình cho những cụ già. Âm thanh luân chuyển đất trời, đánh thức sự "bừng tỉnh", sự "động cửa" không còn. Ở lại là sự tĩnh tiến bốn mùa, muôn thuở và rất an toàn. Mấy con chó giữ nhà bên cạnh chắc cũng không còn phải giật mình, hoảng loạn nhặng xì ngậu như xưa.

### Người Việt ăn Tết ở Berlin

Ít nhất, ở Đức mà nói người Việt có Tết Ta, thì khá là oan uổng. Thực ra, gần ngày Tết Nguyên Đán, tại các siêu thị Châu Á, người Việt mua bán tập nập hẳn lên. Các sạp hàng đều bày ngồn ngộn bánh chưng lạt đỏ, hoa đào nhựa, giò chả, mứt màu... Và cả lá dong nữa - nhiều nhà vẫn cố giữ lại không khí Tết bằng cách tự gói, tự luộc bánh chưng. Tuy chẳng kiếm đâu ra cà cuống, nhưng nếu ai có chút ít "tay nghề" thì bánh tự làm bao giờ cũng hơn hẳn bánh bày bán sẵn, nhiều khi được "chế tạo" bởi những người khi trong nước mới chỉ biết qua vị bánh chưng.

Tính theo lịch ta, một số gia đình có điều kiện thời gian cũng gắng làm một bữa cỗ tất niên. Đa số những người kinh doanh đều đóng cửa hàng sớm vào chiều 30. Và người ta cũng mời mọc, tụ họp và thăm hỏi bạn bè. Từ 2003 năm nay, còn nói chung, ngày Tết Ta bao giờ cũng là ngày thường theo lịch Tây, nên với cả người đi làm hăng xướng và người tự lập, ngày mồng một Tết đã là lúc đi làm, lúc đi buôn bán - một ngày như mọi ngày. Ai đó còn tơ tưởng

đến Tết trong đầu, thì cũng khó mà cưỡng lại được dòng sống vô tình và cuộn cuộn xứ người. Cũng có nhiều Hội, Đoàn người Việt hoặc tự làm, hoặc kết hợp với các cơ quan Đức tổ chức cho bà con đón Tết, chỗ thì ở hội trường nhỏ, chỗ thì ở hội trường to- thường là vào một cuối tuần nào đó trước hoặc sau Tết vài ngày. Người mình đến đó cũng "tay bắt, mắt mừng", ăn với nhau một miếng bánh chưng, vài cái nem rán nguội xung quanh một cành đào giả khá to. Trẻ con nhiều khi còn được nhận chút tiền mừng tuổi đựng trong phong giấy nhỏ có in một chữ gì đó tiếng Tàu. Sau đó, người ta có thể nhảy Disco hay mê mải nghe và hát Karaoke. Tôi không biết, ở Việt Nam có nơi nào ăn Tết như thế hay không ? Cũng là cố gắng, cũng là tâm niệm hướng về cội nguồn, mà thiếu đi cái mệt mỏi đầy hưng phấn đêm giao thừa, thiếu đi xác pháo hồng bông bành lối bước, chẳng thấy đâu một chút bụi mưa xuân, mà gọi là ăn Tết Ta, liệu có là khiên cưỡng ?

Để bù lại, người Việt ở Berlin có Lễ Giáng Sinh và đêm giao thừa dương lịch. Tuy rất ít người theo đạo Công giáo, nhưng ở đất này, đến mùa Giáng Sinh, hầu như nhà người Việt nào cũng có một cây thông Noël tuyệt đẹp, được trang hoàng lộng lẫy. Trẻ con Việt Nam nào đến ngày mồng 6 tháng 12 cũng lau giầy thật kỹ, và sáng hôm sau cũng chăm chăm dậy sớm để rồi hồi hộp hé xem món quà tặng bí mật của Nikolaus. Đêm Giáng Sinh hầu hết mọi thành viên trong gia đình đều có quà tặng cho nhau. Trùng với dịp các trường học đều đóng cửa nghỉ hai tuần, trong không gian nhộn nhịp hoa đăng, cùng với nhạc thánh ca huyền ảo mọi nơi, người Việt, nếu có không muốn, cũng bị hòa mình náo nức vào không khí Noël.

Nhưng, cao điểm nhất đối với bà con ta phải là đêm 31 tháng 12. Cách đây vài năm, hầu như nhà Việt Nam nào cũng chuẩn bị cho đêm giao thừa dương lịch vài chục Đê Mác (tiền Đức cũ, Deutschmark hay DEM) pháo thăng thiên và một ít pháo nổ. Vài năm gần đây, khi pháo băng Trung Quốc tràn vào thị trường nước Đức, thì người mình như hổ được thả về rừng. Chi ra vài chục, thậm chí hàng trăm Euro, ngoài pháo hoa như thường lệ, bà con ta băng lớn băng bé pháo Tàu dành sẵn cho đêm giao thừa, thậm chí cho cả sáng ngày mồng một, gần như năm nào thời cũ, tại cố hương. Đêm giao thừa, nhiều nhà rủ nhau đi thành "hội", đổ về Cổng thành Brandenburg, Quảng trường Alexander, sân Gedächtniskirche - mà người Việt hay gọi là Nhà thờ cụt đầu... là những nơi tụ tập hàng ngàn, hàng vạn người mê say trò đốt pháo. Vài gia đình vì có trẻ nhỏ, không đi đốt pháo chung, thì ở nhà, lẳng lẽ treo lên cành cây trước cửa một băng pháo dài hàng mét - cũng là pháo tếp, pháo nhỡ được xen kẽ bởi những anh chị pháo cối, pháo đùng.

Đúng giây khắc giao thừa - toàn Berlin rung chuyển, còn hơn cả Hà Nội năm nào. Cả một vùng trời hàng chục cây số giòn giã, ỳ ùng tiếng pháo. Cả một chân trời lút tầm nhìn, ngập chìm khói pháo mà vẫn sáng lòa mọi sắc pháo hoa. Và mùi thuốc pháo vẫn lại đậm đặc như năm cũ quê nhà. Có lần, trên sân Nhà thờ cụt đầu, sau tiếng pháo cối đinh tai kết thúc băng pháo đầu tiên, lúc chúng tôi - như

mọi người xung quanh, chia nhau chai Champagne mừng năm mới, một cậu bạn tôi mới từ trong nước sang công tác, chợt đâm chiêu : "Không ngờ mình lại được hưởng âm thanh và mùi pháo Tết. Cái không khí vui hết cỡ, vui đến phát cuồng này, ở trong nước, họ cảm mất rồi !". Thật trở trêu, khi mà lúc giao thừa bên Tây, chúng tôi mới được nếm lại mùi vị giao thừa Ta - của một thuở đã qua !

Mấy ngày hôm sau, các hãng truyền thông Đức liên tiếp đưa ra những con số thiệt hại về người và của do việc đốt pháo trong dịp Tết. Cả nước Đức đã đốt, đã làm thăng thiên cỡ khoảng 300 triệu Euro. Ở Berlin đã xảy ra nhiều vụ cháy, hàng chục người bị thương, có người hỏng mắt, có người bị mất cả bàn tay. Vài ba vị dân biểu, và nhất là các hãng bảo hiểm, đã lên tiếng đòi cấm pháo. Rồi rốt cục, đó cũng chỉ là những tiếng nói lẻ tẻ, yếu ớt. Khi được hỏi về vấn đề pháo Tết, bộ trưởng nội vụ tiểu bang Berlin tuyên bố : "Đốt pháo Tết là một sinh hoạt văn hóa có truyền thống lâu đời. Không thể có một đạo luật cấm pháo triệt để, mà chỉ nên đưa ra những biện pháp nhằm hạn chế tối đa thiệt hại có thể xảy ra, như quy định địa điểm đốt pháo, phạt vạ nặng những người đốt pháo gây ra tai nạn...". Tuy là một dân tộc sinh luật lệ, ưa an toàn, người Đức vẫn ý thức được rằng : dùng luật, dùng bạo lực để triệt tiêu đi, dù chỉ là một nét văn hóa, là một điều thô lậu. Có lẽ, họ cũng cho rằng : để đỡ làm cho trẻ thơ thức giấc, để không làm cho các cụ bô lão giật mình, và để tránh cho lũ chó đêm bị bất an, mà vội vàng làm tắt đi một niềm vui nhiệt huyết thanh niên, là một hành vi chôn sống nhựa xuân. Để nhân quần thẳng hoa, không thể chỉ thấy rủi ro mà đã tránh xa và để mất đi muôn vàn vận hội. Nơi đây, người ta sẵn sàng tiếp cận, đối mặt với hiểm nguy, thử thách, để rồi chế ngự, chinh phục nó mà thăng tiến.

Phải chăng, đó cũng là ý nghĩa của ngày Tết, của Mùa Xuân : sau mịt mùng đêm giao thừa, sau tiếng pháo chấn động, đánh thức cơn "động cựa", cả con người, cả đất trời sẽ có thể rũ bụi đứng lên !

## Chuyện Tháp Rùa

Từ xưa tới nay, ảnh chụp về Hà Nội nhiều nhất có lẽ là cảnh những cành hoa phượng đỏ chỡ che một Tháp Rùa nhỏ bé, đơn côi giữa sắc nước xanh của Hồ Gươm trung tâm thành phố. Vậy mà cuối năm 2002, báo *Tiền Phong* tại Hà Nội lại có bài "Có nên đập bỏ Tháp Rùa ?". Dưới đây, tôi xin trích dẫn một số đoạn trong bài đó. Do không trực tiếp có số báo này, nên tôi không đưa lại được tên tác giả, xin người viết và bạn đọc lượng thứ !

Mở đầu, tác giả viết : "*Tháp Rùa ấy à ? Nếu nói nghiêm túc thì nên đập bét nó đi*". *Một anh bạn họa sỹ trẻ và cũng là tay chơi đồ cổ bảo tôi thế. Cái ý nghĩ đập tháp rùa, kể đã có mấy chục năm, truyền mấy thế hệ. Lạ thật*". Về nguồn gốc Tháp Rùa, có người tra tài liệu nói : "*Nguyên ông Bá Kim chánh tổng Đông Thọ, huyện Thọ Xương, Hà Nội, theo Thiên Chúa nên thuê người xây tháp kiểu nhà thờ, định đưa di hài bố ông ta ra chôn, vì cho rằng chỗ ấy vương phát. Việc bại lộ, không thành*", và cho biết : "*Theo cuốn Từ điển Địa danh Lịch sử Văn hóa Việt Nam (Nhà xuất bản*

Văn hóa Thông tin, 1989, trang 1107), *tháp Rùa không có giá trị gì về mặt kiến trúc và lịch sử*".



Tiếp đến là đoạn tác giả nói chuyện với một nhà văn:

"*Tôi xin ý kiến của một người viết nhiều về Hà Nội, nhà văn Băng Sơn. Ông nói: "Tháp Rùa ấy à ?! Phá đi cũng không được, xây thêm cũng không xong đâu. Quen mắt rồi. Nhạc với thơ nhiều rồi. Thử tưởng tượng bây giờ Hồ Gươm không có Tháp Rùa thì thiên hạ sẽ thế nào ? Nhưng mà, nói thật nhé, nhìn kỹ thì xấu lắm. Chẳng thế 40 năm trước nhà văn Chu Hà đã phát biểu nên đập nó đi". Nhà văn nói với tôi bằng tinh thần "nói thật nhá", tâm sự ấy mà, chứ đập với đánh gì nữa : "Đảo Ngọc ít nhất cũng nổi danh từ thời Trần, đến nhà Lê làm cung Thụy Khánh, bây giờ là đền Ngọc Sơn. Lịch sử như thế ! Chứ chỗ Tháp Rùa ấy mà, ngày xưa chỉ là cái gò hoang. Cuối thế kỷ 19 Bá Kim mới dựng tháp lên chứ lâu la gì. Dựng lên để chôn bố, thế thôi. Lịch sử và ý nghĩa, có thấm tháp gì". Im lặng một lúc. Từ đầu dây bên kia truyền thêm một câu điện tín : "Nước mình nhiều cái cũng đau lòng ra phết*".

Khi được ông Nguyễn Vinh Phúc, người được gọi là "nhà Hà Nội học", cho biết Tháp Rùa là một "thử nghiệm thất bại" trong việc "kết hợp hai nền kiến trúc (bản địa và Pháp) với nhau trong các công trình mới", tác giả nhận xét: "*Văn hóa Đông-Tây rất cần được hợp lưu. Nhưng cuộc tao ngộ đã không diễn ra dưới hình thức một Festival. Những lấp ghép gượng gạo, đôi khi vô cùng kịch cỡm, tràn ngập khắp nơi, vẫn nhắc người ta rằng cuộc sống và tình yêu không thể sản sinh từ trấn áp, kèm theo những lời tự tán dương*".

Còn khi ông Trần Quốc Vượng - giáo sư sử học nhận định : "*Tháp Rùa giờ đã thành cái gì của con người mất rồi! Đi vào nhạc vào thơ mất rồi ông ạ !... Dù sao nó cũng đánh dấu một cái gì đó của lúc giao thời giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Pháp. Tôi không đồng ý với việc đập tháp*", thì tác giả cho rằng : "*Thần thiêng nên bộ hạ cũng được thiêng theo. Cái u u minh minh, cái dở dở dang dang, nó cũng như sương sớm Hồ Gươm bằng bạc có lẽ còn che chở cho tháp Rùa nằm trong mùa thu, nằm trong sự tôn kính của người Việt Nam" và chua chát vào lúc cuối : "Bây giờ, tháp Rùa đã trở thành cái gì đó trang nghiêm, bất khả xâm phạm ngay cả với người biết rõ chân tướng của nó*".

## Lời kết

Tôi không nghĩ rằng khi ghép "chuyện Tháp Rùa" vào bài viết này là đã cắm "rau ông nọ" vào "cầm bà kia". Tự cảm, khi xem tranh cũng như khi đọc văn, là quyền của mỗi con tim và khối óc. Cũng như cái tình riêng của tôi đối với Hà Nội, không phải ai cũng xẻ chia. Ngày nay, làng Bình Đà không còn pháo nữa. Nhà nước đã quyết định cả làng phải chuyển sang làm nghề khác. Cả làng hoa Ngọc Hà ngày xưa ấy cũng không còn. Những "đây tớ của dân" lắm tiền nhiều thế, những nhà giàu mới nổi đổ xô vào làng, bỏ ra vài ngàn đô la cho một mét vuông đất để xây lên những biệt thự tân kỳ. Người trồng hoa cũ bỗng chốc có hàng

## Mùa Xuân bình yên ?

*Phổ Tịnh*

Có một thời chúng ta thường nghe một bài hát thật quyến rũ có tên là "Mùa xuân trên đỉnh bình yên". Nét nhạc thanh thản, lời ca thơ mộng. Bài hát ra đời trong một thời loạn lạc, đã gửi gắm ít nhiều mơ ước của những người đương đi qua một thời buổi nhiễu nhượng. Những ước vọng bình thường như thế mà chừng như rất khó khăn trở thành hiện thực.

Thời loạn lạc cũng thường dẫn đến tình cảnh loạn tâm. Người ta đối xử với nhau bần gấ, chậ hẹp. Người ta nghĩ nhiều đến mình hơn là đến những người khác - nói chi đến cộng đồng, đến xã hội !

Nhu cầu được sống sạch sẽ, được thanh thản trong lòng, được một mùa xuân bình yên... là nhu cầu chính đáng của mọi người. Người ta khát khao đi tìm những lời giải cho bài toán tâm hồn. Đã từ lâu rồi, khi người ta đã chán ngán với loạn lạc và khát khao đi tìm thì cũng là lúc nhiều vị thầy xướng lên những học thuyết để giúp đời. Hai thập niên 1960 và 1970 sinh hoạt văn hóa ở Sài Gòn đã nảy sinh rất nhiều "học phái" như thế. Một người thầy đã có ảnh hưởng rất đậm trong tâm thức thế hệ trí thức một thời là Kim Định, tác giả một bộ sách mà ông gọi tên là "triết lí an vi". Sách triết lí an vi trước và sau hết là phản ánh con người tác giả thường an nhiên thoát vòng tục luy. Ông dẫn đưa người đọc ông trở về nguồn uyên áo của đạo học phương đông. Kim Định sống triết lí an vi và lấy bút hiệu - trước khi dùng tên thật - là Lý Nhân Sinh. Thời loạn lạc đó mà có được một hiền giả như ông cũng là một hạnh ngộ cho những người cùng thời. Thời buổi ấy không chỉ có mình Kim Định, mà còn nhiều vị hiền giả khác nữa, mỗi vị là một hiện thân của phong thái đạo sĩ phương đông, dù họ là một nhà sư Phật giáo, một người thầy dạy hán nôm, thậm chí một nhà khoa học. Sở dĩ nhắc đến ông ở đây là cốt ý muốn đối sánh với những người thời nay đang lợi dụng ông vào những phiêu lưu văn hóa đầy tính bạo động, rất trái ngược với đạo học mà ông muốn xiển dương suốt một đời.

Những hiền giả như Kim Định xem ra khá cô đơn trong xã hội mình. Sau 1975, sách của ông bị chính quyền quân quản càn quét, thiêu hủy. Ở hải ngoại ông vẫn viết và sống

triết lí an vi cho đến khi qua đời non mười năm trước. Từ đó ở hải ngoại không thấy có dấu vết gì của sự lưu tồn triết lí an vi hiểu như một cốt cách sống an nhiên bao dung. Trong khi đó thì ở trong nước có người lại đang cố gắng rao giảng một số quan điểm văn hóa và triết lí Kim Định trong một số giảng đường và một quyển sách in đi in lại nhiều lần. Có thể đấy là một bước đầu rất đáng khích lệ. Bởi vì dù sao thì hơn hai mươi năm nay, đất nước không còn thời loạn lạc, nhưng nhìn cho kĩ thì xã hội chưa hẳn đã bớt loạn tâm. Người ta đối đãi với nhau sao "quá nhiều biên giới"! Người ta vẫn cứ bần gấ với nhau, sát phạt nhau như những kẻ không đội trời chung. Người ta sống trong tình cảnh phi-an vi, hoặc thậm chí bất-an vi. Nhưng xiển dương đạo học của những hiền giả phương đông thì chẳng phải là chỉ dừng ở mặt tư biện, cốt khoe chữ nghĩa màu mè nhưng khô chết. Xiển dương đúng nghĩa triết lí an vi là phải đưa nó trở lại cuộc sống hằng ngày.

Kể ra thì pho sách triết an vi cũng không mỏng manh gì. Ngót nghét năm mươi cuốn. Hãy thử nhìn lại nhiệt kế của sinh hoạt chữ nghĩa hiện nay xem triết an vi có quanh quất đâu đó : nhiệt kế ấy là một khu sinh hoạt chữ nghĩa trên mạng. Trang câu lạc bộ chữ nghĩa nọ cho thấy loại sách nghệ thuật sống kiểu triết lí an vi hoàn toàn vắng bóng. Vì những hậu duệ của Kim Định không khéo xiển dương đạo học của thầy, hay vì nhân tâm đã thay đổi quá, đã trượt quá nhanh về hướng bạo động chữ nghĩa ? Trong một thời nhiễu nhượng kéo dài, không còn ai là người gọi là "có lòng" nữa sao ? Thời thế này vẫn còn loạn tâm đến vậy sao ?

Có phải là trong không khí ngột ngạt như thế mà mùa xuân năm nay không phải là mùa xuân bình yên ? Những ngày cuối năm cũ đã có vài dấu hiệu chỉ báo mùa băng giá trên quê hương chúng ta vẫn còn tiếp nối. Mùa băng giá trên quê hương ? Trong một xã hội bạo động có hệ thống và được chuẩn nhận là một lối sống bình thường thì không thể tránh khỏi băng giá trong sinh hoạt xã hội. Trước kia người ta đã nói đến một thời băng giá trong văn học Nga Xô-viết. Cũng có một thời văn học băng giá sau biến cố *Nhân Văn-Giai Phẩm*, dù cho xã hội có hay không công khai thừa nhận nó. Những tín hiệu chỉ báo cho mùa băng giá có thể thấy được qua những sự kiện dưới đây :

Sinh hoạt xã hội được định hướng gấ gao, mọi hoạt động chỉ được chấp nhận khi đi đúng quỹ đạo đã được ấn định sẵn. Những kẻ muốn đi chệch ra ngoài con đường định hướng và một chiều đó sẽ không tránh khỏi hình phạt của bạo lực.

Bạo động chữ nghĩa : xưa nay đã từng xuất hiện khá đông đảo những đao phủ thượng thừa về nghệ thuật chém treo ngành những ai dám phát ngôn trái ý làm phật lòng các đảng đao phủ. Những tay đao phủ loại này có thể chỉ là một anh chủ báo phát không hoặc in miễn phí. Nhưng như thế cũng đủ quyền lực lắm rồi nếu cần phát pháo khai hoả vào kẻ tội đồ nào ! Hành động phỉ báng công khai một công dân như kiểu báo lá cải của công an đối với nhà văn Dương Thu Hương gần đây là điển hình mẫu mực cho loại bạo động chữ nghĩa.

trăm ngàn, hàng triệu đô la, cũng bán vườn xây nhà hoặc bỏ đi sống nơi khác. "Đất thánh" năm nào của "trao thanh, gái lịch" đã trở thành thành trì của những phú ông. Giữa lòng Hồ Gươm, Tháp Rùa - cũng đã có lúc được một lớp vôi trắng che lên những lớp rêu phong, vẫn ủ rũ soi gương làn nước. Ở quê hương tôi, có những cái thiêng liêng, gấ bó, đã bị gạt bỏ ; có những cái quái gở, đáng lẽ phải vĩnh viễn qua đi, vẫn đang ù lỳ ngự trị. Phải chăng, đó là vì tiếng pháo oai linh, phẫn khích của những đêm giao thừa đang bị dập tắt phũ phàng ?

*Phạm Việt Vinh* (Berlin, Đức)

## Tìm hiểu hạt neutrino, viễn vọng kính, các vì sao và lỗ đen

Nguyễn Tiến Ích

Giải thưởng Nobel Vật lý năm 2002 đã được trao tặng cho một nhà vật lý học Nhật Bản và hai nhà vật lý địa cầu người Mỹ.

Nhà khoa học 71 tuổi Riccard Giacconi người Mỹ sẽ nhận một nửa phần thưởng khoảng nửa triệu đô-la do công trình khai phá của ông trong lãnh vực khảo sát vũ trụ bằng tia sáng X (X-ray astronomy) trong suốt bốn thập niên vừa qua. Những kết quả này đã đưa đến sự khám phá ra những lỗ đen (black hole) trong vũ trụ và đóng góp thêm vào việc xác nhận tính chính xác của thuyết cơ học tương đối tổng quát (General Theory of Relativity) của Einstein.

Nửa còn lại của tiền thưởng sẽ được chia đều cho nhà khoa học Nhật Bản Masatoshi Koshiba, 76 tuổi và nhà khoa học người Mỹ Raymond Davis Jr., 87 tuổi, về những công trình của họ trong việc thiết kế những căn phòng khổng lồ sâu dưới lòng đất để dò tìm một hạt nhân rất khó kiếm có tên là neutrino.

Những kết quả dò tìm được hạt neutrino phóng xuống từ mặt trời của Davis vào những thập niên 1960 và 1970 đã xác nhận giả thuyết theo đó năng lượng mặt trời được tạo nên từ những phản ứng hạch tâm gọi là hợp nhân (nuclear fusion).

Những công trình của Koshiba tại cơ sở dò tìm neutrino Kamiokande, Nhật Bản được hoàn tất vào năm 1983 đã xác nhận những kết quả trước đây của Davis đồng thời mở rộng những kết quả đó đến tiến trình sinh tử của các ngôi sao.

### Hạt neutrino

Khoa học bắt đầu vào kỷ nguyên hạt nhân với sự khám phá ra hiện tượng phóng xạ tự nhiên (natural radioactivity) của nhà vật lý học người Pháp Henri Becquerel vào năm 1896. Hiện tượng đó được thể hiện qua việc một nhân (nucleus) của một nguyên tố (element) phóng ra một hạt hoặc một nhân khác và biến thành nhân của một nguyên tố khác. Chẳng hạn nguyên tố uranium, tự nhiên phóng ra một nhân helium để trở thành nhân của nguyên tố thorium.

Có hai loại phóng xạ tự nhiên, một gọi là phóng xạ alpha (alpha decay), phóng ra một luồng nhân helium (nhân helium gồm có 2 proton và 2 neutron), và một gọi là phóng xạ beta, phóng ra một luồng electron hay positron (electron và positron hoàn toàn giống nhau về mọi mặt và chỉ khác nhau về điện lượng, electron mang một đơn vị điện âm, positron mang một đơn vị điện dương).

Phóng xạ alpha không gây nên rắc rối gì, nghĩa là những nguyên lý bảo toàn năng lượng (energy), điện lượng (electric charge), động lượng (momentum)... đều được tôn trọng, nhưng phóng xạ beta thì có vấn đề: nguyên lý bảo toàn năng lượng đã không thấy được tôn trọng. Trong phóng xạ alpha, luồng nhân helium (còn gọi là luồng alpha) bao giờ cũng được phóng ra với những mức năng lượng cách nhau (discrete) như quy định, và nguyên lý bảo toàn năng lượng bao giờ cũng được tôn trọng. Ngược lại, trong phóng xạ beta, luồng electron hay positron (gọi chung là luồng beta) được phóng ra với những năng lượng khác nhau và thay đổi một cách liên tục, từ zero cho đến một trị số giới hạn nào đó, và giới hạn này là sự thiếu hụt khối lượng (mass defect) giữa nguyên tố ban đầu và những nguyên tố được tạo nên sau khi xảy ra phản ứng beta.

Nhân danh những mĩ từ to lớn để tước bỏ quyền của những ai trái ý phật lòng. Chúng ta đã biết nhiều thứ nhân danh trong suốt thế kỉ XX: nhân danh các đấng linh, nhân danh chủ nghĩa, nhân danh tổ quốc...! Dùng quyền lực nhà nước để đàn áp công dân qua những bản án dành cho Lê Chí Quang và Nguyễn Khắc Toàn, và những vụ bắt bớ các nhà hoạt động dân chủ như Phạm Quế Dương và Trần Khuê là một vài ví dụ mới đây.

Nói một cách khái quát thì có thể thấy rằng khi có kẻ nào dùng mọi hình thức bạo động để khủng bố và đàn áp ý kiến của một hay nhiều công dân khác, thì có thể thấy là mùa băng giá đang kéo về. Đã nhiều người nói đến nỗi sợ hãi trùm phủ lên sinh hoạt văn hóa văn nghệ nước mình một thời kì dài, rất dài. Nhưng thử hỏi, đến mùa xuân này, còn bóng dáng của nỗi sợ này không?

Nhà nước đương quyền hiện nay đang ra sức khủng bố những người con của đất nước muốn được sống tử tế trong tư thế của một công dân biết nghĩ đến cộng đồng, đến đất

nước. Lớp trẻ thì có Lê Chí Quang và Nguyễn Khắc Toàn, lớp già thì có Phạm Quế Dương, Trần Khuê...; lần lượt họ phải đương đầu với những đòn khủng bố và trấn áp. Chỉ vì một tội là họ dám nghĩ dám làm như một công dân có tinh thần trách nhiệm. Nhân danh điều gì mà nhà cầm quyền đã trấn áp những công dân không may mắn có chút vũ khí bạo lực trong tay? Khi bạo lực trở thành công cụ của kẻ cầm quyền thì sinh hoạt dân chủ cũng bị thủ tiêu.

Hiện nay lẫn ranh giữa văn hóa bạo động và văn hóa dân chủ đã vạch ra rất dứt khoát. Không có hiện tượng nhập nhằng. Và đó cũng là thuốc thử màu phân biệt màu của những tâm hồn yêu dân chủ và những ai là đao phủ của dân chủ. Khi bạo động trong mọi dạng hình sinh hoạt xã hội, mà đáng xấu hổ nhất, nhục nhã nhất trong mọi dạng bạo động là bạo động trong sinh hoạt văn hóa, thì biết bao giờ băng giá mới tan được? Và bao giờ mùa xuân mới được bình yên?

Phó Tỉnh (London, Anh Quốc)



Trong các phản ứng beta, nếu chỉ căn cứ vào những hạt beta được tạo nên thì năng lượng giới hạn đó đã không đạt được và như vậy thì số năng lượng thiếu đi đâu? Nguyên lý bảo toàn năng lượng có vẻ như đã không được tôn trọng trong phóng xạ beta. Niels Bohr, cha đẻ của cơ học lượng tử (quantum mechanics) cho là năng lượng không được bảo toàn trong phóng xạ beta. Nhưng điều này không làm vừa lòng các nhà khoa học và năm 1927 nhà vật lý thiên tài Wolfgang Pauli người Áo đã đề nghị rằng phóng xạ beta thực sự đã phóng ra hai luồng hạt, một là luồng beta (điện tử âm hay dương) và một là một luồng hạt khác và luồng hạt này đã nhận được phần năng lượng còn lại trong phóng xạ beta. Theo những tính toán thì hạt này không được có điện, để cho nguyên lý bảo toàn điện lượng được tôn trọng và hầu như không có khối lượng (tối đa là vào khoảng 0,04% khối lượng hạt electron).

Sau này vào năm 1933, một nhà vật lý học người Ý là Fermi đã đặt đùa cho hạt này cái tên là neutrino, có nghĩa là hạt neutron tí teo và tên đó đã được lấy làm tên cứng cựa cho cái hạt nhỏ bé này. Fermi đã căn cứ vào giả thiết về sự hiện hữu của hạt neutrino để dựng nên thuyết phóng xạ beta. Thuyết này hoàn chỉnh đến nỗi sau này người ta chỉ thêm vào đó được một chút liên hệ đến sự bảo toàn momen động lượng gọi là spin của proton và neutron. Tuy nhiên trong suốt thời gian hạt neutrino chưa được khám phá ra thì phóng xạ beta đã làm cho các nhà khoa học khá lúng túng vì thuyết đó lại căn cứ vào một hạt chưa biết là có hay không. Phải hơn 20 năm sau, nhà khoa học người Mỹ Frederick Reines lúc đó đang làm việc tại phòng thí nghiệm Los Alamos mới tìm thấy sự hiện hữu của hạt neutrino một cách gián tiếp qua một phản ứng gọi là phóng xạ beta đảo (reverse beta decay) trong đó hạt proton phóng ra một positron để trở thành một hạt neutron. Phản ứng này phóng ra những hạt quang tử (photon) tức là ánh sáng mà người ta có thể khuếch đại và dò ra được. Ba năm sau, thí nghiệm mới cho được kết quả và đến 8 năm sau những kết quả trên mới được chính thức công nhận. Như vậy là ba chục năm sau khi được khai sinh, hạt neutrino mới được chính thức công nhận là một thực thể trong thế giới những hạt nhân của vật lý hạt nhân.

Bây giờ thì người ta thấy là có đến ba loại neutrino, có tên là electron-neutrino, muon-neutrino và tau-neutrino, mỗi loại liên hệ đến một hạt trong phản ứng hạt nhân và mỗi loại lại có một đối thể (anti-particle) của nó, và hạt neutrino tràn ngập vũ trụ. Ngay chính lúc này, khi đọc giả đang đọc tờ báo này thì đã có hàng tỷ hạt neutrino đi xuyên qua cơ thể của mình và điều đó hoàn toàn vô hại vì hạt neutrino rất ít có phản ứng với vật chất. Đó là lý lịch của hạt neutrino nhờ đó mà Raymond Davis Jr. đã được trao giải Nobel vật lý năm 2002.

Những nghiên cứu trong những thập niên 1960-1970 cho thấy rằng neutrino là sản phẩm tất yếu của các phản ứng hạt nhân. Vào những thập niên 1960, người ta hầu như chắc chắn rằng năng lượng mặt trời được tạo nên qua phản ứng hợp nhân (fusion reaction) trong đó 4 nhân của nguyên tố hydro (tức là 4 hạt proton) đã hợp lại với nhau để tạo

ra nhân của nguyên tố helium (gồm có 2 hạt proton và 2 hạt neutron). Vào những thập niên 1960, đó vẫn còn là một giả thuyết. Công trình của Davis là đã dựng nên một thí nghiệm sâu dưới lòng đất trong một mỏ vàng ở South Dakota có tên là Homestake (Homestake Gold Mine) để dò tìm luồng neutrino. Phải sâu dưới lòng đất để lớp đất dày ở trên sẽ lọc lại hết những hạt khác, chỉ để cho hạt neutrino đi qua mà thôi vì như đã nói ở trên, hạt neutrino rất ít có phản ứng với vật chất. Thí nghiệm đã tiếp diễn trong suốt hai thập niên 1960 và 1970. Davis đã dò ra được luồng neutrino phát xuống trái đất từ mặt trời nhưng số lượng ít hơn là tính toán, chỉ bằng khoảng 1/3, khiến cho người ta cho rằng một số neutrino đã mất đi trên đường từ mặt trời tới trái đất. Kết quả đo được đã cho người ta biết chắc chắn rằng năng lượng mặt trời là do phản ứng hợp nhân mà ra.

Vào thập niên 1980, Koshiba và nhóm nghiên cứu của ông đã thiết kế một nhà thí nghiệm khổng lồ tên là Kamiokande để dò tìm neutrino. Kết quả đo được đã xác nhận những thành quả của Davis. Phần neutrino Davis không dò thấy không phải là đã bị mất đi trên đường đến trái đất mà là đã biến thành loại khác mà những dụng cụ lúc đó không tìm ra được.

Theo những kết quả mới nhất của Kamiokande phổ biến mới đây trên tạp chí khoa học *Nature* thì trên đường di chuyển đến trái đất, những hạt neutrino nguyên thủy phát xuất từ mặt trời đã tự ý đổi căn cước, từ một loại này sang một loại khác. Hiện tượng đối lý lịch của hạt neutrino được gọi là dao động neutrino (neutrino oscillation) và là một đặc tính riêng của neutrino (hay của anti-neutrino). Các nhà vật lý cho rằng hiện tượng dao động neutrino thể hiện sự nhất quán (consistency) của những định luật vật lý trong vũ trụ. Công tác nghiên cứu về hạt neutrino vẫn còn tiếp diễn.

## Những ống viễn kính trong thiên văn học

Chiếc viễn kính (telescope) đầu tiên của Tây phương được Galilée chế ra vào năm 1609 và chỉ có một độ khuếch đại (magnifying power) là 3. Không lâu sau đó Galilée đã cải biến để nâng độ khuếch đại lên đến 32 và ông đã dùng chiếc kính này để khám phá từ việc mặt trăng có núi có đồi, đến việc hành tinh Jupiter có đến 4 mặt trăng tức là những vệ tinh bay quanh nó như mặt trăng bay quanh trái đất, rồi đến việc mặt trời cũng quay quanh chính nó. Phối hợp những kết quả đó lại với nhau, ông đã đi đến kết luận là vũ trụ quan của Ptolémée theo đó trái đất là trung tâm, vũ trụ quay quanh trái đất là sai, và thuyết của Copernic là đúng: trái đất quay quanh mặt trời cùng với các hành tinh khác của mặt trời. Hơn nữa, trái đất xoay quanh chính nó khiến cho ta tưởng là các thiên thể khác quay quanh trái đất. Khám phá đó là bước đầu để dẫn đến cơ học Newton, một thời được coi là một thuyết hoàn chỉnh, có khả năng giải thích mọi biến chuyển trong vũ trụ.

Từ đó tới nay đã gần bốn trăm năm. Khoa học đã trở nên khiêm tốn hơn nhưng cũng cho ta biết nhiều hơn về vũ

trụ quanh ta, từ thế giới đại tượng của các thiên thể đến thế giới tiểu vi của những hạt nhân bên trong nguyên tử (subatomic particle). Đặc biệt người ta đã biết rõ hơn về ánh sáng, về kỹ thuật chế tạo kính viễn vọng để dò tìm những vật ở xa.

Bây giờ người ta biết rằng ánh sáng là những sóng điện từ (electromagnetic wave), từ những tia có độ dài sóng ngắn nhất (và cũng mạnh nhất) gọi là tia gamma đến những tia có độ dài sóng cỡ kilômét dùng trong vô tuyến viễn thông. Mắt ta chỉ trông thấy một dãy nhỏ xíu của sóng điện từ gọi là quang phổ khả kiến (visible spectrum), gồm những tia ngắn nhất màu tím có độ dài sóng trong khoảng 390 đến 455 nanômét ( $10^{-9}$  m) đến những tia dài nhất màu đỏ có độ dài sóng khoảng 622 đến 780 nanômét. Những tia điện từ có độ dài sóng ngắn hơn 390 nanômét gọi là những tia cực tím (ultraviolet) hay dài hơn 780 nanômét gọi là những tia hồng ngoại (infrared) thì mắt ta không thể thấy được.

Sau khi khám phá ra ánh sáng là sóng điện từ thì các nhà khoa học bắt đầu tự hỏi về khả năng phát sóng điện từ của các thiên thể ở ngoài dãy quang phổ khả kiến.

Người đầu tiên thiết kế một ống viễn kính dùng tia sáng radio (radio telescope, sau đây sẽ gọi tắt là viễn kính radio) là Grote Reber. Năm 1936, Reber, một kỹ sư điện tử sinh sống ở Wheaton, Illinois, đã ráp lấy một ống viễn kính radio ngay trong vườn sau nhà mình để định vị trí (map) của những nguồn phát tia sáng radio từ giải Ngân Hà (Milky way). Sau thế chiến hai thì người ta bắt đầu thiết trí viễn kính radio trên khắp thế giới. Với kỹ thuật gọi là giao thoa ánh sáng (interferometry), và đặc biệt với kỹ thuật gọi là giao thoa khoảng cách cơ sở rất lớn (Very-Long-Base Interferometry, viết tắt là VLBI) thì độ nhạy (sensitivity) rất lớn, cho một sự khả phân (resolution) có thể gấp một trăm ngàn lần một ống viễn kính quang học thường, nghĩa là nếu một ống viễn kính thường có khả năng phân biệt hai điểm cách nhau chẳng hạn một mét ở một độ xa một km thì cũng ở độ xa đó, một ống viễn kính VLBI có thể phân biệt được hai điểm cách nhau 0,00001 mét hay là 0,01 millimét. Ống viễn kính radio đã giúp các nhà thiên văn khám phá ra được những thiên thể gọi là mạch tinh (pulsating star, viết gọn là pulsar) vì nó phát ra tín hiệu radio rất đều với một chu kỳ từ 0,25 giây cho đến 1,5 giây. Sau này người ta biết được rằng một số mạch tinh thực sự là những ngôi sao gọi là sao neutron (neutron star) và là cái xác của những ngôi sao lớn (lớn gấp chừng 25 lần mặt trời) sau khi đã cạn hết sức sống.

## Tiền trình sinh tử của các vì sao

Cũng như muôn vật, ngôi sao cũng phải trải qua một tiến trình thai nghén rồi đến sinh, lão, bệnh, tử. Trong thời kỳ thai nghén, các thai tinh chỉ là những đám mây khí ở nhiệt độ thật thấp, trong đó chừng 75% là khí hydro, 23% là khí helium, 2% là những khí nặng hơn, như carbon, nitrogen, oxygen, neon... Do sự hấp dẫn vạn vật, các đám mây đó lớn dần cho tới khi có khối lượng lớn hơn khoảng

8% khối lượng mặt trời thì lực trọng trường, tức là lực hút giữa các phân tử của các chất khí với nhau, sẽ tạo nên những áp suất lớn, dồn ép các chất khí, lớp ngoài lèn lèn trong, tương tự như khi ta càng xuống sâu dưới mặt nước thì áp suất đè lên cơ thể càng cao. Khi bị dồn ép thì nhiệt độ của đám mây tăng lên mau chóng, lớn nhất ở những lớp bên trong, và khi đạt đến vài triệu độ C thì phản ứng hợp nhân được phát động, một ngôi sao đã chào đời.

Đối với những đám mây có khối lượng dưới 8% khối lượng mặt trời thì lực trọng trường không đủ để tạo nên những nhiệt độ cao như thế và dưới áp suất do lực trọng trường tạo nên, sẽ tiếp tục co sụp lại để thành một thiên thể mà ta gọi là những hành tinh (planetlike object). Thời gian thai nghén đối với những ngôi sao như mặt trời của chúng ta là vào khoảng một ngàn năm và đó là những ngôi sao ổn định. Thời gian đó sẽ dài hơn đối với những ngôi sao nhẹ hơn vì thời gian nhồi ép để cho nhiệt độ lên tới được nhiệt độ phản ứng hợp nhân lâu hơn. Trái lại, đối với những ngôi sao nặng hơn, khoảng 100 khối lượng mặt trời thì thời gian thai nghén ngắn hơn nhiều vì sớm đến nhiệt độ phản ứng hợp nhân hơn. Nhưng những phản ứng hợp nhân sẽ lan ra rất nhanh, nhiệt độ tăng vọt lên trong một thời gian ngắn làm những ngôi sao đó trở thành bệnh hoạn, rất là bất ổn định, năng lượng phát ra từng đợt như những cơn gió giật của một trận bão lớn. Những ngôi sao đó cũng chết sớm hơn vì tiêu thụ nhiên liệu quá nhiều trong một thời gian ngắn.

Những ngôi sao lớn vào cỡ mặt trời của chúng ta thì ổn định hơn, nghĩa là sau khi chào đời, ngôi sao sẽ thâm lặng tiếp tục đốt hydro qua phản ứng hợp nhân (để tạo ra helium) trong một thời gian dài, như trường hợp mặt trời thì thời gian đó là 10 tỷ năm (hiện nay mặt trời chúng ta đang ở tuổi trung niên, nghĩa là còn tiếp tục được 5 tỷ năm nữa). Vì ngôi sao đốt hydro để tạo ra helium cho nên thành phần hydro trong ngôi sao sẽ giảm xuống, thành phần helium sẽ tăng lên. Chẳng hạn như mặt trời của chúng ta, sau khi đốt hydro được 5 tỷ năm thì hiện nay trong ruột có nhiều helium hơn là hydro.

Sau khi hydro cháy hết thì ngôi sao cũng vẫn còn chưa chịu chết. Áp lực từ những vỏ ngoài sẽ làm cho phần ruột co lại đồng thời nhiệt độ tăng lên và khi nhiệt độ trong đó lên đến khoảng 100 triệu độ K thì phản ứng hợp nhân helium bắt đầu: nhân helium hợp với nhau để tạo nên carbon và oxy. Đó là cái tuổi về già của các ngôi sao. Trong trường hợp mặt trời thì helium sẽ tiếp tục cháy thêm trong khoảng 1 tỷ năm nữa.

Sau khi hết helium thì sức ép của những lớp vỏ ngoài không đủ để phát động phản ứng hợp nhân carbon hay oxy nhưng sẽ làm ngôi sao tiếp tục co lại, nóng lên và vì nhiệt độ mặt ngoài không cao nên đã phát ra một ánh sáng mờ do đó mà ngôi sao được đặt tên là lùn trắng (white dwarf). Trắng vì ánh sáng mờ mờ ảo ảo, lùn vì dưới sức ép của lớp vỏ ngoài, ngôi sao bây giờ nhỏ tí teo, bằng cỡ trái đất nhưng tỷ trọng của ngôi sao thì rất lớn: một phân khối cân nặng đến một tấn. Vì phát ra ánh sáng, dù chỉ mờ mờ, năng lượng của ngôi sao lùn trắng cũng sẽ cạn dần. Cho đến khi

không còn tạo ra được năng lượng gì nữa thì sao không tỏa nhiệt nữa, nhiệt độ của ngôi sao sẽ giảm xuống đến 0°K, ngôi sao đã thực sự trở về với cát bụi. Đó là số phận của những ngôi sao lớn cỡ ba lần mặt trời trở xuống.

Đối với những ngôi sao lớn hơn cỡ ba lần khối lượng mặt trời thì sau khi đốt hết helium (để tạo ra carbon và oxy), sức ép của lớp vỏ ngoài sẽ làm cho phần ruột tiếp tục nóng lên cho đến khoảng 600 triệu độ K thì carbon sẽ cháy qua phản ứng hợp nhân. Sau đó khi nhiệt độ lên đến một tỷ rưỡi độ K thì oxy sẽ cháy. Khi carbon và oxy cháy thì những tro tàn khác sẽ được tạo nên và những tro tàn này sẽ cháy tiếp cho đến khi không cháy được nữa vì nguyên tố cuối cùng được tạo nên bởi phản ứng hợp nhân cuối cùng là chất không phóng xạ. Kết quả tối hậu sau đó tùy theo khối lượng ngôi sao và điều kiện chung quanh.

Thông thường là ngôi sao sẽ phóng vào không gian phần lớn vật chất của nó qua những vụ nổ long trời lở đất trong vũ trụ. Phần vật chất còn lại, vào khoảng bằng khối lượng mặt trời, sẽ biến thành một thiên thể gọi là sao neutron (neutron star) vì sức ép quá lớn của trọng trường đã đẩy hạt electron vào trong hạt proton để biến nó thành một hạt neutron làm cho cả phần ngôi sao còn lại là một khối gồm những hạt neutron lèn sát vào nhau thành một thể tích nhỏ nhưng tỷ trọng rất lớn, khoảng một ngàn tấn một phân khối.

Ngôi sao cũng có thể nổ tung trong vũ trụ mà không để lại dấu vết gì ngoài ánh sáng chói chan phát ra trong một thời gian ngắn và những luồng hạt neutrino mà cơ sở dò tìm neutrino Kamiokande do Koshiba thiết kế đã tìm ra như đã nói ở trên. Ngược lại, ngôi sao cũng có thể không nổ, lực trọng trường do những khối lượng nặng hàng mấy chục lần khối lượng mặt trời đè lên một thể tích chỉ bằng cỡ trái đất sẽ khiến cho không có gì có thể chống đỡ nổi. Ngôi sao tiếp tục co cụm cho đến khi không còn gì nữa và ta có một cái lỗ đen (black hole).

## Lỗ đen

Sau khi Einstein dựng xong thuyết tương đối tổng quát (general relativity) vào khoảng năm 1916 thì vài tháng sau một nhà toán học người Đức tên là Karl Schwarzschild, lúc đó là một sĩ quan pháo binh đang phục vụ tại chiến trường miền Đông trong trận thế chiến thứ nhất, đã giải được những phương trình của thuyết này cho trường hợp đặc biệt của một không gian có đối xứng cầu (spherical symmetry). Lời giải là ở dạng đóng (closed form), nghĩa là lời giải là một hàm số (function) của những biến số (variable) và người ta có thể khảo sát ảnh hưởng của các biến số đó đối với hàm số được. Một kết quả là nếu khối lượng ngôi sao quá lớn và bán kính của ngôi sao quá nhỏ thì tới một giới hạn nào đó, ánh sáng cũng bị hút lại, không ra khỏi ngôi sao được nữa làm cho người ta không còn trông thấy gì nữa. Lý do là vì muốn cho một vật gì bay ra khỏi hấp lực của một thiên thể thì vận tốc của nó phải lớn hơn một vận tốc tối thiểu gọi là vận tốc thoát ly (escape velocity). Vận tốc đó tăng theo khối lượng của ngôi sao và cũng tăng lên khi

bán kính ngôi sao giảm đi. Chẳng hạn trong trường hợp trái đất thì vận tốc đó là khoảng 112 km/giây ở ngay trên mặt đất, (vận tốc thoát ly sẽ nhỏ hơn ở những cao độ lớn hơn). Dưới vận tốc đó thì vật thể đó chỉ có thể là một vệ tinh của thiên thể đó mà thôi.

Trong trường hợp của lỗ đen, nếu trọng lượng ngôi sao bằng ba lần trọng lượng mặt trời và nếu bán kính của nó là 9 km thì lời giải của Schwarzschild cho thấy rằng vận tốc thoát ly trên mặt thiên thể sẽ lớn hơn vận tốc ánh sáng. Theo cơ học tương đối thì ánh sáng là những hạt gọi là quang tử và không một vật nào có thể di chuyển nhanh hơn vận tốc ánh sáng được. Nếu vận tốc thoát ly lớn hơn vận tốc ánh sáng thì điều này có nghĩa là những hạt quang tử (photon), dù không có khối lượng, cũng không thoát ra khỏi mặt thiên thể được. Càng vào bên trong thiên thể thì trọng trường càng lớn và vì không còn gì để chống lại sức hút của trọng trường nên vật chất bên trong sẽ bị hút vào tâm điểm của thiên thể, cuối cùng thiên thể chỉ còn là một điểm, ở đó cường độ trọng trường là vô cực, không có không gian, vì một điểm là không có kích thước (dimensionless) và cũng không có thời gian vì theo cơ học tương đối khi cường độ trọng trường ở một nơi có một vận tốc thoát ly bằng vận tốc ánh sáng thì ở nơi đó thời gian sẽ ngừng lại. Điểm đó gọi là điểm kỳ dị (singularity).

Khoảng cách từ điểm kỳ dị đến mặt thiên thể ở đó vận tốc thoát ly là vận tốc ánh sáng được gọi là bán kính Schwarzschild. Mặt cầu có bán kính bằng bán kính Schwarzschild gọi là chân trời sự cố (event horizon) vì như trường hợp trái đất, người ta không biết chuyện gì xảy ra bên dưới chân trời, ở đây, người ta không biết chuyện gì xảy ra bên trong chân trời sự cố. Lý do là bên trong chân trời đó, những định luật vật lý không áp dụng được vì không có không gian và không có thời gian. Nhưng bên ngoài chân trời sự cố thì sức hút của trọng trường lỗ đen làm cho vật chất chung quanh đổ xô đến đó. Vật chất chung quanh cũng chống lại sức hút này bằng cách chạy quanh chân trời sự cố để tạo nên một sức ly tâm ngược chiều với sức hút trọng trường. Nhưng vật chất vẫn bị hút dần đến chân trời sự cố, càng đến gần càng nhanh. Khi di chuyển vật chất cọ sát vào nhau và phát ra nhiệt lượng, nhiệt độ tăng lên và phát ra ánh sáng. Khi đến gần chân trời sự cố thì vận tốc lên đến khoảng vài chục phần trăm vận tốc ánh sáng và ánh sáng phát ra là tia X. Đó là tia sáng mà máy dò tia X trong không gian của Giacconi đã khám phá ra ở chòm sao (galaxy) Scorpius. Không những thế, trong chuyến bay 6 phút ngắn ngủi vào khoảng năm 1959-1960 đó, máy còn thấy rằng vũ trụ đầy rẫy nguồn phát tia X. Sau này người ta biết những nguồn phát tia X đó phần lớn là những lỗ đen.

Cho đến khoảng giữa thập niên 1980, người ta đã tìm thấy được vào khoảng hơn 3 trăm lỗ đen. Những lỗ đen đều có khối lượng lớn, ít ra là ba lần khối lượng mặt trời, có cái nặng gấp hàng triệu lần khối lượng mặt trời, và đều quay rất nhanh vì ngôi sao nào cũng quay, như mặt trời của chúng ta chẳng hạn hiện đang quay dù quay rất chậm vào khoảng 4 tuần mới được một vòng nếu đo ở đường xích đạo

của mặt trời (ở xa đường xích đạo, về phía 2 cực, thì vận tốc quay chậm hơn). Nhưng khi nó co lại thì nó sẽ quay nhanh dần lên như người múa tuyết (ice skater), khi dang tay ra thì quay chậm, khi co tay chân lại thì quay nhanh, càng co nhiều càng quay nhanh hơn. Lý do là nguyên lý bảo toàn mômen động lượng (principle of conservation of angular momentum). Ngôi sao cũng phải theo nguyên lý đó thôi. Chính nhờ vận tốc quay nhanh đó mà vật chất bên ngoài bị cuốn vào chân trời sự cố. Ngày nay với kính viễn vọng tia X Chandra đặt trên trạm thiên văn Hubble, người ta hy vọng sẽ khám phá ra nhiều lỗ đen hơn và biết được nhiều hơn về lỗ đen.

Khởi đầu chỉ là một dị thường toán học (mathematic curiosity), lỗ đen đã trở thành những thực thể nhờ đó người ta có được một tầm nhìn chính xác hơn về vũ trụ. Công đầu là của những người khai phá, đã mở ra một hướng tiếp cận mới nhờ đó kiến thức của nhân loại được phong phú hơn. Đó là lý do đã khiến cho hàn lâm viện Thụy Điển chọn Riccard Giacconi, dù đã ở cái tuổi về hưu, để trao tặng giải Nobel vật lý năm 2002.

*Nguyễn Tiến Ích*

#### Tài liệu tham khảo :

1. Báo *OC Register*, ngày Thứ tư 9 tháng 10 năm 2002
2. William J. Kaufmann, III, *Discovering The Universe*, nhà xuất bản W.H. Kaufmann and Company, New York, năm 1987.
3. Peter Gabriel Bergmann, *Introduction to the Theory of Relativity*, Dover Publications, Inc. New York

### *Nguyệt san* **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

**Tại Pháp :** Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 33 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

**Tại Đức :** Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 00 77 70 82 94 - Bankleitzahl : 50 19 00 00.

**Tại Hòa Lan :** Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 33 Euros. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Hoa Kỳ :** Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 40USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : [qml@juno.com](mailto:qml@juno.com)

**Tại Canada :** Phạm Chu Thái, 6220 Bois Brillouse, Anjou - Québec H1M-1Y1. Giá một năm báo là 50CAD. Ngân phiếu xin đề : *Pham C. Thai*.

**Tại Úc :** Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 60 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

*Tùy bút*

## **NHẮN TIN**

*Nguyễn Văn Hòa*

Ngày tựu trường 1975-1976 của trường Đồng Khánh. Có mặt thằng Kh. ở ngoài Bắc vào. Không thấy thằng Lô.

Kh. và Lô cùng học lớp chúng tôi năm đệ tứ. Cuối năm 53, hai đứa biến mất. Có người bảo chúng nó ra Khu. Hồi đó, chuyện học sinh kháng chiến Đồng Khánh, Khải Định bỏ học ra Khu là chuyện thường. Và cũng có không ít học sinh Bình Trị Thiên ở khu IV trở về thành.

Thầy Cô cũ đến trường đông đủ.

Những khuôn mặt ngơ ngác nhìn nhau e dè, với bao nhiêu câu hỏi : Ban giám đốc mới, chương trình mới, và số phận của mình ? Nhất là những người dạy Triết, Việt văn, Sử Địa...

Huế nhỏ, những mẩu tin buồn vui, sau biến cố 75, được đồn dập truyền đến nhau hàng ngày.

Bên ni, Bên nớ ? Bao nỗi hoang mang.

Có những bạn gặp lại nhau, khóc nói không ra lời.

Có những bạn sẵn sàng đấu tố, đe dọa nhau, bắt nhau làm đi làm lại bản kiểm thảo.

Có người Thầy một sớm một chiều trở thành Chủ tịch Nhân dân Thành phố. Không hiểu Thầy có nhớ đến học trò cũ ?

Và ở Bảo Vinh, người anh Cách mạng trở về, nguyên cựu giáo sư. Có người em là giáo sư biệt phái, vừa bị bắt đi học tập.

Mẹ mừng :

- *Con cố giúp cho em nó ra.*

- *Nó có tội thì để cho Cách mạng giáo dục nó. Mẹ yên tâm, không sao đâu.*

Mẹ ngơ ngác :

- *Em nó dạy học, có tội gì đâu con. Từ ngày con đi, em nó thay con nuôi mẹ...*

Người Cách mạng mặt đanh lại :

- *Mẹ có biết tiền nó đưa về từ đâu không ? Tiền của bọn Mỹ Ngụy hút từ xương máu nhân dân.*

Vân vân và vân vân...

Kh. ngồi trên bàn chủ tọa, trong ban bí thư của trường. Có ít lời nói về Cách mạng, về những gì phải làm, những gì thay đổi trong chương trình và nhất là tư duy của con người mới...

Bàn cuối, Ch. thì thầm với bạn bên cạnh :

- Kh. là bạn của mình, chơi với nhau từ hồi tắm trường.

Bây giờ có nó, chắc bọn mình cũng đỡ.

Sau buổi họp, Ch. tìm gặp Kh., bắt tay mừng :

- Lâu quá mới gặp lại, Kh. còn nhớ mình không ?

Anh bạn cũ không bắt tay, nghiêm giọng lại :

- Nhớ chứ, nhưng bây giờ cần phải xét lại đã.

Sáu tháng sau, Ch. được mời ra khỏi trường. Đi làm phụ lơ xe đồ Huế - Đà Nẵng.

Kể lại chuyện cũ, Ch. không khỏi ngỡ ngàng :  
- Lúc đó mình quê quá. Giá là thằng Lô, chắc nó không  
nỡ cư xử với bạn bè như vậy.

\* \* \*

Đệ tứ B5 - 1952. Việt Anh - Huế.

Tôi ngồi bàn đầu, bên cạnh là thằng Lô - Nguyễn văn  
Lô. Sau lưng, bàn dưới là thằng Lê - Nguyễn văn Lê. Hai  
thằng bạn thân nhất của tôi.

Lô có biệt danh *thổ công*, *bán trời không văn tự*. Tôi  
chưa gặp được thằng nào vui, láu liếng hơn thằng này. Lô  
hay chở tôi đi dạo đêm trên chiếc xe đạp cà tàng cà tịch  
của nó, từ tả ngạn qua hữu ngạn, từ Vỹ Dạ lên Bến Ngự,  
học hể nào cũng qua, nhất là mấy kiệt thành nội, mỗi nơi  
một chuyện, toàn những chuyện hấp dẫn lạ lùng. Đi với  
nó, một ngày đàng học được hai ba tràng khôn.

Lê hiền từ ít nói, có nụ cười e ấp như con gái. Mỗi cuối  
tuần tôi thường về nhà Lê chơi ở Long thọ, học chung, bơi  
thuyền, tâm sự. Lê có cậu em và bà mẹ thật hiền. Lụt 53,  
bà bị nước cuốn trôi.

Hai thằng bạn, hai thái cực.

Tôi là thằng ngu ngơ nhất trong đám. Lô thường cho tôi  
là *thằng ngu bỏ mẹ - ai nói sao tin vậy*.

- *Tướng mày nho nhã nhưng ngu, gắng học thêm ít chút  
khôn của tao, chứ không thì sau này chỉ có nước đi làm bồi  
bàn hoặc làm cụ Đồ mà thôi*.

Theo quan niệm của bọn nhỏ, cụ Đồ là típ dờ dờ ương  
ương.

Với Lê, nó bảo :

- *Tướng mày cao to, dẽ bảo, ai dặt cũng dạ, sau này chỉ  
có làm lính*.

Lê cười :

- *Còn mày?*

Nó thần nhiên :

- *Tao làm tướng*.

- *Tướng cướp thì có*.

Thầy Phạm Văn Nhu dạy môn Luân lý, mỗi tuần một  
giờ.

Nào Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Tuân Tử... hình như  
tất cả cụ Tử đều dồn hết vào chương trình năm này. Khổng  
Tử có thuyết trung dung - dẽ - cái gì cũng nên vừa phải,  
thái quá bất cập. Còn thuyết chính danh - cũng dẽ - học dốt  
thì cứ nhận là dốt, hoang thì chối, không có chi phải xấu  
hổ.

Nhưng vụ "nhân chi sơ", có điều trực trặc. Cụ Khổng  
cho rằng nhân chi sơ tánh bản thiện - người sinh ra vốn  
thiện, cụ Tuân thì ngược lại, nghĩ rằng con người vốn ác.  
Thằng Lô bảo tôi : *các cụ lắm cảm, đừng tin. Người ta sinh  
ra, đặt giữa thì nằm giữa, đặt sắp thì nằm sắp, miệng chưa  
biết nói, tay chưa cầm được dao, làm sao biết được thiện hay  
ác. Tao thấy ông Trời sinh ra mỗi đứa một tính, thằng khờ  
khờ thì cả đời khờ khờ, đứa hoang thì có đánh dốt mỗi ngày,  
vẫn cứ hoang. Nhất là bọn con gái*.

Hôm thi lục cá nguyệt, thầy hỏi bài theo lối vấn đáp,  
điểm mặt từ trái qua phải, đứa này ngồi xuống thì đứa cạnh  
tự động đứng lên. Đến phiên Lô - gặp đúng cái "nhân chi

sơ", lộn ông Tử này qua ông Tử nọ, lãn tron zéro. Cầu  
nhàu : *mấy ông già lộn xộn, chết đã mất đất, còn về làm  
khổ con cháu*. Nó hận ông Khổng Tử.

Một hôm, thầy ngừng giảng bài nửa chừng, trầm ngâm:  
- *Các trò có biết không, bên Pháp có đại thi hào, làm  
thơ :*

*Cái bàn là cái bàn*

*Cái ghế là cái ghế*

*Cái ghế không phải là cái bàn*

Thầy chỉ nói lơ lửng vậy thôi, không ăn nhập gì đến bài  
học, rồi tiếp tục dạy.

Trò biết thầy buồn, thời buổi đảo điên, ghế không còn  
là ghế, bàn không còn là bàn, trắng thành đen. Nhưng  
chẳng đứa nào để ý đến bài thơ cộc lốc vô duyên này.

Ít hôm sau, Lô nói với tôi :

- *Đại thi hào gì mà làm thơ dở ẹc. Thua thơ tau :*

*Bánh bao là bánh bao*

*Bánh ú là bánh ú*

*Bánh bao không phải là bánh ú*.

Không hay ho gì hơn, nhưng tôi cũng cố cười đồng tình.  
Thằng này suốt ngày chỉ nghĩ đến cái ăn. Bánh ú nóng  
chấm với đường cát, ngon khỏi chê.

Nhưng tôi lằm.

Một tối, hai đứa ngồi chồm hổm ăn chè gánh bên đồng  
An cự. Nó ghé tai tôi nói nhỏ :

- Mày coi, mấy o bán chè cũng bày đặt, mang xú chiêng  
độn mút. Bánh bao thành bánh ú. Thấy không ?

Tôi bái nó làm sư. Thằng này nhác học trần ai, không  
ngờ thông minh dữ.

Sau này, Thầy bỏ dạy, ra làm dân biểu, chủ tịch quốc  
hội thời đệ nhất cộng hòa...

Năm 1975, Thầy bị mất trí : *Vài tuần lễ sau ngày 30  
tháng 4 giữa mùa nắng cháy của năm 1975... tôi gặp lại  
thầy cũ... Bóng dáng thầy cao ráo, thầy còn quắc thước,  
nhưng dáng dấp đã nhuộm phong trần, đầu khở, miệng thầy  
lâm nhâm, theo sau là một vài đứa trẻ đi chân đất, trên cầu  
Công lý... "Tổ cha mi Kissinger... tổ cha mi Kissinger" . Tụi  
trẻ la lên : "Ông điên bậy ơi" . (Trần đại Minh - Đặc san  
48-55 Khải Định, 1996).*

Khi cái bàn không là cái bàn, cái ghế không là cái ghế,  
thầy chỉ buồn. Nhưng khi cái ghế ngự trên cái bàn, Thầy  
hóa điên.

Việt văn, trò học truyện Kiều.

Thầy Huỳnh Anh luôn luôn đeo găng tay, nghe bảo hồi  
45 thầy bị chôn sống vì tội Đại Việt, bàn tay dơ lên bị mã  
tấu phạt mất mấy ngón. Thế mà sau đó, thầy vẫn ngoi lên  
trống được.

Thầy có giọng ấm, truyền cảm, cố gắng phân tích  
những cái hay, cái thâm thúy của từng câu, từng đoạn. *Tài  
mệnh tương đối mà, đâu phải là chuyện đùa*. Nhưng chẳng  
thuyết phục được bọn nhỏ. Đứa ngáp, đứa dở trò phá nhau.  
Thầy biết, chỉ nhẹ nhàng bảo : *các trò càng lớn càng thấy  
cái sâu sắc của Nguyễn Du về cuộc đời*.

Ừ, thì để lớn rồi hăng hay.

Lô dứt khoát : *Dở ẹc, thua Nguyễn công Trứ*.

- Sao ?

- Ông già này chịu chơi.

Chắc nó học lóm đầu đó của mấy anh chị học lớp đệ nhị. Nó lấy cuốn sổ nhỏ, loay hoay đọc, rồi kể :

Cụ này đích thật nòi tình, 70 tuổi còn cưỡi bò đi tán gái.

Gái hỏi tuổi, cụ đánh trống lảng, nói quanh :

*Tân nhân dục vấn lang niên kỷ*

*Ngũ thập niên tiền nhị thập tam*

Tạm dịch :

*Hỡi anh, anh cứ ăm ờ*

*Rằng, năm mươi năm trước anh đời hơn ba*

Tội nghiệp. Rằng với cỏ, cái còn cái mất, móm mém nên đà thành đời, hăm thành hơn.

Vợ con, bạn bè chê cười, cho rằng ông già không nên nết.

Cụ tỉnh bơ : *Không dâm sao lại nảy ra hiền.*

Không khoái sao được. Ông cụ thẳng như ruột ngựa.

Thấy tôi lộ vẻ khâm phục, nó được trốn :

- *Mày biết bà Hồ Xuân Hương không ?*

- *Có nghe nói.*

Nó loay hoay lật mấy trang sau :

- *Thơ bà này hay chịu không nổi, đọc thơ Bà cứ sáng cả mắt ra. Thầy bảo cụ Nguyễn Du là đại thi hào Việt Nam, đại thi hào gì mà trò thì đũa ngũa ngáp. Theo tao, cụ Nguyễn Du không đáng xách dép cho Bà, mày coi đây :*

Vịnh cái quạt

Một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa

Duyên em dính dáng tự bao giờ

Chành ra ba góc da còn thiếu

Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa

Mát mặt anh hùng khi nắng cực

Che đầu quân tử lúc sa mưa

Nâng niu uớm hỏi người trong trướng

Phi phạch trong lòng đã sướng chưa ?

*Mà mày có hiểu nắng cực là gì không ?*

Thấy tôi đỏ mặt (tôi là vua nói lái), nó gật gù :

- *Mày cũng thông minh đó. Bà nói cái quạt, nhưng ý của Bà đâu phải cái quạt. Cái quạt đâu có : Một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa !! Thế mà ông Thầy lớp Đệ nhị, cứ nâng nặc bắt ép anh tao với mấy chị trong lớp phải nhận đó là cái quạt, mà lại là cái quạt khoái nổi loạn nữa mới khiếp chứ. Tao chán mấy ông thầy Đồ quá. Chỉ tài nói Trạng.*

Rồi nó cười :

- *Thằng Lê nói đúng, sau này nếu phải chọn giữa nghề thầy Đồ và Tướng cướp, chắc tao chọn nghề Tướng cướp quá.*

Tôi vẫn tiếc nó không được học lóm kỹ hơn, ghi chú thêm về Hồ Xuân Hương để bàn chuyện nhiều nhiều với anh em.

Thầy Cao Hữu Triêm dạy Sử Địa.

Thầy có trí nhớ kinh khủng, nhớ từng dấu phẩy, dấu chấm. Giờ học thường được bắt đầu với giọng sang sảng : *phẩy, hay chấm qua hàng* - để tiếp tục bài học trước.

Phải công nhận, bài thầy dạy rất hay. Cô đọng, dễ nhớ,

có thêm phần phụ lục hấp dẫn. Cứ như là đọc Tam Quốc Chí với lời bàn của Mao Tôn Cương. Nhưng trò phục nhất là tài bắt ruồi. Không lần nào bị vuột. Thầy xoa xoa vào bai bàn tay, trông thật khoái tử.

Trong các thầy, Lô phục thầy Triêm nhất. Trong bài giảng, thầy gọi Bảy Viễn là tướng cướp, vào lúc mà thủ hiến đương thời Phan Văn Giáo, và ngay chính vua Bảo Đại cũng phải ngán cái ông lãnh chúa này. Nó bảo :

- *Cha này lão lếu, mở mồm ra là Đ.m, nó dám Đ.m cả vua Bảo Đại nữa!*

Vạn vật có thầy Phạm Văn Diêu, thích nói văn chương hơn là mấy cái tế bào.

Thầy đang biên khảo về truyện Kiều, thường nhờ học trò chép lại mấy bản thảo. Bọn nhỏ chụp được hai câu, truyền nhau :

*Kim đâm vào thịt thì đau*

*Thịt đâm vào thịt nhớ nhau suốt đời*

Khoái.

Nghe đâu, nhờ tập biên khảo này, thầy được mời làm giáo sư trường Đại học Văn khoa sau này.

Giờ Vạn vật các trò hay được nghỉ bất tử, thường vì : *Hôm nay thầy đeo reng (đau răng), cho các trò nghỉ !*

Lô hay nhái giọng Quảng nôm, mỗi khi Thầy sắp bước vào lớp : *Thầy đeo reng, cho nghỉ !*

Tuy nhiên chương trình học cũng được kết thúc gọn gàng.

Bài học cuối năm : *Bệnh lậu.*

Được quay ronéo đàng hoàng.

Bọn nhỏ khoái chí tử, nghêu ngao: *Đái rớt, vuốt, thấy mủ chảy ra : ấy là bệnh lậu.*

Kể cũng đáng hãnh diện, chương trình học bên mình văn minh, tiến bộ, vượt thời gian, bỏ xa bọn Tây đến 50 năm là ít.

Một năm học, trò Lô chỉ nhớ nổi hai câu thơ và một câu kết !

Giữa năm, Lô bỏ tôi, chui xuống bàn cuối cùng.

Lý do là bị ăn thuốc của cụ Đệ.

Cụ Đệ dạy Hán tự, cụ là cử nhân Hán học, khi nào cũng khăn đóng áo dài. Hán học vào cuối thời mạt vận, nên vào giờ này, mấy chuyện hỷ nộ ái ố xảy ra như cơm bữa. Cụ viết gì trên bảng mặc cụ, việc trò trò làm. Lô thích bắn giây thun, một lần, nó ném thuốc lên bảng, cụ giật mình quay phắt lại, rớt cả khăn đóng, bắt gặp thằng Lô, cụ cầm thuốc quát bất kể thiên địa, vừa *tổ cha mi...*

Một năm học Hán tự, chẳng đứa nào viết hơn được ba chữ nhất, nhị, tam. Nhưng nếu cần xổ Nho, thì đứa nào cũng thuộc vào hạng nhất.

Nói đáng tội, Hán tự của bọn tôi vậy mà còn khá. So với các cụ ông, cụ bà khác, có cụ luyện trên năm chục năm, chỉ có mấy chữ Nhất, Nhị, Tam, Tứ,... Tổng, Thùng, Vạn, Sách (mặc chược), thử hỏi có mấy cụ viết nổi chữ Tứ!?

Lô trốn xuống bàn dưới cũng phải, vừa tránh được thuốc cụ Đệ, vừa trốn được thầy Lê Quý Chi, dạy Lý Hóa. Tính thầy nóng như lửa, không thuộc bài là bị tọng đầu vào

bảng, kêu cộp cộp nghe thấy ghê. Học vừa nhác vừa dốt, bị tổng đầu là phải, chẳng thằng nào dám hó hé. Trốn là thượng sách, nhờ mấy thằng bàn trên che giùm cái mặt. Thầy Chi sau này là giáo sư kinh tế của Đại học Luật khoa, chắc Thầy đã hết buồn phiền về lũ học trò nhỏ dại.

Cuối năm thi Đíp-lôm, cả ba, chẳng có thằng nào dính bảng.

Không sao.

Lê vào trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức.

Tôi đủ điểm, lên đệ tam. Tương lai có vẻ xán lạn vì sẽ được vào Khái Định cạnh trường Đồng Khánh, học chung với mấy o.

Còn Lô, nó chẳng có dự tính gì hết. Hè về, đêm đêm nó vẫn thường chở tôi đi chơi.

Mỗi lần qua nhà các thầy, cả hai cúi rạp, Lô đập thật lạnh sợ bị bắt gặp.

- *Đây là nhà thầy Ch, có lần má bên trái của thầy bị xước. Ông bà cãi lộn, gà mái đá gà cồ. Cô bầu thầy.*

- *Đây là nhà thầy T, có hôm cô bị quỳ! Thầy bảo cô luộc con gà để cúng, cô luộc xong, cắt miếng sắp lên đĩa. Thầy về, lấp lại con gà, thấy thiếu một miếng... v.v*

Thầy nào cũng có chuyện, toàn chuyện tào lao. Chuyện có chuyện không, chuyện gì nó cũng biết. Thổ công mà.

Hai đứa hay ghé lại đài phát thanh coi hát. Phòng ghi âm chỉ nhỏ bằng một lớp học, qua cửa gương có thể thấy trọn vẹn phía trong, có vài micro, vài nhạc cụ và vài băng ghế học trò. Hôm nào hên thì được thấy ca sĩ Hương Thủy, thấp thấp xinh xắn, và cặp Ngọc Cẩm - Nguyễn Hữu Thiết, ngoe ngoe cái đầu với bản *Gạo trắng trăng thanh*. Có khi, hình như có cả Kim Tước, Châu Hà, Hà Thanh, Thanh Thúy, Minh Trang, Tôn Thất Niệm cùng hợp ca bài *Cái nhà là nhà của tui...* của thầy Ngô Ganh. Vui là vui hết sức.

Đến đài để coi hát hơn là nghe hát, nên trong các ca sĩ, Lô khoái nhất là Kim Tước. Cô này tướng cao to, mạnh dạn, khi nào cũng cười, bước lên micro không cần phải đi vòng quanh tránh mấy cái băng ghế như các cô khác, mà phom phom bước qua từng băng như lực sĩ nhảy rào. Lại thêm, đi hát mà mặc quần lãn đen nửa chừ. Hiếm có. Lô đặt tên là *giặc cờ đen*.

Hôm nào không có *giặc cờ đen* mà lại gặp mấy bà ca Huế, thì mặt buồn thiu.

- *Xui. Tao không thích ca Huế.*

Tôi khác nó, vẫn khoái mấy điệu hò mái đẫy :

*Trước bến Văn Lâu*

*Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm*

*Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông*

*Thuyền ai thấp thoáng bên sông*

*Đưa câu mái đẫy, tránh lòng nước non.*

hay mấy điệu ru con :

*À à ơi...*

*Con ơi con ngủ cho ngon*

*Để mẹ đi chợ mua... cho con ăn...*

*À à ơi... à à ơi...*

Nhưng Lô thì dứt khoát, không ưa bất cứ loại ca Huế nào, nhất là mấy thanh tre gõ lóc cóc, đòi đi chơi chỗ khác.

- *Buồn thấy mẹ, nghe làm gì.*

- *Thì nhạc Hời nó vậy.*

- *Đã buồn mà lại dâm !*

- ??

- *Chỉ có mỗi một điệu, cứ lặp đi lặp lại điền mẹ cả cái đầu :*

*Hết khoan rồi đến lụi (hụi), hết lụi (hụi) rồi lại khoan.*

*Có sức voi mới chịu thấu. Mà ngu lắm, không có hiểu gì hết.*

Ngày tựu trường, Lô biến mất. Không một lời từ giả.

Bạn bè gặp nhau, vẫn nhắc đến nó, nhưng chẳng ai có tin tức. Có người cho biết, sau năm đệ tứ, nó ra vùng A Sao A Lưới làm rẫy, lấy vợ Mọi. Người khác lại bảo nó ra Khu, đổi tên họ, mặc đồ đại cán, đi xe Volga có bốn rèm cửa. Điều này có vẻ hợp lý, vì hồi đó có nhiều học sinh ra Khu hay đi tập kết, có đứa làm tướng, có đứa làm Bộ trưởng, có đứa lên chức Cụ...

Dù gì đi nữa, với tính lênh nghênh lang ngang, vô tư như vậy, trong tôi thằng Lô vẫn là thằng Lô, nghĩa là thằng Ba Bọt.

Cho nên :

## **NHẮN TIN :**

Đệ tứ B5 - 1952. Việt Anh - Huế

Lô mày,

Mày đi đâu biệt tăm, chẳng cho bọn tao biết gì cả.

Bạn bè vẫn nhớ đến mày.

Hú ba hồn chín vía, nếu mày nhận được mẫu nhắn tin này, thì viết ngay cho bọn tao ít chữ, theo địa chỉ : ... ..

Đúng như mày nói quở ngày xưa :

Tao vẫn là thằng ngu bỏ mẹ, ra đời chẳng biết làm được gì ra hồn, nên phải lao vào nghề cụ đồ, có một thời làm bồi bàn ở Paris.

Thằng Lê, *hiền lành, dễ bảo, ai dặt cũng dạ*, vào nghề lính khá song suốt. Lần cuối gặp nó, nó đóng quan năm, vẫn có nụ cười hiền và tính cả thẹn như xưa. Sau 75, nó được đi du lịch 10 năm, từ Nam ra Bắc, từ trại tù sông Bé, qua Thanh Cẩm, đến tận Hà Nam Ninh.

Còn mày ?

Hiện đang làm trò gì ?

Mày phải nhớ rằng :

Dù mày có đi làm rẫy ở A Sao A Lưới.

Dù mày có đổi tên đổi họ ra Lê, Trần, Mai, Phan, hay Nông gì gì đó, ngồi xe Volga có bốn màn che.

Và dù cho mày có là chúa đấng của bọn cướp ngày, hay làm ông Trời con đi nữa.

Thì mày vẫn là thằng Lô - Nguyễn Văn Lô, bạn của chúng tao như ngày nào.

Vẫn thương mày như thằng nhỏ vô tư bán trời không vẫn tự.

Như thương những ngày vui xưa.

Tao.

*Nguyễn Văn Hòa*

(Paris, tháng 01-2003)

## ĐẤT KHÁCH

Cứ mỗi lần tết đến  
Lòng lại nhớ không thôi  
Bao nhiêu là kỷ niệm  
Mỗi năm mỗi xa vời

Năm nay tết lại đến  
Lại thêm một năm xa  
Thêm tuổi đời dâu bể  
Thêm nỗi niềm nhớ quê

Những ngày xưa thân ái  
Ba bữa tết nay đâu  
Chơi vợ đời lữ thứ  
Mệnh mong những u sầu

Thèm nghe trảng pháo nổ  
Thèm nhìn câu đối xuân  
Bên bàn thờ nghi ngút  
Hương khói tỏa thơm lừng

Cùng gia đình sum họp  
Vui vầy đón xuân sang  
Mâm rượu trà bánh mứt  
Mai cúc đua nhau vàng

Rồi cùng nhau chúc tết  
Như ý trọn cả năm  
Bình an và may mắn  
Mọi sự được tốt lành

Nhưng bao nhiêu mơ ước  
Theo lớp sóng phé hưng  
Vùi chôn trong ký ức  
Bao lớp bụi vô tình

Trời xứ người vẫn vậy  
Vấn cật xé thịt da  
Vấn lạnh lòng tê tái  
Vấn hững hờ đi qua

*Sông Lô*  
(Laatzen, Đức)

## Bài học của (hay cho) bà Bình ?

Trong số diễn giả có mặt trong cuộc Hội thảo quốc tế về "Cuộc chiến tranh Việt Nam và Châu Âu, 1963-1973", do Trung tâm Sử học châu Âu Thế kỷ XX và Hội Ngoại giao và Chiến lược tổ chức tại Paris trong hai ngày 24 và 25-1-2003, có bà Nguyễn Thị Bình - người cách đây 30 năm đã tham dự cuộc Hòa đàm Paris về Việt Nam với tư cách là một trong bốn trưởng phái đoàn thương thuyết.

Chính cuộc hòa đàm kéo dài hơn bốn năm nói trên ở hội trường số 19 rue Kléber, 75016 Paris đã nặn ra "siêu sao" Nguyễn Thị Bình - người phụ nữ quàng khăn rằn từ bưng biền miền Nam Việt Nam bước vào sân khấu chính trị, rồi từ đó trèo dần lên những đỉnh cao danh vọng, được cất nhắc đến chức Phó chủ tịch nước, trang trí cho chế độ. Hôm nay "siêu sao" Nguyễn Thị Bình tái xuất giang hồ nhưng vẫn y như cũ, cái loa của một chế độ đã bị lột mặt nạ.

Như không lượng được sức mình và trình độ của thánh giả, bà Bình hăm hở bước lên bục đọc bài diễn văn tựa đề "Cuộc chiến tranh Việt Nam và những bài học", dạy dỗ thiên hạ về chiến tranh và hòa bình v.v... và không ngớt lặp lại điệp khúc ca ngợi phe xã hội chủ nghĩa thời còn nuôi mộng đánh chiếm toàn cầu. Nghe lại những luận điệu này, người ta nhớ lại cảnh bà Bình mỗi buổi sáng phải đích thân sang nơi cư ngụ của trưởng phái đoàn miền Bắc xin chỉ thị để kịch bản "Mặt trận Giải phóng miền Nam", rồi "Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam", có trọng lượng trong cuộc hòa đàm

Paris về Việt Nam. Ngay khi cuộc chiến vừa kết thúc, hai công cụ này liền bị vứt bỏ và được thay thế bằng chế độ chuyên chính vô sản do miền Bắc áp đặt.

Có lẽ bà Bình không hiểu được rằng chiến tranh và hòa bình không thể nói ngược nói xuôi như người cộng sản được. Cuộc chiến tại Việt Nam có khía cạnh quốc tế của nó thật, nhưng bản chất chính của cuộc chiến này là chế độ cộng sản miền Bắc đã mượn lá cờ chống ngoại xâm để chiếm miền Nam bằng bạo lực, dưới những danh từ đẹp đẽ là "giải phóng miền Nam" và "thống nhất đất nước" !

Cử tọa chờ đợi những lời phát biểu biết điều hơn nhưng mọi người đều thất vọng vì bà Bình vẫn tiếp tục lên lớp, khuyên bảo các cường quốc không nên can thiệp vào nội bộ của các quốc gia khác. Chính vì thế mà bài nói của cựu đại sứ Việt Nam Cộng Hòa, ông Bùi Diễm, đã được cử tọa trong hội trường vỗ tay nhiệt liệt khi ông nói rằng Hiệp định Paris năm 1973 tuy có chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam thật nhưng đã không thiết lập được hòa bình.

Một nhân vật có uy tín khác là cựu đại tá Bùi Tín, người từng đứng trong hàng ngũ phe chiến thắng, đã phản phát cho cử tọa bài nhận định của ông bằng tiếng Pháp về cuộc chiến tranh ở Việt Nam, mà ông cho là một cuộc nội chiến chứ không phải là một cuộc chiến chống ngoại xâm, hòa bình có được là do phe chiến thắng áp đặt lên đồng bào cả nước. Cảm động nhất khi ông Bùi Tín tuyên bố từ bỏ 9 huân chương cao quý nhất mà ông đã được thưởng trong thời chiến tranh, khi xót xa nhìn ra sự thật : số người Việt Nam bị chết và bị thương lớn nhất do chính người Việt Nam hăng say bắn giết lẫn nhau nhân danh những học thuyết xa lạ. Đây là một nhắc nhở cho cử tọa, và riêng cho bà Bình, rằng Việt Nam không có hòa bình sau chiến thắng của phe cộng sản, nó chỉ thật sự có khi những người Việt Nam thực sự hòa giải với nhau.

*Trịnh Vũ Biền (Paris)*

### Nhuận bút ?

"Tôi vừa mới có dịp ra khỏi Việt Nam cách đây một tháng, sau 27 năm bị kẹt trong nước dưới chế độ tàn bạo cộng sản, hiện tại đang sống rất khổn khó về tài chánh tại Philippines, nhưng được một điều rất quý báu là có tự do để làm những gì mà một con người thấy cần phải làm.

Thú thật tôi rất thích thú với nội dung và khuôn khổ của báo Thông Luận. Nếu tôi cộng tác với quý báo bằng cách gửi bài được không ? Nếu bài được đăng thì có tiền nhuận bút như thế nào ? Và có được tặng số báo ấy không ?

*Nguyễn Đình Thọ (Capiz, Philippines)*

*LTS : Chúng tôi rất mừng ông đã ra được nước ngoài và sống cuộc sống tự do, chúc ông thành công trong cuộc sống mới. Thông Luận hoan nghênh mọi đóng góp nhưng không có tiền nhuận bút cho người viết ; bù lại chúng tôi sẵn sàng gửi tặng báo cho những người muốn đọc nhưng thiếu khả năng.*



## Thời sự Việt Nam

### Người Nam Hàn và người Bắc Hàn tại Việt Nam

Ngày 21-1-2003, đại diện báo *Weekly Hankyoreh 21* (Nam Hàn) và chính quyền Phú Yên đã khánh thành một "công viên hòa bình", trị giá trên 100.000 USD, để hàn gắn những đổ vỡ do binh sĩ Nam Hàn gây ra trong cuộc chiến tranh vừa qua. Nam Hàn, ngày nay gọi là Đại Hàn, là một trong năm quốc gia có số đầu tư lớn nhất tại Việt Nam.

Trước đó, bốn người Bắc Hàn bị bắt vì tội vượt biên trái phép vào Việt Nam tại huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang trong những ngày cuối năm 2002. Hai người đàn ông và hai phụ nữ Bắc Hàn này, không biết nói tiếng Trung Quốc và Việt Nam, đã đi hơn ba ngàn cây số, từ biên giới Bắc Hàn đến biên giới Việt Nam bằng đủ mọi phương tiện, để xin được tị nạn tại sứ quán Đại Hàn tại Hà Nội.

Đây là lần đầu tiên Hà Nội gặp phải một vấn đề rắc rối như vậy. Trả về Bắc Hàn hay giao lại cho Nam Hàn? Theo đúng tinh thần hữu nghị giữa hai nước cộng sản anh em, Hà Nội phải giao bốn người này lại cho Bình Nhưỡng. Việt Nam là một trong vài quốc gia hiếm hoi còn lại trên thế giới ủng hộ chế độ độc tài cộng sản Bắc Hàn. Nhưng Việt Nam cũng đang rất cần Đại Hàn (tức Nam Hàn) để phát triển đất nước, trả những người này về lại Bắc Hàn sẽ làm phật lòng giới đầu tư Đại Hàn. Có thể Hà Nội sẽ cho chìm xuống vụ này và để bốn người Bắc Hàn này vào sứ quán Đại Hàn xin tị nạn.

### Dự án xây đập thủy điện Sơn La đã được biểu quyết

Việt Nam quyết không chịu thua Trung Quốc về sự điên rồ. Nếu Trung Quốc xây được đập thủy điện khổng lồ Tam Hiệp trên sông Hoàng Hà thì Việt Nam cũng phải xây cho bằng được ba đập thủy điện khác, nhỏ hơn, trên sông Đà để ngang bằng. Ngày 16-12-2002, quốc hội Việt Nam thông qua nghị quyết xây dựng đập thủy điện Sơn La. Đây là một kế hoạch đã có từ lâu: xây dựng liên tiếp ba đập nước lớn trên sông Đà: đập Hòa Bình (khu vực hạ lưu khánh thành năm 1994), đập Sơn La (tuyến Pa Vinh II) và đập Lai Châu (tuyến Nậm Nhùn), để cung cấp điện và điều chỉnh lượng nước mùa lũ trên toàn miền Bắc.

Sơn La là công trình thủy điện lớn nhất của Việt Nam, sau khi hoàn thành xong đập Sơn La sẽ cung cấp từ 7.500 đến 9.200 kWh/năm (công suất toàn bộ hệ thống máy điện là 2.400 MW) đủ cho nhu cầu điện toàn miền Bắc. Địa điểm xây dựng là tại xã Ít Ong, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Công trình sẽ khởi công năm 2005 và hoàn thành trước cuối năm 2015. Chi phí dự trù cho dự án này là 3 tỷ USD (1/3 vay nợ nước ngoài, 2/3 vốn trong nước do bán công khổ phiếu), chi phí này trong thực tế sẽ còn cao hơn nữa vì chưa kể đến chi phí xây dựng nhiều đập nước phụ trên thượng nguồn để di chuyển dòng nước chính của sông Đà để xây đập chính.

Dung tích hồ là 9,2 tỷ mét khối nước, mực nước dâng

trung bình từ 205 đến 215 mét. Vùng đất ngập dự trù là 22.500 hecta, trong thực tế sẽ cao hơn nữa vì độ chênh lệch còn quá cao (5 đến 10 mét) giữa mực nước vào mùa khô và mùa mưa có thể làm tăng dung tích hồ chứa lên gấp rưỡi, và chia cắt tỉnh Lai Châu ra làm ba vùng biệt lập rất khó liên lạc với nhau. Số dân dự trù bị di dời khoảng 100.000 người (gần 20.000 hộ), chính quyền sẽ bồi hoàn khoảng 5.000 USD cho mỗi đầu người (một nguồn tranh chấp khác sẽ xảy ra giữa người đưa tiền và người nhận tiền do tham nhũng). Thiệt hại về môi sinh và con người do công trình xây dựng đập thủy điện Sơn La rất là đáng kể, chưa thể lường hết được.

Về sự an toàn sau khi đập thủy điện này được xây dựng xong, ông Nguyễn Văn Khá, phó chủ nhiệm ủy ban an ninh quốc phòng, cho biết nếu đập Sơn La vỡ, 30 phút sau toàn bộ đồng bằng Bắc Bộ chìm sâu dưới 40 đến 60 mét nước, khoảng 15 triệu người sẽ bị thiệt mạng. Cảnh báo này dựa trên thẩm định của ủy ban chuyên môn gồm 23 người, trong đó chỉ có 3 người hiểu biết về thủy điện. Đập Sơn La được dự trù xây dựng để chịu đựng khả năng động đất cấp 9, vì khả năng động đất cấp 8 tại vùng này còn rất cao và các điểm nứt gãy địa chất gây động đất chỉ cách công trình từ 6 đến 32 km, nhưng ai có thể bảo đảm không có gian dối trong việc thẩm định chất lượng xây dựng?

### "Cơm tù", tệ nạn mới trong xã hội Việt Nam

Từ một vài năm trở lại đây, hiện tượng quán "cơm tù" xuất hiện rầm rộ trên quốc lộ 1A và trên một số quốc lộ liên tỉnh. Gọi là "cơm tù" vì chủ quán ép khách ăn cơm với giá cao và cho ăn cái gì thì phải ăn cái đó, giống như ở trong tù vậy. Về hình thức, đó là những quán cơm bình dân bán cho người qua đường. Nhưng từ khi thông đồng được với công an khu vực địa phương và tài xế các tuyến xe đò liên tỉnh để ăn chia, những quán này trở thành nơi trấn lột hành khách một cách công khai. Ai lỡ dại từ chối vào quán ăn cơm thì bị chửi bới, đe dọa hay lãnh một trận đòn nên thân ngay, có khi phải bỏ mạng. Ngày 23-12-2002, ông Nguyễn Văn Hương, một hành khách 61 tuổi đã bỏ mạng thật, vì từ chối ăn cơm với giá cắt cổ. Ông Hương đã bị chủ quán "cơm tù" Thu Thanh trên quốc lộ 1A, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận, cùng đồng bọn đánh đến học ra máu mồm chết liền tại chỗ.

Sự lộng hành của những quán "cơm tù" này vượt quá sức chịu đựng của dư luận và chính quyền trung ương. Ngày 8-1-2003, thủ tướng Phan Văn Khải đã ra chỉ thị bài trừ nạn "cơm tù"; bộ công an, bộ giao thông vận tải và các chủ tịch ủy ban nhân dân địa phương cũng đã ra những thông tư tương tự yêu cầu các cấp lãnh đạo địa phương dẹp các quán "cơm tù" và phạt vạ nặng những ai vi phạm, nhưng không mấy thành công. Tất cả chỉ vì các lực lượng công an địa phương không chấp hành chỉ thị cấp trên vì sợ mất ăn, các quán "cơm tù" vẫn còn nguyên vẹn và hành khách vẫn tiếp tục bị trấn lột.

Các quán "cơm tù" này hoạt động mạnh suốt dọc quốc lộ 1 từ Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên,

Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận đến Sài Gòn và Cần Thơ.

## **Ô nhiễm phóng xạ tại Việt Nam**

Chuyện khó tin nhưng có thật : ngày 25-12-2002, công ty trách nhiệm hữu hạn Alpha bị Sở Khoa học và Công nghệ Khánh Hòa phạt hành chính 17 triệu đồng (1.000 USD) vì vi phạm luật an toàn bức xạ hạt nhân và cấm không được sinh hoạt trong ngành phóng xạ.

Nguyên do của vụ việc này là ngày 31-10-2002, trong lúc tháo ráp sửa chữa một máy chụp tại công trường của Công ty tàu biển Hyundai Vinshin (Khánh Hòa), 5 công nhân của hãng Alpha đã làm rơi một thỏi kim loại iridium 192 (kích cỡ 2x3cm, nằm trong con nhộng nhỏ bằng nhôm), phóng xạ 60 curie, khỏi bộ phận của máy đo chuyên dụng. Sợ bị nhiễm phóng xạ, năm người này vội vàng chạy sang văn phòng công ty Apave (100% vốn của Pháp), ở kế bên, mượn thiết bị đo hoạt độ phóng xạ. Thấy chỉ số báo vượt mức nguy hiểm, năm người này liền bỏ chạy ra ngoài để mặc thỏi iridium nằm chỏng chơ gần cửa buồng làm việc. Nửa giờ sau, không thấy công nhân hãng Alpha trả lại máy đo, những nhân viên của công ty Apave đi qua tìm mới phát hiện sự cố và báo động cho mọi người, toàn bộ khu vực hơn 200 mét bán kính bị cách ly. Nhưng quá trễ, tổng cộng có 23 người tình nghi bị nhiễm phóng xạ đang được theo dõi sát. Cũng nên biết, với nguồn phóng xạ 60 curie, tay người vô tình tiếp xúc có thể bị hoại tử tức thì, ở đây mức độ phóng xạ đo được là 48 curie.

Trong lúc điều tra người ta mới khám phá một chuyện động trời : công ty Alpha chỉ vừa mới được cấp giấy phép nhập khẩu nguồn phóng xạ, chưa có giấy phép hoạt động bức xạ, mà đã luôn lách ký được hợp đồng với Nhà máy tàu biển Hyundai Vinashin để chụp ảnh phóng xạ, và khi thực hiện hợp đồng vừa nói thì xảy ra sự cố nếu không thì không ai biết. Một vấn đề khác là khi biết khu vực làm việc bị ô nhiễm phóng xạ, nhân viên của Alpha lại không báo cho ban giám đốc hãng Hyundai Vinashin và Ban an toàn bức xạ hạt nhân mà... bỏ về nhà. Đó là chưa kể ba trong số năm người của công ty Alpha làm rơi thỏi iridium chưa hề được đào tạo về an toàn bức xạ để có những thận trọng cần thiết.

## **Còn đâu những ngôi nhà tình nghĩa !**

Báo *Gia Đình và Xã Hội* ngày 20-1-2003 cho biết, tất cả những ngôi "nhà tình nghĩa" cấp cho những gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với cách mạng hiện nay đều bị hư hỏng hay sụp đổ, không thể sử dụng được nữa. Không phải chỉ mới đây những ngôi nhà này mới bị hư hỏng, chúng đã xuống cấp ngay khi vừa vào ở và một năm sau thì toàn bộ căn nhà gần như bị mục nát. Bà Ngô Thị Nhân, vợ liệt sĩ, được cấp một ngôi nhà với giá rẻ ở xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho biết nhận nhà chưa được bao lâu thì toàn bộ cột sắt chống mái nhà đều bị rỉ sét đứt chân làm các vách tường bị siêu vẹo do đó khi có

gió lớn ngôi nhà lung lay muốn sập rất nguy hiểm cho tính mạng, đó là chưa nói khi trời mưa nước chảy theo chân đỉnh mái tôn dột tứ tung không sao ngủ được. Bà Nhân than thở: "Mặc dù được cấp nhà nhưng cả nhà thường xuyên sống lang thang ngoài đường vì mái tôn lợp quá thấp, ban ngày nóng chịu không nổi". Được biết bà Nhân đã làm đơn xin trả lại ngôi "nhà tình nghĩa" này nhiều lần, nghĩa là nhà nước phải trả lại tiền cho bà, nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Phải chờ tới hơn 20 năm sau khi chiến tranh chấm dứt chính quyền cộng sản mới sực nhớ tới công lao của những người đã giúp họ lên cầm quyền, nhưng muộn cũng vẫn còn hơn không. Trong những năm 1997-1998 chính quyền phát động rầm rộ chiến dịch đền ơn đáp nghĩa những gia đình thương binh, liệt sĩ bằng cách bán với giá rẻ hoặc trả góp với lãi suất thấp hàng chục ngàn ngôi "nhà tình nghĩa". Nhà được cấp không được sang nhượng hay bán lại cho bất cứ ai.

Chương trình xây dựng những ngôi "nhà tình nghĩa" này là một vụ lừa đảo và tham nhũng khổng lồ, ác độc nhất chưa từng xảy ra trong xã hội Việt Nam. Từ sau khi bình thường hóa quan hệ với thế giới năm 1993, Việt Nam được rất nhiều cơ quan tài chánh và nhân đạo quốc tế giúp đỡ xây dựng lại hạ tầng cơ sở, trong đó có chương trình xây nhà miễn phí cho người nghèo. Chính quyền cộng sản đã lợi dụng cơ hội này để tung ra chương trình xây dựng "nhà tình nghĩa" cấp không cho người nghèo để biển thủ tiền viện trợ. "Cấp không cho người nghèo" là một cách nói với những người cho tiền, thực chất là buộc người được cấp nhà miễn phí phải lo lót tiền để được cấp không, trên thực tế số người này không còn bao nhiêu vì đều đã qua đời, phần lớn số người được cấp nhà miễn phí là giả mạo. Số nhà còn lại được "bán rẻ" cho những người đã từng giúp đảng cộng sản chiếm chính quyền bằng chính mạng sống con cái mình trong chiến tranh và đang bị bỏ rơi. Như vậy nhà nước lợi cả hai đầu, vừa nhận được tiền viện trợ vừa nhận được tiền đút lót để làm hồ sơ (có nhà sớm và chỗ tốt) và bán nhà. Đó là chưa kể những khoản tiền do cấu kết với những nhà thầu xây dựng mang vật liệu ra thị trường chợ đen bán.

Không biết những người cộng sản loại này là hạng người gì mà có thể làm giàu trên xương máu những đồng chí cũ của mình mà không chút gớm tay. Trong chương trình này chỉ những người đã từng hy sinh xương máu cho cách mạng thành công là nạn nhân.

## **Một cuộc nội chiến không tên**

Theo báo cáo của hội nghị triển khai chính sách quốc gia phòng chống tai nạn thương tích do Bộ Y Tế tổ chức giữa trong hai ngày, 17 và 18-12-2002 vừa qua, tại Hà Nội: mỗi ngày Việt Nam có 30 người chết, 70 người bị tàn tật do tai nạn, trong đó tai nạn lưu thông là chính. Con số nạn nhân do tai nạn giao thông gây ra thật là khủng khiếp, cao hơn bất cứ cuộc nội chiến nào đang xảy ra trên thế giới : mỗi năm có khoảng 11.000 người chết và 25.500 người bị tàn tật vì tai nạn giao thông. Nếu đà này tiếp tục, không

những tiếp tục mà còn gia tăng, những người thương tật này sẽ là gánh nặng cho quốc gia và các thế hệ mai sau. Việt Nam là một trong vài quốc gia hiếm hoi còn lại trên thế giới khi lái xe hay băng qua đường là cả một thành tích, nếu sống sót. Theo nhận xét của những khách du lịch, Việt Nam là một quốc gia không có an toàn giao thông. Năm 1990 có 2.260 người chết vì tai nạn giao thông, năm 2001 tăng lên 10.540 người, số người bị thương là 30.170 người, tăng gấp sáu lần so với 10 năm trước.

Vấn nạn này rất khó bài trừ. Số người say sưa với tốc độ tăng cùng số lượng xe hơi và xe gắn máy khối lượng lớn nhập khẩu. Cứ vào mỗi dịp lễ lạc lớn, như Tết Nguyên Đán, Giáng Sinh, Trung Thu, Quốc Khánh, số tai nạn lưu thông tăng lên bất thường, phần lớn do đua xe trên các đường phố tại những đô thị lớn.

Nhà nước Việt Nam nên xây dựng những trường đua xe an toàn và hợp pháp cho các loại xe (gắn máy, ô tô) để giảm thiểu tai nạn giao thông. Số tiền thu được từ các trường đua này, do bán vé, dùng để tài trợ những chiến dịch bài trừ tai nạn lưu thông.

## **Ô nhiễm trên sông Sài Gòn**

Ngày 12-1-2003, một sà lan chở 500 tấn dầu bị tàu biển Fortune đụng chìm gần cầu Tân Thuận, nằm sâu dưới lòng nước sông Sài Gòn 18 mét. Mạn phải của sà lan bị thủng làm số dầu thô nổi lên loang khắp mặt nước, gây ô nhiễm tất cả bờ đất, bụi cây dọc hai bên bờ sông, mùi dầu bốc lên nồng nặc. Chỉ qua ngày hôm sau những phao chắn ô nhiễm mới được thiết đặt. Các tàu thuyền bị cấm qua lại trên sông trong nhiều ngày gây ách tắc vùng bờ biển vì không có chỗ thả neo, Cảng Sài Gòn cũng bị tê liệt trong nhiều ngày. Thiệt hại do tai nạn đường sông này gây ra rất là đáng kể.

Từ năm 1994 đến nay xảy ra 5 vụ đụng tàu gây tràn dầu nghiêm trọng trên sông Sài Gòn, gây thiệt hại cho môi trường và sinh hoạt kinh tế của dân chúng sống dọc hai bờ sông. Tổng số thô bị tràn trên sông Sài Gòn lên tới gần 2 ngàn tấn, số tiền bồi thường thiệt hại lên tới 5,2 triệu USD.

Nhưng tại Việt Nam có một sự kiện lạ là dân chúng sinh sống dọc hai bờ sông lại vui mừng khi có tai nạn đường sông, vì đó là cơ hội kiếm thêm tiền. Ngay đêm 12-1, hàng ngàn người đã đổ xô ra bờ sông giành nhau vớt dầu để bán, lúc sà lan mới chìm dầu thô nổi trên mặt nước dày cả tấc. Có người vớt được cả chục can (jerrycan), mỗi can 30 lít bán lại với giá 50.000 VND (3,5 USD) cho các chủ tàu thả neo quanh đó mua, những người này chứa số lượng dầu vớt được đó trong những phuy 200 lít để bán lại với giá cao hơn. Các cơ quan chuyên ngành chỉ hút được khoảng 400 tấn dầu thô trong sà lan chìm dưới đáy nước. Ô nhiễm trên sông Sài Gòn rất là đáng kể, nguồn thủy sản và ngành chăn nuôi tôm sú bị đe dọa nặng.

Không biết vụ tràn dầu trên sông Sài Gòn này có ảnh hưởng gì tới sông Đồng Nai không vì ngay trong đêm 12-1-2003 từng đàn cá chép, cá diêu hồng ở xã Tân Mai, huyện Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, lũ lượt phớt bụng

phủ trắng mặt nước sông. Giống như vụ tràn dầu, thay vì để chính quyền và các cơ quan có chức năng phụ trách thu vớt, hàng ngàn người sinh sống dọc hai bên bờ đổ xô ra bờ sông giành nhau vớt cá để bán lại. Giá ban đầu là 8.000 VND/kg (0,5 USD) xuống còn 2.000 VND, rồi 1.000 VND mà vẫn không tiêu thụ hết, đến lúc cáươn mới bị đổ lại xuống sông làm tanh hôi cả khu vực. Hậu quả : hàng trăm tấn cá nuôi và cá hoang bị mất trắng, hàng trăm người ăn nguồn cá bị ô nhiễm này phải vào nhà thương chữa trị vì bị nhiễm độc. Cũng nên biết, trong khu vực này dọc hai bờ sông Đồng Nai rất nhiều nhà máy hóa chất không có hệ thống thanh lọc chất thải nên đã xả bừa ra sông.

## **Cấm biểu tình và tụ họp công cộng ?**

Ngày 13-1-2003, ông Đoàn Mạnh Giao, bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng chính phủ, cho biết chính quyền cộng sản sắp trình quốc hội dự luật về biểu tình và tụ tập đông người. Từ đây đến ngày biểu quyết dự luật đó, nhà nước sẽ ban hành một nghị định hạn chế quyền biểu tình của dân chúng bị cho là "đã lợi dụng tự do dân chủ, lợi dụng quyền khiếu nại và tố cáo để lôi kéo kích động người khác nhằm gây rối trật tự an ninh".

Từ nhiều năm qua, dân chúng từ khắp nơi kéo về trung tâm các thành phố lớn biểu tình phản đối những vụ nhà đất bị chính quyền và cán bộ nhà nước chiếm đoạt một cách bất hợp pháp. Tại Hà Nội, có lúc có đến hàng ngàn người tụ tập trước trụ sở quốc hội, đảng và các bộ liên hệ, khiếu kiện về các vụ nhà đất. Nhiều người đã đến tận tư gia của các cán bộ lãnh đạo cao cấp để phản đối và khiếu kiện. Khi công an đến giải tỏa, những người này chống cự lại rất dữ dội. Tại Hà Tây, tháng 11-2002, tám công an bị dân chúng đả thương khi đến dẹp một cuộc biểu tình về đất đai. Tháng 12, Hà Nội xử tù hàng chục người dân tại hai tỉnh Nam Định và Hà Tây vì tội tham gia biểu tình, chống đối chính sách đất đai ở địa phương.

Ngày nào Hà Nội vẫn còn xác nhận đất đai thuộc quyền sở hữu của nhà nước thì những cuộc biểu tình chống đối này sẽ còn gia tăng, cho dù có bị ngăn cấm. Những quốc gia Đông Âu cũ đã thoát được vấn nạn này từ khi công nhận quyền sở hữu đất đai của dân chúng và nhờ đó đã phát triển một cách mau chóng.

## **Biểu diễn "lưỡi gổ" trong khoa nghiên cứu lịch sử**

Cuộc hội thảo quốc tế kỷ niệm 30 năm ngày ký Hiệp định Paris đã được tổ chức trong hai ngày 24 và 25-1-2003, tại Hội trường 19 avenue Kléber, 75016 Paris - nơi diễn ra các cuộc đàm phán chấm dứt chiến tranh Việt Nam 30 năm về trước - với chừng vài chục thính giả và diễn giả. Trái với 30 năm trước, trong suốt hai ngày hội thảo không một hãng truyền hình và truyền thông nào của Pháp hay quốc tế đến theo dõi, Việt Nam ngày nay không còn là "lương tâm của nhân loại" nữa.

Buổi hội thảo này do một số giáo sư chính trị thiên tả hoặc đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp, thuộc Trung tâm

nghiên cứu châu Âu và thế kỷ 20 và Hội Ngoại giao và Chiến lược, tổ chức với chủ đề : "Châu Âu và cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam". Một số nhà nghiên cứu đã lần lượt được mời lên phát biểu về vận động hòa giải và phong trào chống chiến tranh Việt Nam thời trước.

Hà Nội cử bốn người đến dự hội nghị nhưng ông Lưu Văn Lợi, người soạn thảo các văn kiện ngoại giao của Hà Nội thời đó, cáo bệnh không đến dự. Chỉ còn lại ba người : bà Nguyễn Thị Bình, cựu bộ trưởng ngoại giao của "Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam", một cụ già Việt kiều từng ủng hộ Hà Nội trong cuộc đàm phán tại Paris và một thanh niên đến từ Hà Nội. Hai người sau cùng, vì phát biểu quá dài và không ăn nhập gì tới nội dung buổi họp, đã bị cắt lời không cho nói tiếp. Riêng trường hợp bà Nguyễn Thị Bình thì thật là đáng thương.

Trong suốt thời gian được cho phép, bà Bình đã đọc một cách chăm chỉ bài "sớ", thay vì một bài nhận định nghiêm túc về chiến tranh Việt Nam, liệt kê những tuyên truyền chống Mỹ trong thời chiến tranh. Sang phần thảo luận, bà Bình không lần nào nhắc tới việc tôn trọng Hiệp Định Paris và tình hình bị đất của đất nước sau chiến tranh. Điều làm cả hội trường phì cười khi bà nói chính những người cộng sản Việt Nam mới là những người yêu nước nhất... Đúng là lưỡi gươm !

Ngược lại, bài phát biểu được tán thưởng nhiều nhất là của ông Bùi Diễm, cựu đại sứ Việt Nam Cộng Hòa, vì có một số nhận định khách quan giúp cử tọa hiểu rõ thêm về cuộc chiến tại Việt Nam, về Hiệp Định Paris và tình hình Việt Nam hiện nay.

Trong phần thảo luận, ông Bùi Tín nói cuộc chiến tranh vừa qua mang tính nội chiến nhiều hơn là chống ngoại xâm ; ông cho biết trong suốt 30 năm chiến tranh, hơn 75% người Việt Nam chết là do chính tay người Việt Nam giết.

## Đợt đàn áp dân chủ đạt mức thô bạo chưa từng thấy

Phạm Quế Dương, khuôn mặt dân chủ sáng chói nhất trong nước đã bị bắt ngày 28-12-2002 tại Sài Gòn và được giải về Hà Nội từ giữa tháng 1-2003. Gia đình vẫn chưa được gặp. Ông Phạm Quế Dương hiện bị giam tại nhà giam Thanh Liệt và bị đối xử tàn tệ. Không một nể nang nào được dành cho một người, 72 tuổi, một học giả, một sử gia và một sĩ quan lừng danh đã từng là chủ nhiệm chính trị một quân đoàn. Ông Dương bị giam giữ như một thường phạm, phải nằm trên bệ xi măng lạnh, thiếu cả chăn và gối. Cách đối xử hèn hạ này chỉ quệt một vết bẩn mới trên bộ mặt vốn đã nhợt nhạt của chế độ cộng sản.

Nhà nghiên cứu xuất sắc Trần Khuê, cùng là phát ngôn viên Nhóm Dân Chủ với ông Dương, cũng đã bị bắt từ ngày 29-12-2002, không tin tức.

Lê Chí Quang hiện đang bị giam tại trại Ba Sao thuộc tỉnh Nam Hà, cùng với linh mục Nguyễn Văn Lý. Tình trạng sức khỏe của Lê Chí Quang rất là nguy ngập : mặt

## Mục lục

1. Lời chúc đầu năm
2. Những anh hùng của đất nước hôm nay  
*Thông Luận*
3. Ai phản bội ai ?  
*Nguyễn Gia Kiểng*
5. Anh không hề cô đơn, và sẽ không bao giờ cô đơn  
*Trương Minh Dũng*
6. Trả tự do tức khắc cho Phạm Quế Dương và Trần Khuê  
*Chân Tín*
7. - Giới thiệu sách mới : *From Enemy To Friend, A North Vietnamese Perspective On The War* của Bùi Tín  
- *Nguồn gốc của đa nguyên và những hình thái của xã hội đa nguyên*  
*Nguyễn Gia Thường*
10. Thức tỉnh những thanh niên trong Đoàn Thanh Niên  
*Phượng Trinh*
11. Một phương án đổi mới trình đồng bào cả nước  
*Bùi Tín*
16. Trí thức Việt Nam, người là ai ?  
*Bửu Sao*
18. Cuối năm nghe chơi một băng nhạc Tết  
*Tương Năng Tiên*
20. Tết, tiếng pháo và chuyện Tháp Rùa  
*Phạm Việt Vinh*
23. Mùa Xuân bình yên ?  
*Phổ Tịnh*
24. Tìm hiểu hạt neutrino, viễn vọng kính, các vì sao và lỗ đen  
*Nguyễn Tiến Ich*
29. Nhắn tin  
*Nguyễn Văn Hòa*
32. Thơ : Đất khách  
*Sông Lô*
- Bài học của (hay cho) bà Bình ?  
*Trịnh Vũ Biên*
- Thư độc giả : Tiền nhuận bút  
*Nguyễn Đình Thơ*
33. Thời sự Việt Nam

phù to, môi thâm tím, mắt lồi ra, giọng nói và tay chân run rẩy do bệnh thận nặng không được chữa trị.

Nguyễn Vũ Bình (34 tuổi, ký giả) và Phạm Hồng Sơn (34 tuổi, bác sĩ và thạc sĩ quản trị) đang bị giam giữ chờ ra tòa. Riêng Nguyễn Vũ Bình bị biệt giam, gia đình chỉ được gửi lương khô do chính nhà tù bán.

Nhiều chính phủ dân chủ và tổ chức thiện nguyện đã lên tiếng và đang vận động đòi Hà Nội chấm dứt đợt đàn áp thô bạo này. Hai tổ chức nhân quyền uy tín nhất thế giới là Amnesty International (Ân Xá Quốc Tế) và Human Rights Watch (Theo Dõi Nhân Quyền) đã đặt việc yểm trợ những người dân chủ Việt Nam làm công tác chính của họ trong năm 2003.

Chính quyền cộng sản sẽ không bẽ gãy được phong trào dân chủ Việt Nam. Nhân dân Việt Nam và thế giới văn minh sẽ không để họ làm như vậy. Vòng vây đang xiết lại quanh họ và sức ép đang gia tăng lên họ. Đợt đàn áp này sẽ chỉ là một hành động tuyệt vọng khác của một chế độ đã bị đẩy sát chân tường.